

LỜI ĐẦU SÁCH

Tập sách nhỏ này được ghi lại lời giảng của Hòa Thượng Viện Chủ Thiền Viện Thường Chiếu giảng cho Phật tử tại bốn viện, hoặc vài nơi mà Hòa Thượng có dịp ghé qua. Chúng tôi nhận thấy những bài giảng này hướng dẫn tu học rất rõ ràng và thực tế, dễ hiểu, dễ thực hành. Xét lại, có một số Phật tử ở xa, có lòng ngưỡng mộ Phật pháp, không được trực tiếp nghe Hòa Thượng giảng dạy, cũng không đủ điều kiện nghe băng Cassette, nên chúng tôi ghi lại thành sách, để quý Phật tử có phương tiện nghiên cứu tu hành cùng được lợi ích.

Sau khi ghi xong, chúng tôi trình lên Hòa Thượng xem, được Hòa Thượng chấp thuận cho in để nhiều người được đọc. Vì ghi từ lời giảng, nên tập sách không tránh khỏi những khuyết điểm, nhất là phần hình thức. Mong quý độc giả thông cảm bỏ qua cho những lỗi mà chúng tôi vấp phải.

Thiền Viện Thường Chiếu 8 - 2 - 1993

Kính ghi

THUẬN GIÁC



TU LÀ HIỀN

Buổi nói chuyện hôm nay tôi nhắm vào quý Phật tử Phước Thái nhiều hơn là quý Phật tử ở các nơi. Vậy quý vị hãy lắng nghe cho kỹ. Ở đây tôi không giảng những đề tài cao siêu, mà đặt những câu hỏi rất thực tế, rất thấp, quý vị hãy trả lời đúng như chỗ mình biết, để rồi tôi hướng dẫn cho quý vị tu hành.

- Quý vị đi chùa học đạo, có phải tu theo đạo Phật không ?

- Thưa phải.

- Vậy, người tu là hiền hay dữ ?

- Dạ hiền.

- Người đi chùa, lạy Phật, ăn chay, tụng kinh, nếu có người xúc chạm đến thì nóng nảy la lối. Như vậy có hiền không ?

- Dạ chưa hiền.

- À, chưa hiền tức là chưa tu. Vậy đi chùa tụng kinh mà chưa hiền thì chưa gọi là người tu. Người tự nhận mình tu theo đạo Phật mà chưa hiền thì sao ? Phải tu thế nào mới gọi là tu theo đạo Phật và làm thế nào để được hiền, quý vị biết không ?

- Dạ chưa biết.

- Đây, tôi hướng dẫn cho quý vị tu để thành người hiền rất thực tế và dễ dàng. Theo tinh thần đạo Phật tu là tu ở ba nghiệp : thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Khi chưa biết tu, thân có khi làm lành có lúc làm dữ, miệng có khi nói lời thiện có lúc nói lời ác, ý có khi nghĩ tốt có lúc nghĩ xấu. Khi biết tu thì việc lành nên làm, việc dữ nên tránh. Lời thiện thì nói, lời ác thì chừa. Điều tốt thì nghĩ, điều xấu thì đừng. Người biết tu thì thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác, đó là người hiền. tu chủ yếu không phải ăn chay nhiều, vậy mà Phật tử cứ đua nhau ăn chay, cho ăn chay nhiều là tu, chớ không biết tu là chừa ba nghiệp ác. Nhân gian có câu ca dao để nhạo báng người ăn chay mà không hiền :

Sân si nghiệp chướng không chừa,

Bo bo mà giữ tương đưa làm gì ?

Tham sân si là nghiệp chướng của thân miệng và ý thì không chịu chừa bỏ, mà cứ đua nhau ăn chay, rồi cho đó là tu, tu như vậy không đúng với chủ trương của đạo Phật. Tu là thân không làm ác, miệng không nói ác, ý không nghĩ ác. Trong gia đình, nếu mọi người không biết tu thì cứ cãi vả chửi bới gây phiền não cho nhau. Thậm chí gây cãi không nguôi cơn giận thì đánh đập, đánh đập không thỏa mãn cơn giận thì tình nghĩa không còn, mà tình nghĩa đã hết thì ly dị chia tay, gia đình đổ nát. Nếu mọi người biết tu thì ý vừa khởi nghĩ ác, liền biết xấu chế ngự không dám nói lời nặng, không nói nặng thì đâu có cãi, không cãi thì làm gì có chuyện đánh đập, không đánh đập thì đâu có ly dị, gia đình thường được an vui hạnh phúc. Như vậy, nếu người biết tu thì ý không bao giờ nghĩ xấu cho ai, thì tâm không bực bội phiền não, lúc nào cũng vui vẻ an ổn. Nếu ý không nghĩ xấu thì miệng thân đâu có nói, làm hung ác khiến cho người đau khổ. Không làm khổ người thì được người thương mến, người thương mến thì không hại, nếu có chuyện bất trắc thì được người giúp đỡ. Khi đã biết tu thì thân miệng ý lúc nào

cũng thiện, ba nghiệp mà thiện thì tự thân được an vui, trong gia đình trên thuận dưới hòa, ngoài xã hội không gây xáo trộn sẽ được trật tự an bình. Như vậy người biết tu, chẳng những chính bản thân mình được lợi ích, mà gia đình và xã hội cũng được lợi ích. Đó là người tu đúng theo lời Phật dạy.

Nếu chỉ biết ăn chay, tay lần tràng hạt, nhưng mỗi khi có ai xúc chạm đến thì la lối chửi rủa không thua ai; người như thế không hiền, chưa phải là người tu. Do vậy, nên bị chế nhạo : “Ngoài miệng thì niệm Nam mô trong bụng thì chứa một bồ dao găm”. Ngoài miệng thì niệm Phật lâm râm, nhưng trong tâm thì quá hung dữ. Thế nên, ăn chay nhiều niệm Phật nhiều, mà không chịu tu thân, miệng, ý cho hiền thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Vì vậy, khi nói tới tu, người Phật tử phải nhớ thân miệng ý phải thiện. Phật dạy tu một giờ, là được an vui hạnh phúc một giờ, tu một ngày là được an vui hạnh phúc một ngày, tu một năm là được an vui hạnh phúc một năm.

Gần đây có một số Phật tử nghĩ rằng ăn chay, đi chùa, làm công quả có phước, nên ham, đua nhau làm. Ví dụ trong gia đình ăn chay một tháng bốn ngày, vì nghe nói ăn chay có phước nhiều được khen, nên người vợ tăng thêm sáu ngày, rồi mười ngày... chồng con ăn theo không nổi nên có chuyện xào xáo trong gia đình. Người vợ mới than trách rằng tôi muốn tu muốn tiến, mà bị quỷ nó phá nó ngăn không cho tu tiến. Người nghĩ nói như vậy có tu không ? Tu mà ý khởi nghĩ ác, miệng chửi chồng con là quỷ. Như vậy, chưa phải là người Phật tử chân chính. Người Phật tử chân chánh không đặt nặng việc đi chùa thường, tụng kinh giỏi, ăn chay nhiều, mà phải biết tu ba nghiệp thân khẩu ý cho thiện. Tu là chuyển ba nghiệp ác thành ba nghiệp thiện. Đi chùa niệm Phật ăn chay là nhớ từng hành động, từng lời nói, từng ý nghĩ luôn luôn phải hiền. Như vậy, có lúc nào là không tu. Chẳng hạn thân cuốc cỏ, xưa thấy rắn thì lấy cuốc đập chết, nay thấy rắn tránh không đập. Đó là chuyển nghiệp thân ác thành thiện. Xưa khi tiếp xúc với bạn bè, họ nói lời hung dữ làm mình tức giận bèn nói nặng lời cho bỏ ghét, nay nhớ mình là người tu không được lớn tiếng gây cãi, nên im lặng mà nhẫn nhịn. Đó là chuyển nghiệp khẩu ác thành thiện. Lúc ngồi một mình vừa khởi nghĩ xấu về người, liền hổ thẹn dừng không nghĩ nữa. Đó là chuyển nghiệp ý ác thành thiện. Tu như vậy, đâu đợi vô chùa tụng kinh lạy Phật mới tu, mà giờ nào ở đâu cũng tu được, thế mới đúng ý nghĩa tu của đạo Phật. Nếu hiểu và tu như vậy, thì lo gì mai kia không được về cõi Phật. Trong kinh có câu : “Tam nghiệp hằng thanh tịnh, đồng Phật vắng Tây phương”. Ba nghiệp mà hằng trong sạch thì đồng với Phật về cõi Phật. Nếu không bỏ ba nghiệp ác, mà cố niệm Phật nhiều cầu Phật A Di Đà rước về Cực lạc, cũng không được rước về, vì ba nghiệp còn ác thì về đó cứ gây cãi đánh đập hoài, biến cõi Cực lạc thành cõi Ta bà khổ hay sao ?

Vậy, tu cốt là chuyển ba nghiệp ác thành ba nghiệp thiện là bước đầu, tụng kinh niệm Phật là bước kế tiếp. Bước đầu là nền tảng mà không thực hiện trước, lại đi bước thứ hai, giống như cất nhà lầu mà không xây nền móng, quyết định cái nhà sẽ đổ không thành. Lại cũng có nhiều Phật tử đi chùa lâu năm, ăn chay, niệm Phật, nếu con cháu có làm gì trái ý thì mắng chửi không tiếc lời, khiến cho con cháu buồn không thương mến. Rồi viện cớ là chỉ hiền với người ngoài thôi, đối

với con cháu trong nhà là phải khó phải dữ nó mới sợ. Người Phật tử nói như vậy là không đúng. Tu là phải hiền, hiền với tất cả mọi người, từ trong nhà cho đến ngoài xã hội. Giả sử con cháu có nói bậy, làm sai, thì nên ôn tồn nhỏ nhẹ khuyên dạy con cháu. Đừng nên chửi bới la rầy, vì lúc nóng giận không kiểm soát được ý nghĩ lời nói, sẽ nói bậy, mà nói bậy thì mất uy tín với con cháu.

Kinh Phật ví dụ một Trưởng giả có tất cả bốn bà vợ. Người vợ thứ nhất rất trung thành với ông, thế mà suốt ngày ông không hề nghĩ tới. Người vợ thứ hai được ông lưu ý chút ít. Người vợ thứ ba được ông nhắc nhở liền miệng. Người vợ thứ tư thì ông ở đâu bà có mặt ở đó, không rời một gang tấc. Một hôm ông đau nặng sắp chết, hỏi cả bốn người vợ :

- Tôi sắp chết, trong bốn bà có ai nguyện chết theo tôi không ?

Vợ thứ tư lên tiếng :

- Bình thường ông ở đâu thì tôi có mặt ở đó, bây giờ ông chết tôi xin đưa ông tới cửa.

Vợ thứ ba lên tiếng tiếp :

- Bình thường tôi được ông lưu ý nhắc nhở liền miệng, bây giờ ông chết tôi xin đưa ông tới cổng.

Vợ thứ hai nói :

- Bình thường tôi cũng được ông nhắc nhở, bây giờ ông chết tôi xin đưa ông tới mộ.

Vợ thứ nhất nói :

- Bình thường tuy ông không nghĩ tới tôi, nhưng bây giờ ông chết, tôi nguyện chết theo ông.

Quý vị thấy ông Trưởng giả quá bất công và bội bạc, người thương mình, trung thành với mình thì lơ là không nghĩ đến, người thương ít thì luôn luôn theo dõi không rời. Ông Trưởng giả bất công bội bạc này Phật dụ cho mỗi chúng ta. Người vợ thứ tư Phật dụ cho tiền bạc. Chúng ta ở nhà, hay đi đâu đều có tiền trong túi không thể thiếu nó. Nhưng khi chúng ta chết thì nó nằm trong tủ, hoặc ở nơi ruộng thuộc phạm vi trong nhà, vì vậy mà nói đưa tới cửa. Người vợ thứ ba dụ cho của cải sự nghiệp nhà cửa; nó ở trong phạm vi vòng rào nhà, nên nói đưa tới cổng. Người vợ thứ hai dụ cho công danh chức tước; khi đưa quan tài người chết tới huyệt thì đọc diếu văn kể công trạng chức tước rồi mới hạ huyệt chôn cất, nên nói đưa tới mộ. Người vợ thứ nhất dụ cho nghiệp lành hay nghiệp dữ theo mình như hình với bóng, có mình ở đâu thì có nó ở đó không rời nhau, nên nói tình nguyện chết theo.

Tác động của thân khẩu ý lập tới lập lui nhiều lần gọi là nghiệp. Người dạy học hằng ngày thì gọi là nghề giáo hay nghiệp giáo. Người cùng làm một việc thì gọi là bạn đồng nghiệp. Có người là có nghiệp; người, nghiệp không rời nhau. Giả sử như ông thầy giáo đi đường có mang theo một số tiền, bất thần ông bị tai nạn, bao nhiêu tiền của ông mang theo đều mất hết. Nhưng nghiệp dạy học vẫn còn không mất, về nhà ông vẫn đến trường tiếp tục dạy học trò. Như vậy, tiền của sự sản là cái ngoài mình, nên bị mất dễ dàng không thể giữ được mãi mãi. Còn nghiệp là cái không ngoài mình, nên chẳng bao giờ mất. Thế mà trong cuộc sống

hằng ngày, mọi người đều nghĩ làm sao cho có tiền, làm sao cho có của, nếu có tiền có của rồi thì muốn có địa vị danh vọng. Trong ba thứ đó nghĩ tới tiền nhiều nhất, rồi tới của cải, danh vọng. Khi chết, thì tiền của từ già mình trước nhất, tức là khi chết nó ở lại chớ không theo mình. Trong đời này không ai là không chết, hoặc chết sớm hoặc chết muộn, khi chết thì không ai đem được tiền của theo, chỉ có nghiệp lành hay nghiệp dữ theo mà thôi. Thế nên, nếu là người Phật tử khôn ngoan sáng suốt, dù cho làm ra nhiều tiền của mà làm ác thì nhất định không làm, vì khi chết tiền của không cứu được tội khổ và phải để lại tất cả, chỉ có một mình mình chịu quả báo khổ đau. Nghĩ và nói ác mà đem lại lợi lộc cho mình cũng không nói. Như thế, mới không bị tiền tài sai sử tạo nghiệp ác. Ngày nay không gây tạo tội lỗi, không bị người chê trách, mai kia chết đi cũng nhẹ nhàng thanh thoi, đó là khéo giữ khéo tu ba nghiệp. Ca dao có câu :

Bởi chung kiếp trước khéo tu,

Ngày nay con cháu võng dù nghênh ngang.

Do kiếp trước khéo tu nên ngày nay con cháu mới sang trọng, nếu hiện tại không chịu tu thì con cháu về sau khó khổ. Chúng ta tu là tạo cho cuộc sống hiện tại tốt đẹp an vui, ngày mai lại càng an vui tốt đẹp hơn. Người biết tu thì thường nhớ tới nghiệp, để tránh nghiệp ác làm nghiệp lành, hơn là nhớ tới tiền của vật chất. Tuy trong cuộc sống, chúng ta phải làm ra tiền mới sống được, nhưng phải làm sao cho công bằng lương thiện, mình an vui, người không khổ, hiện tại mình hạnh phúc mai sau cũng an lành. Vậy, tu không phải mong cầu cái gì cao siêu huyền bí, mà ngay trong thực tế, thường làm lợi mình lợi người một cách cụ thể không mơ hồ viển vông.

Đạo Phật chủ trương tu là để giải thoát, song nói giải thoát có vẻ xa vời quá ! Nhưng, nếu thực tế thân chúng ta không làm ác là giải thoát được cái khổ nghiệp ác của thân. Vì nếu cướp của giết người thì bị cái khổ đánh đập tù tội, bây giờ không tạo nghiệp ác thì thân được lành mạnh tự do, đó là giải thoát nghiệp ác của thân. Nếu miệng không nói lời hung dữ ác độc thì giải thoát được nghiệp ác của miệng. Ý không nghĩ ác thì giải thoát được tâm niệm xấu xa buồn ghét người khác. Tuy không hoàn toàn giải thoát nhưng có giải thoát từng phần; tu ít thì giải thoát ít, tu nhiều thì giải thoát nhiều, có tu là có bớt khổ. Chẳng những bớt khổ trong đời này mà đời sau còn được an vui nữa. Nên người biết tu không sợ chết, vì ai cũng phải chết, và biết rằng mình không tạo nghiệp ác thường tạo nghiệp lành, sau khi chết sẽ an vui không khổ. Tuy nhiên, đừng vì muốn giải thoát mà liều chết sớm để được khỏe mạnh sung sướng, thì không đúng với tinh thần giải thoát của đạo Phật. Thông thường thì người đời tham sống sợ chết, nên nghe nói chết rất sợ. Nhưng người biết tu thì ngay cuộc sống hiện tại lúc nào cũng an vui, khi chết đến thì bình thản không loạn động, nên không muốn chết sớm mà cũng không sợ chết. Vì vậy mà Phật Tổ mới dạy chúng ta tu, tu là nguồn cội hạnh phúc, hết phiền não hết khổ đau.

Kể từ ngày nay quý Phật tử ở gần Thiền viện, mỗi tháng hai lần vào ngày rằm và ba mươi, nên đi chùa sám hối và nghe quý thầy giảng để biết phương hướng mà tu tập. Nghe một lần tuy biết đó, nhưng vì cái bệnh của chúng sanh là

hay quên, nên mỗi tháng phải đi hai lần, nhờ các thầy nhắc nhở, luôn ghi nhớ mới
tinh tấn mà tu hành.



NGHIỆP DẪN LUÂN HỒI TRONG LỤC ĐẠO

Giáo lý của đức Phật cốt yếu dạy cho con người tu để giải thoát luân hồi sanh tử. Tuy nhiên, tùy theo sức huân tu cao thấp mà giải thoát cũng có nhiều tầng bậc. Đại lược chúng ta có thể chia làm hai bậc là : từng phần giải thoát và toàn phần giải thoát.

Từng phần giải thoát là bậc thứ nhất, tu mà còn luân hồi sanh tử, nhưng biết chọn lựa nghiệp lành để đi trong đường tốt hưởng phước báu. Những loài chúng sanh đi trong các đường : Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A-tu-la đều không biết chọn nghiệp lành, nên đi vào đường ác chịu quả báo khổ đau. Và ngay như loài người có người biết chọn nghiệp thiện, lại cũng có người không biết chọn nên tạo làm nghiệp ác, vì vậy mà chịu không biết bao nhiêu thứ đau khổ. Thế nên, tuy còn ở trong vòng lục đạo luân hồi, sau khi bỏ thân này, muốn cho đời sống của thân sau được an vui hạnh phúc, thì ngay hiện tại phải biết lựa chọn nghiệp lành để làm và tránh xa nghiệp ác, đó là gốc của sự tu hành.

Nghiệp là động lực dẫn chúng ta đi trong luân hồi sanh tử, nên rất hệ trọng đối với sự tu hành. Vậy nghiệp là gì ? Nghiệp được dịch từ chữ Phạn Karma; nghĩa là động tác dấy khởi từ ý, miệng và thân. Động tác ấy được lặp đi lặp lại nhiều lần thành thói quen, và khi đã thành thói quen thì nó có sức mạnh chi phối dắt dẫn con người theo nó.

Nghiệp là việc làm của chính mình, mình làm chủ và tạo tác thành thói quen, rồi cũng chính mình thừa nhận hậu quả do nó đưa tới. Kinh Phật dạy : “Chúng sanh làm chủ tạo nghiệp và thừa kế cái nghiệp mà mình đã tạo” không do ai khác ngoài mình.

Chúng ta từ thuở sơ sanh lớn dần cho tới 9, 10 tuổi, đâu có ai mắc bệnh ghiền rượu, ghiền trà hay ghiền thuốc... Thế mà từ 15, 16 tuổi cho tới già do sự tập tành thành thói quen, người thì ghiền rượu, người thì ghiền thuốc, kẻ thì ghiền á phiện... Đứa trẻ 15, 16 tuổi thấy người lớn cầm thuốc hút nhả khói phì phà, tưởng đó là oai là sang, nên bắt chước hút, thành thói quen rồi ghiền thuốc. Lúc mới tập hút thì mình là chủ thích hút thì hút, không thích thì thôi, nhưng hút nhiều lần dần dần thành thói quen, thiếu thuốc thì khó chịu, ngáp, buồn, phải đi mua về hút. Khi đã ghiền rồi thì không còn làm chủ được nữa mà nó làm chủ ngược lại mình, sai sử mình làm theo thói quen ưa thích đó. Vậy, nghiệp là cái chúng ta tự tạo, chúng ta làm chủ tạo thành thói quen, khi thói quen thuần thục thì nó làm chủ dắt dẫn sai sử chúng ta. Nếu chúng ta tập thói quen làm thiện thì được dẫn dắt tiếp tục làm việc thiện, nếu chúng ta tập thói quen làm việc bất thiện thì bị dẫn dắt tiếp tục làm việc bất thiện. Chẳng hạn, người mỗi chiều đi chùa, tụng kinh lâu dần thành thói quen, một hôm tới giờ tụng kinh không đi, cảm thấy thiếu, thấy buồn, có một động lực thôi thúc bắt phải đi chùa tụng kinh. Còn người khác, mỗi chiều đi quán uống rượu, lâu ngày thành thói quen nên ghiền, tới cỡ đi uống rượu, không đi thì cảm thấy bức rứt, khó chịu, ngáp dài, có một ma lực cứ thôi thúc sai khiến tới quán để uống rượu. Người đi chùa tụng kinh tập thành thói quen đó là nghiệp thiện, đưa tới sự an vui lợi ích cho bản thân mình. Người đi quán uống rượu tập

thành thói quen là nghiệp ác, đưa tới nghèo thiếu, bình hoạn kém trí tuệ. Vậy, nghiệp phát xuất từ đâu ? Nếu thân tạo tác thiện đó là nghiệp thiện của thân, thân tạo tác ác đó là nghiệp ác của thân. Miệng nói lời lành là nghiệp thiện của miệng, miệng nói lời hung dữ là nghiệp ác của miệng. Ý nghĩ tốt là nghiệp thiện của ý, ý nghĩ xấu là nghiệp ác của ý. Đó là nghiệp phát xuất từ thân khẩu ý. Tạo nghiệp chủ động là mình, nếu muốn luân hồi chỗ tốt thọ thân lành mạnh tốt đẹp sống được an vui hạnh phúc, thì hiện tại phải biết tạo nghiệp thiện. Ngược lại tạo nghiệp ác thì luân hồi đến cõi xấu, thọ thân xấu, sống đời đầy đau khổ u tối. Hạnh phúc hay đau khổ do mình chủ động trọn vẹn, chớ không do ai khác, ngay Phật Trời cũng không dự phần trong đó. Như vậy, chúng ta là chủ tự chọn lấy hướng đi cho chúng ta mai sau, nếu khôn ngoan đã chọn cho mình một hướng đi tốt đẹp thì cứ theo hướng đó mà đi, chớ có thay đổi. Cũng như các học sinh sau khi đã chọn nghề và thi tốt nghiệp ra trường, phải theo cái nghề mình đã chọn mà sống, sướng hay khổ là tùy theo cái nghề của mình chọn.

Vậy, chúng ta tu là phải làm sao ? Có nhiều Phật tử than vì bệnh tật vì nghèo khó không thể tu. Người than như vậy là chưa biết tu, vì họ tưởng phải đi chùa nhiều, tụng kinh giỏi mới là tu. Đó là một sự hiểu lầm rất lớn. Như đã nói, tu là chuyển nghiệp ác thành nghiệp thiện, mà nghiệp thì phát xuất từ thân, khẩu, ý. Giả sử như người buôn bán tráo hàng thật ra hàng giả, hoặc cân đo thiếu, hoặc khi bán gặp người trả giá không đúng, nổi giận la chửi, đó là thân miệng tạo nghiệp ác, không biết tu. Người buôn bán với định mức lời vừa phải, hàng thật nói là hàng thật, hàng giả nói là hàng giả, cân đo đúng, khách trả đúng giá thì vui vẻ bán, khách trả không đúng giá, tuy không bán vẫn vui cười không tức giận mắng chửi; hoặc đi đường gặp người già yếu nhường lối đi, nhường chỗ ngồi, đưa qua đường, đưa qua cầu, bung xách nặng giùm người... đó là thân khẩu thiện, biết tu, tu trong công việc làm ăn, tu ngoài đường, tu ngoài chợ. Ở trong nhà, đối với người thân cũng phải giữ thân miệng luôn lành, làm cha mẹ giữ đúng tư cách của cha mẹ, con cái có lỗi lầm phải từ tốn răn dạy, hướng dẫn phù hợp với đạo lý cho con nên người, đó là tu. Nếu ỷ quyền cha mẹ, khi con làm không vừa ý, tay đánh đập, miệng la hét, chửi rủa đó là không biết tu. Phận làm con đối với cha mẹ phải biết thương kính, chăm lo việc ăn mặc thuốc thang cho cha mẹ, đừng để cho cha mẹ buồn tuổi lúc tuổi già. Nếu cha mẹ có sanh tật, khó khăn thì nên an ủi khuyên lơn hơn là hờn trách chế giễu. Đó là chuyển nghiệp thân, nghiệp khẩu thiện. Về ý nghiệp có phần vi tế hơn, với người biết tu cũng chuyển được nghiệp ác thành nghiệp thiện. Giả sử đang ngồi chơi, hay đi, hoặc làm việc, khởi nghĩ buồn giận người, biết đó là ý ác liền dừng không nghĩ, mà khởi nghĩ thương người nghèo khó, quý kính bậc hiền đức, tìm cách giúp đỡ người khốn khổ... đó là chuyển nghiệp ý ác thành nghiệp ý thiện. Nếu cho rằng đi chùa hay tụng kinh mới là tu, thì tu quá ít. Bệnh nào tật nấy vẫn còn nguyên, tham sân ích kỷ vẫn không chừa. Tu như thế hiện tại tự mình không lợi ích và cũng không đem được an hòa cho mọi người chung quanh, mai sau sẽ bị nghiệp lôi vào đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thế nên Phật dạy trong tất cả ngày giờ của mọi sinh hoạt, đều phải tu mới chuyển được ba nghiệp trọn hiền. Ba nghiệp hiền rồi, ngay đời hiện tại tự mình không

phiền não, lúc nào cũng nhẹ nhàng an vui. Trong gia đình mọi người không thắc mắc rầy rà, trên thuận dưới hòa, đầm ấm hạnh phúc. Ngoài xã hội được an bình không loạn ly. Tu như thế mới thật là tu. Đừng vì muốn được đi chùa thường xuyên, muốn được tụng kinh nhiều mà phớt bỏ cả việc nhà, thân miệng ý không chuyển cho hiền. Ở trong nhà thì thắc mắc, gây cãi hết người này tới người nọ làm cho gia đình xào xáo. Đối với người ngoài xã hội thì không nhin một lời không nhường một bước. Đi chùa tụng kinh như thế là chưa thật tu.

Có một bà cụ Nhật Bản lần chuỗi niệm Phật rất giỏi; khi lần chuỗi niệm Phật thì rất chăm chỉ, nhưng khi dừng niệm Phật thì rầy rà con cháu inh ỏi. Con trai bà thấy bà tu mà như thế nên buồn và nói :

- Má à, má tu má cứ lo niệm Phật đi, sao má cứ rầy rà hoài khiến tâm xao lãng làm sao Phật chứng cho má ?

Bà nói :

- Khi nào tao niệm Phật thì Phật thông cảm cho tao, còn khi nào tao rầy tụi bây thì tụi bây biết cho tao.

Bà chia làm hai phần, phần niệm Phật thì tu với Phật, phần rầy la thì dành cho con cháu! Người thật tu là vừa tu với Phật vừa tu với người thế gian, tu như thế mới trọn vẹn.

Có người ngoại đạo đến hỏi Phật :

- Thưa ngài Cù-đàm, cái gì định đặt cho con người, sinh ra kẻ thì nghèo nàn khổ sở, người thì giàu sang sung sướng, kẻ thì sống lâu, người thì chết yểu, kẻ thì yếu đau, người thì khỏe mạnh, kẻ thì ngu tối, người thì thông minh ?

Phật trả lời :

- Tất cả sự sai biệt giữa con người và con người là do nghiệp mà họ đã tạo định đặt ra, nên có người ưu kẻ liệt.

- Do tạo nghiệp gì khiến cho người sống lâu và do tạo nghiệp gì khiến cho người chết yểu ?

- Người không tạo nghiệp sát hại chúng sanh thì được thọ mạng lâu dài. Người tạo nghiệp sát, đoản mạng sống của chúng sanh nên thọ mạng yểu.

- Do tạo nghiệp gì mà thân người được khỏe mạnh và do tạo nghiệp gì mà thân hay yếu đau bệnh tật ?

Do nghiệp ác làm cho người đau khổ nên thọ thân hay bệnh tật đau yếu. Và do tạo nghiệp lành an ủi giúp đỡ người qua những tai nạn khốn khổ, nên được thọ thân khỏe mạnh vui tươi.

- Do tạo nghiệp gì mà sanh thân trong gia đình giàu sang sung sướng và do tạo nghiệp gì mà sanh thân trong gia đình nghèo đói khốn khổ ?

- Do đời trước biết làm lành, biết bố thí cúng dường, biết giúp đỡ người nghèo đói bệnh tật, nên đời này được sanh ra trong cảnh giàu sang sung sướng. Người ở đời trước không biết bố thí cúng dường, không biết giúp đỡ người nghèo khó, lại còn tham lam rút rĩa của người, nên đời này sanh thân trong cảnh nghèo đói thiếu thốn.

- Do tạo nghiệp gì người sanh ra được thông minh sáng suốt và do tạo nghiệp gì người sanh ra lại ngu dốt tối tăm ?

- Người đời trước do siêng năng học hỏi tìm hiểu chân lý, ưa thích giúp người được học hỏi hiểu biết nên đời này được thông minh. Người ở đời trước do lười biếng học không chịu tìm hiểu chân lý, cản ngăn sự học hỏi của người; nên đời này bị tối tăm mê mờ.

Vậy, tất cả quả tốt hay xấu mà chúng ta đang thọ nhận hiện nay, gốc là từ cái nhân chúng ta gây thủa trước, chớ không phải bỗng dưng mà có. Khi đã biết như thế, chúng ta muốn ngày mai được tốt đẹp an vui hay bị đau khổ, thì ngay bây giờ chúng ta phải chuẩn bị. Nếu chuẩn bị bằng nghiệp thiện thì sẽ được đến cõi lành và được an vui hạnh phúc, nếu chuẩn bị bằng nghiệp ác thì sẽ đi vào đường dữ và bị khổ đau.

Có người nghi vấn : Hiện tại thân này hành động tạo nghiệp thiện hay ác, mai kia thân hoại rồi hành cũng mất, vậy nghiệp còn hay mất ? Đa số người không tin lý nhân quả, họ nghĩ rằng sau khi thân hoại hành động không còn thì nghiệp cũng mất. Trong kinh Phật thường nói nghiệp theo mình như bóng với hình vậy; đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai có sự liên hệ tùy theo nghiệp của mỗi người. Ví dụ có hai người khách qua sông, một người chuyên nghề giáo, một người chuyên nghề thương mại, khi đi đường người thương mại mang theo nhiều vàng bạc của cải, nhà giáo chỉ mang theo một cặp sách vở và chút ít tiền lộ phí, thuyền qua giữa sông bất thần gặp sóng làm chìm. Khi thuyền chìm, mạnh ai nấy lo lội vào bờ để thoát chết, lên đến bờ thì tất cả của cải tiền bạc của nhà thương mại không còn, cặp giấy tờ, tiền lộ phí của nhà giáo cũng mất. Cả hai đều trắng tay, nhưng kiến thức giáo dục của nhà giáo không mất, kiến thức mua bán của nhà thương mại cũng không mất. Kiến thức là cái chuyên môn, sở trường của con người không mất tức là nghề nghiệp không mất. Như vậy, để thấy, qua những cuộc biến đổi tất cả những cái có hình tướng ngoài mình thì mất, nên khi thân này có hoại đi, nghiệp thức không ngoài mình nên không mất. Của cải tài sản thế gian, chúng ta tạo sắm nhiều thế mấy, khi chết rồi tất cả đều phải để lại không mang theo được một món nào, chỉ có mang theo nghiệp mà thôi. Đó là một lẽ thật. Thế mà, có nhiều người không hiểu không tin, rồi mê tín dấn nhà lầu xe hơi, mua giấy tiền vàng bạc đốt, để đem theo cho cha mẹ hay chồng con chết xài !

Có người hỏi tôi :

- Con cháu vì thương cha mẹ, sau khi cha mẹ chết họ dấn nhà, xe , mua giấy tiền vàng bạc thật nhiều đem đốt và cầu nguyện cho cha mẹ được hưởng. Như vậy cha mẹ có được hưởng không?

- Nếu con cháu đốt giấy tiền vàng bạc rồi cầu nguyện cho cha mẹ nhận, tôi e rằng ở tù chớ chẳng được hưởng. Tại sao ? Vì mang bạc giả xuống Diêm Vương xài là bất hợp pháp. Nếu đốt nhà lầu xe hơi, cầu cho thân nhân nhận để ở và đi. Theo tôi nếu ai làm như vậy là hại thân nhân của mình. Vì nếu họ nhận được là họ có nhà lầu để ở, có xe hơi để đi, có tiền bạc để xài, đủ tiện nghi quá thì họ sẽ ở mãi trong cõi âm, không đi đầu thai. Đó là trường hợp thân nhân của mình trong sanh tiền có chút ít phước lành. Còn nếu là kẻ có tội thì chết đọa địa ngục bị giam nhốt hành hạ, làm sao mà nhận lãnh tiền bạc, nhà, xe để xài ? Đó là chưa nói đến nhà xe, tiền bạc bị đốt thành tro thì làm sao dùng được? Thật là vô lý!

Như vậy, để thấy chính nghiệp lành hay nghiệp dữ mà mình đã tạo, nó dẫn mình đi thọ thân trong cảnh giới sướng hay khổ. Tất cả việc làm bên ngoài của người thân, vì thương muốn giúp mình, khó mà giúp được, mình làm mình phải chịu, người khác không thể thế được.

Lại có người nêu câu hỏi :

- Tại sao có người làm ác mà họ sống phây phây ? Có nhiều người rất hiền lành, làm phước, làm nghĩa mà lại gặp nhiều hoạn nạn ? Như vậy luật nhân quả bất công sao ? Lại có nhiều người không làm ác, vừa làm ác là thọ quả báo ác liền, hoặc vừa làm thiện thì thọ quả báo lành liền. Như vậy là sao ?

Trong kinh Phật có dạy : Nếu nói : Tạo nghiệp thiện sẽ được phước báo lành, tạo nghiệp ác bị quả báo khổ thì Phật chấp nhận. Nếu nói rằng tạo nghiệp thiện sau khi chết sẽ sanh về cõi Trời, tạo nghiệp ác sau khi chết sẽ đọa địa ngục liền, điều đó Phật không chấp nhận. Tại sao nói làm ác chịu quả báo ác làm thiện được quả báo thiện thì Phật chấp nhận, mà nói tạo nghiệp ác sau khi chết đọa địa ngục, tạo nghiệp thiện sau khi chết sanh về cõi Trời thì Phật không chấp nhận ? Về thuyết nghiệp, Phật có nói cận tử nghiệp và tích lũy nghiệp. Tích lũy nghiệp là nghiệp chứa nhóm nhiều kiếp đến giờ. Cận tử nghiệp là nghiệp mới tạo tác lúc sắp chết. Cận tử nghiệp và tích lũy nghiệp có ảnh hưởng chi phối nhau mà quyết định đưa người chết đến cõi lành hay cõi dữ. Ví dụ người có tích lũy nghiệp lành từ xưa đến nay, bất thần họ mê muội có người xúi giục họ làm điều ác, làm điều ác này đáng lý phải đọa địa ngục, nhưng vì tích lũy nghiệp lành họ còn nhiều nên chưa đọa địa ngục liền. Lại cũng có người làm nhiều điều ác, đáng lý phải đọa địa ngục, nhưng gần chết họ làm lành. Tâm họ luôn nghĩ tưởng đến điều lành, nên không đọa địa ngục. Thế nên nói làm ác khi chết như định đọa địa ngục, làm thiện lên thiên đàng, thì không đúng hẳn. Vì tuy họ có làm ác, nhưng lúc gần chết cận tử nghiệp thiện họ quá mạnh có thể đưa họ đến cõi thiện. Còn người tuy làm nhiều điều thiện nhưng khi gần chết họ nổi sân quá hung dữ, lúc đó cận tử nghiệp ác có thể đưa họ đến các đường xấu. Thế nên, không phải chỉ tu khi sắp chết, hoặc chỉ tu ở giai đoạn thân còn khỏe mạnh, mà phải luôn giữ thân, khẩu, ý lành từ lúc còn trẻ trung mạnh khỏe cho đến chung cuộc của kiếp người.

Xưa có Ma-ha-nam con của Cam-lộ-phạn Vương em nhà chú của đức Phật, Ma-ha-nam tu cư sĩ giữ năm giới, tu thập thiện, thọ bát quan trai... Một hôm hỏi Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn, bình thường con giữ năm giới, thọ bát quan trai, tu thập thiện, giả sử con chết bất đắc kỳ tử bởi một tai nạn xảy ra, sau khi chết con sẽ đi về đâu?

Phật trả lời bằng một ví dụ :

- Có một cây mọc từ đất lên, thân và cành cây nghiêng về một bên. Vậy khi cưa, thân cây ngã bên nào ?

Ma-Ha-Nam đáp :

- Cây sẽ ngã về bên mà nó đang nghiêng.

Phật dạy tiếp :

- Cũng vậy, bình thường ông hay làm điều lành, khi chết tuy bị khủng hoảng, nhưng nghiệp thiện tích lũy nhiều sẽ hướng ông đến chỗ lành, không sao, đừng sợ.

Vậy, chủ yếu của việc tu hành, chẳng những tạo nghiệp lành trong lúc còn mạnh khỏe, mà lúc gần chết tâm niệm cũng phải lành thì mới bảo đảm đi đến nơi lành. Còn nếu bình thường tạo nghiệp lành, mà lúc gần chết tạo nghiệp dữ thì chưa bảo đảm đi đến cõi lành. Và bình thường nếu lỡ làm ác, lúc gần chết tâm niệm lành thì cũng chuyển được phần nào nghiệp dữ, vì nghiệp không cố định.

Để kết thúc buổi nói chuyện hôm nay, tôi nhắc lại câu chuyện Lý Bạch đời Đường ở Trung Hoa. Ông là một nhà thơ nổi tiếng nghe danh Thiền sư Ô Sào là một cao tăng đặc đạo, mới tìm tới tham vấn. Tới nơi thấy Thiền sư Ô Sào ngồi trên cháng ba của cây cổ thụ; chỗ Ngài ở giống như ổ quạ, nên người đời gọi Ngài là Thiền sư Ô Sào.

Ông đứng dưới đất nhìn lên hỏi :

- Bạch Hòa thượng, xin Hòa thượng dạy cho tôi một phương pháp tu ngắn và gọn, để tôi có thể tu được.

Thiền sư Ô Sào ở trên nói xuống :

Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành,
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật giáo.

Ông hãy về tu đi !

Lý Bạch nghe qua, cười và nói :

- Hòa thượng nói bài kệ đó con nít tám tuổi cũng thuộc. Vậy Hòa thượng đem dạy tôi để làm gì?

Thiền sư Ô Sào nói :

Phải, con nít tám tuổi cũng thuộc, nhưng ông già tám mươi tuổi cũng chưa xong.

“Chư ác mạc tác” là tất cả nghiệp ác chớ có làm. “Chúng thiện phụng hành” là vâng làm tất cả nghiệp lành. “Tự tịnh kỳ ý” là khéo lóng lạng tâm ý cho thanh tịnh. “Thị chư Phật giáo” đó là lời dạy của chư Phật. Tu cốt là bỏ nghiệp ác của thân khẩu ý và chuyển thành nghiệp lành. Bài kệ trên vừa nghe qua là đã nhớ và dường như thấy dễ làm. Song đi vào kinh nghiệm tu hành thì không đơn giản và dễ dàng, vì tình thức mê mẫn, chủng tử tập khí sâu dày, vừa bỏ được thói xấu này để phát huy điều tốt nọ, thì lại có dư tập dờ khác đang ngủ ngầm hội đủ duyên nó trôi dậy lại phải điều phục nữa. Và, cứ thế làm mãi cho đến chung cuộc của kiếp người có khi chưa xong, tâm vẫn còn lao xao lộn xộn, thế nên người biết hướng thiện luôn luôn phải xoay lại mình để lo tu tập. Ở trong mọi hoàn cảnh, trong mọi trường hợp người rồi rảnh hay bận rộn, giàu sang hay nghèo hèn, ai cũng tu được. Điều tiên quyết là phải dừng nghiệp ác, rồi tùy theo hoàn cảnh làm lành : người nghèo thì ra công sức giúp đỡ, kẻ giàu thì ra tiền của bố thí. Ai ai cũng biết tu thì tự mình được an vui, gia đình được hạnh phúc, xã hội được an

bình. Tu chính là nền tảng vững chắc để xây dựng cuộc đời hiện tại được tươi đẹp, và tạo cơ hội cho đời sau càng được an vui sáng suốt hơn.

Vậy, từ đây về sau trọn đời quý Phật tử cố gắng tránh tất cả các điều ác, làm tất cả các nghiệp lành. Làm đó là làm cho chính mình chớ không phải làm cho ai khác. Đạo Phật được coi là đạo cứu khổ ban vui, mà cứu khổ ban vui là chỉ cho mọi người con đường nào đưa đến khổ đau và con đường nào đưa đến an lạc. Khi biết con đường đưa tới an lạc thì cố gắng đi, đó là đạo Phật cứu khổ ban vui cho quý vị. Còn nếu quý vị biết con đường thiện đưa tới an lạc, con đường ác đưa tới khổ đau mà cứ đi con đường đau khổ, đó là tại quý vị không biết chọn đường đi, khổ là do mình chớ không do ai khác. Vì Phật đã vạch lối chỉ đường rất rõ ràng, nếu chọn và thực hành đúng lời Phật dạy thì được an vui, lợi ích, ngược lại thì khổ đau. Đó là then chốt mà quý vị phải biết rõ và nắm vững để tu hành.



BIỆT NGHIỆP VÀ ĐỒNG NGHIỆP

Nghiệp là thói quen huân tập tạo thành sức mạnh, chi phối tất cả mọi sinh hoạt trong cuộc sống con người, từ khi mở mắt chào đời cho đến khi nhắm mắt và những đời kế tiếp. Nếu người Phật tử tu mà không hiểu rõ về nghiệp thì khó mà ứng dụng tu hành để tới chỗ an lạc. Chữ nghiệp trong nhà Phật không có nghĩa một chiều, hề nói nghiệp thì phải là điều xấu điều ác. Kỳ thật, nghiệp cũng có xấu và cũng có tốt, nghiệp cũng có nghiệp chung và nghiệp riêng. Nghiệp riêng thì gọi là biệt nghiệp và nghiệp chung thì gọi là đồng nghiệp.

Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật có lấy một ví dụ để nói về biệt nghiệp vọng kiến. Khi đó đức Phật nói : Trước một cây đèn đang cháy, người nhắm mắt thấy chung quanh ngọn đèn có một cái vòng đỏ hoặc xanh. Còn những người mắt lành mạnh thì chỉ thấy ngọn đèn đang cháy mà không thấy vòng đỏ hay xanh. Cái vòng quanh ngọn đèn chỉ có đối với người bị nhắm mắt, đó là do nghiệp riêng của người bệnh mắt mà có thấy, còn người không bị nhắm mắt thì không thấy. Cũng vậy, trong cuộc sống giữa đời này tuy sống có mối liên hệ với nhau, nhưng mỗi người đều có mỗi cái nghiệp riêng của họ. Ví dụ người có nghiệp chùng đồng bóng như thầy bùa thầy pháp, thì họ thường thấy ma quỷ. Còn người có tinh thần khoa học thực tế thì không thấy không tin ma quỷ, họ chỉ tin những việc họ thấy và chứng minh cụ thể. Vậy những sự việc mà một hay vài người thấy, đó là nghiệp riêng của họ, vì họ chuyên làm cùng nghề cùng nghiệp thì họ tương ưng với nó. Cũng sự kiện đó mà người khác không thấy là vì họ không có nghiệp đó.

Trong kinh Phật có ghi câu chuyện “Người mù sờ voi” : Lúc bấy giờ có một nhóm du sĩ ngoại đạo, có những thuyết và kiến chấp khác nhau, tụ họp ở một khu vườn, bàn cãi với nhau ồn ào không ai chịu thua ai. Các thầy Tỳ-kheo thấy vậy mới về thưa lên đức Phật cầu xin Phật chỉ dạy. Nhân đó, Phật mới kể câu chuyện : Xưa, có một ông vua ngồi buồn, cho bắt tất cả người mù trong thành đem về họp lại một chỗ. Vua cho dẫn ra một con voi và bảo các người mù sờ vào thân nó. Sau khi những người mù sờ voi xong, vua bảo mỗi người tả hình dáng của con voi. Những người sờ trúng đầu voi, thì nói con voi giống cái nồi lớn. Những người sờ trúng tai voi, thì nói con voi giống như cái quạt lớn. Những người sờ trúng chân voi, thì nói con voi giống như cây cột tròn. Những người sờ trúng đuôi voi, thì nói con voi giống như cây chuối... Mỗi người mù đều nghĩ rằng mình đã diễn tả đúng hình dáng của con voi qua bộ phận mà họ đã sờ. Nhà vua nghe qua tức cười và hết buồn. Phật kết luận : Nhóm du sĩ tranh cãi giống như những người mù sờ voi trên đây. Họ là những người mù không thấy đúng lẽ thật, lại chủ quan cố chấp, cho cái thấy biết phiến diện của mình là chân lý, không thừa nhận cái thấy biết của kẻ khác, nên mới tranh cãi với nhau ồn ào.

Cũng vậy, chúng ta sanh ra đời, mỗi người mang theo nghiệp riêng của mình, mà cùng sống chung với nhiều người khác, mỗi người chấp giữ và làm theo nghiệp riêng của mình, mà không thừa nhận nghiệp riêng của người khác, nên mới có sự cãi vã tranh chấp. Trong một gia đình, ông chồng thì huân tập cái nghiệp của người nam, bà vợ thì huân tập cái nghiệp của người nữ. Hai cái nghiệp nam nữ tuy

có vài điểm tương đồng, nhưng cũng có nhiều điểm khác biệt. Nên có nhiều gia đình vợ chồng gây cãi, đánh đập nhau hoài, là vì chồng chấp lý của mình là đúng, vợ cũng chấp lý của mình là đúng, không biết dung hòa nhau để sống. Cái đúng của người chồng là thói quen huân tập cái nghiệp của người nam. Cái đúng của người vợ là theo thói quen huân tập cái nghiệp của người nữ, thế nên phải thông cảm nhau để đối xử cho tốt đẹp, đem lại sự an vui hòa thuận trong gia đình. Khi chúng ta biết mỗi người mỗi có nghiệp riêng thì không chủ quan không cố chấp, mà thông cảm hòa nhịp được cuộc sống với mọi người.

Xưa có một gia đình, người vợ thì tương đối tốt, biết bồn phận, biết lo làm ăn, người chồng thì bê tha rượu chè cờ bạc. Mỗi lần ông cờ bạc thua, về nhà là khảo tiền, nếu bà không có để ứng thì ông chửi mắng thậm tệ. Người thân thuộc, láng giềng ai thấy cũng đau lòng thắc mắc tại sao bà không ly dị cho rồi, cứ để ông hành hạ khổ sở như thế ? Nhưng khi hỏi bà, thì bà nói không thể ly dị vì bà còn thương ông. Có nhiều gia đình, có những đứa con ngỗ nghịch bất hiếu, phá gia sản gần khánh tận. Vậy mà gia đình vẫn thương không thể từ bỏ, vì cha mẹ có nghiệp riêng với con. Để thấy, cái nghiệp riêng của người, mình là kẻ ngoại cuộc không có nghiệp đó thì không chấp nhận, không chịu nổi. Còn những người đã có nghiệp, có nợ nần với nhau, dù bị đánh đập, phá phách, đối xử tồi tệ mà người ta vẫn chấp nhận chung sống, không thể rời nhau được. Như vậy, nếu biết được mỗi người có cái nghiệp riêng, thì chúng ta có thái độ sống hết sức dung hòa không thắc mắc, không trách cứ những hoàn cảnh khó khăn rắc rối, mà người trong cuộc không giải quyết dứt khoát được, vì nghiệp riêng của họ.

Nghiệp chung tức là đồng nghiệp vọng kiến.

Cũng trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật có dạy : Người có nghiệp chung mới sanh ra ở chung một nước, nói cùng một ngôn ngữ, sống cùng một tập quán... Nếu có cùng nghiệp xấu thì cùng thấy những điềm bất thường như sao chổi, sao phướn... Chỉ có dân nước đó trông thấy mà dân nước khác không thấy. Cũng giống như những người cùng nhắm mắt, cùng thấy chung quanh ngọn đèn đang cháy có một cái vòng xanh hay đỏ, còn những người không nhắm mắt thì không thấy. Vậy, người có cùng nghiệp thì cùng cảm nhận hiện tượng giống như nhau. Có nhiều người thắc mắc tại sao anh chị em cùng cha mẹ sanh ra trong một gia đình, kẻ vậy người khác, ý tứ không hợp nhau, rầy rà gây cãi hoài ? Hoặc vợ chồng chấp nhận sống chung trong một gia đình, mà kẻ ý này người ý kia, bất hòa hờn giận nhau hoài là tại sao ? Nếu không có duyên nghiệp với nhau tại sao gặp nhau, sống chung với nhau để khổ ? Chúng ta đã biết khi gặp nhau là đã có nghiệp đồng phần rồi, tức là đã có cộng nghiệp nên cùng ở chung với nhau. Tuy ở chung nhau, mà mỗi người cũng có cái nghiệp riêng nên không ai giống ai. Nếu có giống chẳng chỉ giống năm sáu mươi phần trăm là tối đa, không bao giờ có hai người giống nhau từ hình dáng đến tánh tình. Phần giống nhau thì gọi là đồng nghiệp, vì đồng nghiệp nên mới cùng nhau sanh trong gia đình, trong một đất nước. và, vì mỗi người có cái nghiệp riêng nên có người thì giàu sang sung sướng, an vui hạnh phúc, lại có người bần cùng khốn khổ. Hoặc anh em cùng cha mẹ sanh ra, học chung một trường mà có người học giỏi có người học dở. Đó là trong cái đồng

nghiệp vẫn có cái biệt nghiệp; mà dù là đồng nghiệp hay biệt nghiệp, đức Phật đều gọi là vọng kiến. Vọng kiến là cái thấy hư dối không thật.

Tại sao gọi nghiệp là vọng kiến ? Ví dụ có người nói lời xúc não làm cho mình nổi giận. Khi nổi giận thì miệng nói lời hung ác mắng chửi, tay thì đánh đập người ta. Khi đánh đập chửi mắng người thì bị pháp luật trừng trị, cái khổ của tội phạm pháp này ít nhất cũng một tháng tù. Và nếu mình là người có sức mạnh có võ nghệ, đánh người chết tại chỗ, thì tù tội khổ sở ít nhất cũng 10, 15 năm. Vậy, miệng nói bậy thân làm bậy đó là nghiệp ác, và nghiệp ác đó từ ý nổi sân mà ra. Ý sân chỉ nổi lên khoảng 5, 10 phút mà hậu quả không lường được. Nghiệp ác của miệng và thân có ra là do ý ác chủ động, ý ác tức là niệm sân, chúng ta nhìn xem tướng trạng của nó ra sao ? Khi nhìn nó thì nó mất tiêu, không thấy hình dáng tướng mạo nó đâu cả, mà không kinh dáng không tướng mạo thì không thật. Như vậy, chính cái chủ động tạo nghiệp (ý sân) là không thật. Cái không thật mà vì chúng ta mê, chạy theo nó để tạo nghiệp thọ khổ thì thành có thật. Nên ngài Khuê Phong nói : “Thế không mà thành sự”. Bản chất của cơn giận vốn là không, bất giác theo nó tạo nghiệp nên trở thành sự. Đó là nghiệp ác.

Nghiệp lành cũng vậy, giả sử chúng ta đi đường gặp người bệnh tật đang nằm rên rỉ bên đường, chúng ta khởi lòng thương đem họ vô lễ đường, kêu xe chở tới bệnh viện để chữa trị. Vậy, lòng thương hình dáng tướng mạo như thế nào ? Có thật không ? - Không. Nhưng khi theo nó thì tạo nghiệp lành, thân miệng ý nói làm lợi ích cho người. Cái gốc tạo nghiệp ác hay nghiệp lành không có thật thể, nhưng khi mê theo nó tạo tác thì sẽ thành nghiệp hoặc lành hay dữ. Phật dạy nghiệp là cái không thật, tuy không thật, nếu mê đã làm thì sẽ thọ quả, chớ không tránh khỏi. Trốn tránh người thế gian thì được, mà nghiệp thì không thể trốn được. Vì khi tạo nghiệp thì mắt thấy tai nghe thân cảm thọ, chủng tử nghiệp đã chứa vào tạng thức rồi, hội đủ duyên thì kết quả tự.

Về ý nghĩa đồng nghiệp, trong kinh có ghi : Một hôm Phật ở trong hương thất trên núi Linh Thứu, gần đó có nhiều đoàn Tỳ-kheo đi thiền hành. Đoàn thứ nhất gồm một số Tỳ-kheo đi theo Tôn giả Xá-lợi-phất. Đoàn thứ hai người dẫn đầu là Tôn giả Mục-kiền-liên. Đoàn thứ ba các Tỳ-kheo đi sau Tôn giả Ma-ha-ca-diếp. Đoàn thứ tư gồm những Tỳ-kheo đi theo sau Tôn giả A-na-luật. Đoàn thứ năm là một số Tỳ-kheo đi theo Tôn giả Phú-lâu-na. Đoàn thứ sáu là những Tỳ-kheo đi theo sự hướng dẫn của Tôn giả Ưu-ba-ly. Đoàn thứ bảy là những Tỳ-kheo đi theo sau Đề-bà-đạt-đa. Khi đó Phật mới nói với các Tỳ-kheo đang ở bên cạnh :

- Những Tỳ-kheo cùng đi theo Xá-lợi-phất là những Tỳ-kheo có trí tuệ lớn. Những Tỳ-kheo cùng đi với Mục-kiền-liên là những Tỳ-kheo có đại thần thông. Những Tỳ-kheo đi theo Ma-ha-ca-diếp là những Tỳ-kheo ưa tu hạnh đầu đà... Còn những Tỳ-kheo mà đi theo Đề-bà-đạt-đa là những Tỳ-kheo có tâm ác dục.

Và Phật kết luận rằng : Ai cùng đi theo người nào là đã có cái nghiệp chung với người đó. Những Tỳ-kheo đi theo Tôn giả Xá-lợi-phất là có cái nghiệp chung với Ngài về trí tuệ. Những Tỳ-kheo đi theo Tôn giả Mục-kiền-liên là có nghiệp chung với Ngài về thần thông. Cho tới các Tỳ-kheo đi theo Đề-bà-đạt-đa cùng có nghiệp chung về ác dục. Cái nghiệp chung đó có từ quá khứ, hiện tại, vị lai cứ theo

nhau không rời. Đó là cộng nghiệp của những Tỳ-kheo thời xưa, được Phật dạy trong kinh. Còn cộng nghiệp trong thời hiện tại, chúng ta thấy rất thực tế và cụ thể. Người thích rượu chè say sưa thì cùng ăn chơi thân cận với người uống rượu. Người ưa cờ bạc thì giao du với người cờ bạc. Người chuyên cần học hành nghiên cứu thì tới lui thân thiện với người nghiên cứu học hành. Người thích đi chùa tụng kinh niệm Phật thì kết bạn với người đi chùa tụng kinh niệm Phật. Như vậy, người này thích người kia là họ có chung nghiệp (đồng nghiệp) nên mới hợp nhau. Để thấy trong cuộc sống này, mọi người cùng có nghiệp chung, nên mới trở thành chồng vợ, cha con, anh em, bè bạn. Và vì ai cũng có nghiệp riêng nên dáng mạo, tánh tình, năng khiếu, trí tuệ sai khác, không ai giống ai. Vậy, nghiệp chi phối cả đời sống chúng ta, nếu huân sâu nghiệp nào thì nghiệp đó có sức mạnh, có hấp lực thu hút chúng ta đến môi trường của nghiệp đó. Vì vậy, người Phật tử biết tu hành thì thân khẩu ý luôn luôn phải thiện, mới chiêu cảm được biệt nghiệp tốt và đồng nghiệp thiện.

Nếu còn tu trong vòng tương đối, thì phải biết tránh nghiệp ác, tạo nghiệp lành để thọ thân tốt, tức là được biệt nghiệp tốt và sanh trong cõi thiện, có đồng nghiệp thiện. Tiến thêm một bước nữa, nếu biết nghiệp là không thật, do ý sinh ra, mà ý cũng không thật có, nó là niệm phân biệt chợt hiện chợt mất, nên không theo là đừng được nghiệp ý. Nghe nói trái tai vừa nổi bực tức muốn đánh chửi người, liền nhìn lại xem coi cái bực tức hình tướng thế nào, phát xuất từ đâu? Tìm lại thì không thấy hình tướng của bực tức, mà nguồn gốc khởi bực tức cũng không có nữa. Thấy của người, lòng tham vừa móng khởi muốn lên lấy, liền nhìn lại coi tướng trạng của tham lam như thế nào; phát xuất từ đâu? Khi nhìn kỹ lại thì không thấy hình dáng của tham lam và nơi chốn phát xuất ra tham lam cũng không có nữa. Như vậy, nghiệp phát xuất từ ý, rồi ra miệng, ra thân, mà ý là gốc phát ra nghiệp đã không thật, thì nghiệp miệng nghiệp thân làm gì có thật? Sở dĩ thấy nghiệp thật là do mê. Những chỗ khác dạy khi đối duyên xúc cảnh, nếu có khởi tham lam sân giận, cứ lo niệm Phật nhớ Phật thì tham lam sân giận sẽ lắng xuống. Đó cũng là cái thuật đối trị bệnh tham bệnh sân. Ở đây thì chúng tôi chủ trương dùng trí nhìn lại những cái xấu như tham, sân, kiêu mạn... hình dáng tướng trạng ra sao, xuất phát từ đâu? Khi nhìn lại nếu nó tan biến là nó không thật, và khi thấy rõ nó không thật thì nó không có sức mạnh khiến mình nói, làm theo nghiệp ác. Và cứ mỗi lần đối duyên xúc cảnh, nếu có tham sân... dậy khởi, liền nhìn lại xem tướng tận thấu đáo, thấy nó không thật thì nó không chi phối khiến mình nói làm sai quấy. Khi tâm chúng ta thanh tịnh là đã cắt đứt được dòng tạo nghiệp là vọng tưởng là ý nghiệp không còn luân hồi sanh tử, được giải thoát.



TU CÓ CHUYÊN ĐƯỢC NHÂN QUẢ KHÔNG ?

Từ lâu, chúng ta thường nghe nói gây nhân nào thì chịu quả nấy, tức là ai tạo nhân gì thì phải thọ quả báo đúng như vậy, không sai. Song, trong kinh Phật có dạy như vậy không ? Đây là điều mà chúng ta phải tìm hiểu cho tường tận, vì đa số người mới tu đều nghĩ rằng : Xưa kia làm điều tội ác, ngày nay tu hành là mong giảm bớt khổ đau. Nhưng, nếu trước đã gây nhân nào sau phải chịu quả nấy thì tu để làm gì ? Tu cốt cho hết khổ, mà nếu gây nhân nào phải thọ nhận quả nấy thì tu đâu có hết khổ ? Nếu chúng ta hiểu theo nghĩa nông cạn đơn giản là tác nhân nào thọ quả nấy, thì sẽ thôi tâm không tu được. Lý nhân quả của đạo Phật không cố định là tác nhân nào thọ quả nấy, mà cũng không phải tác nhân mà không thọ quả, nó rất phức tạp.

Kinh A-hàm Phật có dạy : Người gây nhân bất thiện, trước hoặc sau họ biết tu thân, tu giới, tu tâm thì quả sẽ đổi thay. Nếu người gây nhân bất thiện mà không biết tu thân, tu giới, tu tâm thì gây nhân nào sẽ thọ quả nấy, đó là nhân nào quả nấy. Và gây nhân mà biết chuyên nghiệp thì quả cũng đổi thay. Phật ví dụ một nắm muối nếu hòa tan trong tô nước lạnh thì tô nước ấy mặn không uống được. Cũng nắm muối đó, nếu hòa tan trong lu nước lớn dung lượng độ vài ba trăm lít nước trong lu sẽ uống được, nhưng vị nước hơi mặn mặn. Và nếu nắm muối đó hòa tan trong một hồ nước dung tích bốn năm ngàn lít nước không còn mặn, dùng xài bình thường. Nhân bất thiện dụ cho vị mặn của nắm muối hòa tan trong tô nước thì quả cũng mặn, không giải khát được. Nhân mặn của nắm muối nếu hòa tan trong lu nước thì quả mặn loãng ra, nước có thể tạm giải khát được. Nếu nhân mặn của nắm muối hòa tan trong hồ nước lớn, thì quả mặn không thấm vào đâu, nước dùng xài bình thường. Cũng vậy, người mà không biết tu thân, tu giới, tu tâm, tạo nhân ác thì trả quả ác nguyên vẹn, dụ như nắm muối tan trong tô nước, không giải khát được. Nếu người biết tu thân, tu giới dụ như nắm muối tan trong lu nước tuy vị nước mặn nhưng cũng tạm dùng được. Còn người biết tu thân, tu giới, tu tâm dụ như nắm muối tan trong hồ nước to, vị nước không mặn, dùng xài bình thường. Nếu tu thân, tu giới, tu tâm thì nghiệp quả sẽ chuyển không thọ đúng như khi gây nhân. Như vậy, nếu gây nhân ác mà không biết tu, không chuyên nghiệp thì tác nhân nào thọ quả nấy không sai chạy. Nếu gây nhân ác biết tu thân, tu giới tu tâm gần như nghiệp chuyển hoàn toàn. Cho nên tu là chuyển đau khổ được an vui.

Kiểm lại, mỗi người chúng ta từ nhỏ cho đến già, không ai là người hoàn toàn thiện, cũng có khi người này làm người kia khóc than, cũng có lúc người kia làm người nọ oán hận. Như vậy, là đã tạo nhân xấu, nếu hiện tại tu mà vẫn trả quả xấu như cũ thì tu được lợi ích gì ? Thế nên phải biết, tu là chuyển quả xấu, tùy theo sức huân tu nhiều hay ít mà quả tùy theo đó chuyển đổi.

Sau đây Phật dạy : Có một gia chủ chăn nuôi một bầy dê, một hôm có người thường dân đến trộm dê, bị gia chủ bắt được đánh, đưa ra pháp luật bỏ tù. Lần khác, kẻ trộm dê là người của quan lớn, gia chủ chỉ bực tức nói nặng đôi câu,

chớ không đối xử thậm tệ như người thường dân trước. Kế tiếp, kẻ trộm dê là lính của vua, thì gia chủ không dám nói nặng nhẹ và chỉ van xin, năn nỉ đừng bắt dê. Trong ba trường hợp trên dụ cho : Người không biết tu thân, tu giới, tu tâm gây nhân bao nhiêu thì phải trả quả bấy nhiêu. Vì vậy mà nói nhân nào quả nấy, đó là dụ người thường dân trộm dê không thể lực. Trường hợp người trộm dê là lính của quan thì chỉ bị trách móc nặng nhẹ. Đó là dụ cho người biết tu thân tu giới, tuy có thọ nhận quả ác nhưng quả báo nhẹ hơn. Trường hợp người trộm dê là lính của vua, thì không bị đánh đập, không bị nói nặng nhẹ. Đó là dụ cho người tuy có tạo nhân ác, nhưng biết tu thân, tu giới, tu tâm thì nghiệp quả được hóa giải.

Như vậy để thấy cùng tạo nhân ác, tùy theo khả năng tu tập cao thấp mà thọ quả có sai khác. Nếu biết tu thì quả liền chuyển, không cố định như người không biết tu. Khi biết rõ người có tu thân, tu giới, tu tâm thì sẽ giải thoát được những nghiệp quả đã gây trước kia; tuy nói thoát mà không phải hết hoàn toàn. Nghĩa là năm muỗi vẫn hòa tan trong hồ nước, song vì nước trong hồ quá nhiều nên không thấy mặn. Cũng như chú lính của nhà vua trộm dê, tuy chủ dê không đánh đập không nói nặng nhẹ, nhưng trong lòng chủ nhà không vui, không cảm tình. Đó là nhân quả sai biệt theo khả năng tu tập.

Thế nào là tu thân, tu giới, tu tâm ?

Tu thân là nơi thân này không làm điều ác, tất cả mọi điều ác dù lớn hay nhỏ đều phải tránh, còn mọi điều thiện phải cố gắng làm, luôn luôn nhớ và làm, đó là biết tu thân.

Tu giới là người Phật tử tại gia, sau khi quy y rồi, Phật dạy phải giữ năm giới :

1.- Không sát sanh : Là không giết người, vật. Vì ai cũng muốn sống thì mạng sống phải được tôn trọng không nên giết mạng sống của người. Nếu giết mạng sống của người thì bị luật pháp trừng trị. Vì tôn trọng mạng sống của mình, nên phải tôn trọng mạng sống của người. Đó là lẽ công bằng, trái với lẽ công bằng là tội lỗi. Ngoài ra, đối với những con vật lớn như trâu, bò, heo, chó... tránh được bao nhiêu là tốt bấy nhiêu. Chủ yếu là không giết người. Một là tự tay mình giết, ví dụ mình oán thù ai thì tự mình đến giết người đó chết. Hai là sai bảo người khác giết, ví dụ mình oán thù người nào, mình không trực tiếp giết được bèn xúi bảo hay mướn người khác giết. Ba là hoan hỷ khi nghe thấy giết, ví dụ mình oán thù người đó, tự mình không giết được, khi thấy hay nghe người đó bị giết, mình vui mừng thích thú. Như thế là phạm tội sát sanh. Vì tự tay giết là thân tạo nghiệp ác, sai bảo người giết là miệng tạo nghiệp ác, nghe thấy người giết sanh tâm vui mừng là ý tạo nghiệp ác, nên Phật cấm không cho Phật tử làm.

2.- Không được trộm cướp : Phạm của cải của người khác, chẳng được không cho mà lấy từ một cây kim, một ngọn cỏ cũng vậy, tất cả các vật chẳng được không cho mà lấy. Hoặc trộm lấy, hoặc giựt, hoặc lừa gạt mà lấy, cho đến trốn xâu lậu thuế cũng đều gọi là trộm cướp.

3.- Không tà dâm : Người Phật tử sau khi lập gia đình có đôi bạn rồi, mà còn đi ngoại tình với người khác là phạm tội tà dâm. Vì đó là duyên có làm cho

gia đình mất hạnh phúc, làm cho gia đình tan vỡ, là cái nhân gây đau khổ cho mình cho người, vì vậy mà Phật cấm.

4.- Không nói dối : Nói dối có bốn trường hợp phạm tội.

a. Chuyện có nói không, chuyện không nói có, cốt lừa gạt để lấy tiền lấy của người.

b. Nổi giận, nói lời hung dữ thô ác, mắng chửi người, vu oan người.

c. Dùng lời hoa mỹ văn chương thêu dệt để lừa gạt người.

d. Nói lời đâm thọc làm cho đôi bên bất hòa thù oán nhau.

Đó là những trường hợp nói dối thì phạm tội. Nếu nói dối để trấn an người bệnh người khổ, hoặc để cứu mạng người thì không phạm.

5.- Không uống rượu : Nói đơn giản là rượu, ngoài ra các thứ như á phiện, xì ke, ma túy đều không được dùng. Vì nó là cái nhân sinh ra bệnh hoạn, làm cho tiêu tán tài sản, mất hết trí tuệ. Nhưng, nếu vì lý do đau bệnh, cần phải uống rượu để trị bệnh thì được phép uống.

Phật dạy giữ năm giới là vì lòng từ bi, sợ chúng sanh vi phạm thì bị đau khổ. Nếu gìn giữ không phạm thì được an vui. Đó là tu giới.

Tu tâm, có nhiều người nói tôi lo tu tâm thôi, đi chùa cũng vậy, lạy Phật để làm gì ? Vậy, tu tâm là tu thể nào?

Tâm cần phải tu là tâm tham, tâm sân, tâm si... Tu tâm là bỏ được lòng tham lam, tánh sân hận, đố kỵ, si mê... Tham thì ai cũng có, và có nhiều loại như tham danh, tham lợi, tham tài, tham sắc, tham ăn, tham ngủ... Ở đây tôi đề cập tham ăn và tham ngủ, được mọi người coi là nhỏ mọn, song muốn bỏ không phải dễ. Ăn nếu dở quá thì không vui; nếu không no thì cũng không được; ăn thì muốn cho ngon cho no đủ. Ngủ thì phải ngủ cho đủ giấc, nếu bắt dậy sớm thì không vui. Vì vậy, chúng ta lúc nào cũng bị kẹt trong tham muốn, mà đó là cái bệnh chung của mọi người, không ai là không có. Tu là dẹp bỏ lòng tham, còn sân và si luôn luôn đi chung, hễ có sân là có si.

Thuở xưa có một gia đình gồm ba người, con đi làm ngoài đồng, ông nội và cháu ở nhà. Ông đưa cho cháu hai cái tô và hai đồng, bảo :

- Cháu hãy đi mua một đồng tương và một đồng chao.

- Đứa cháu cầm tô và tiền đi một lúc trở về hỏi ;

- Thưa ông nội, đồng nào mua tương đồng nào mua chao ?

Ông rầy nó một hồi, rồi bảo :

-Đồng nào mua cũng được.

Nó liền chạy đi, đi một lúc lâu trở về hỏi :

- Thưa ông nội, hai cái tô, cái nào đựng tương, cái nào đựng chao ?

Ông giận quá tát cho nó mấy tát tay, nó khóc lu bù. Ngay khi đó, người con đi cày về, tay cầm roi đánh trâu, thấy con mình bị ông già đánh, nó la khóc, nên nổi giận nói :

- Ông đánh con tôi, tôi đánh con ông cho ông biết.

Người con liền cầm roi tự quất lên mình túi bụi, ông già nóng ruột quá nói :

- Mày đánh con tao, tao treo cổ cha mày cho mày biết.

Ông kiên làm vòng, đút đầu vô treo cổ.

Kết luận câu chuyện, quý vị thấy gia đình đó si mê ở mức độ nào ? Nếu nói ngu thì gia đình đó ngu không ai bằng, đứa cháu nội đã ngu, người cha càng ngu hơn, đến ông nội lại quá ngu ! Ngu là do nổi giận mà ra vậy. Nên có sân là có si, làm mà không biết sai không biết hại. Xét lại xem, chúng ta có làm những chuyện na ná như vậy không ? Tưởng chừng như không, nhưng có khi làm mà không hay. Chẳng hạn lúc nào đó, con làm trái ý, cha mẹ nổi giận chửi “Mày là đồ trâu, đồ chó...”. Nếu có người hỏi : “Nó là trâu, là chó, vậy cha mẹ nó là gì ?”. Làm cha mẹ chửi con như vậy có khôn không ? Thế mà có lắm người chửi như vậy ! Nên biết hễ nổi sân là liền ngu, không biết phải quấy. Tưởng nói cho đỡ bực, nhưng không ngờ tự ngầm nhận mình là trâu là chó. Vì con là trâu chó, cha mẹ đương nhiên phải là trâu chó mới sinh con trâu chó. Hoặc có người khi giận con thì chửi ông cố nội, ông cố ngoại nó... ông cố nội ông cố ngoại nó là ai ? Là ông nội ông ngoại mình. Mình chửi con, không ngờ chửi ông bà mình. Vậy mà khi thì người ta cứ nói cứ làm. Chẳng khác gì người kia đánh con ông già để cho ông tức, nhưng tự đánh mình thì mình đau. Rồi ông già treo cổ cha nó, cho nó hoảng sợ, nhưng rồi chính ông chết !

Vì sân mà chúng ta không nhận biết điều phải lẽ trái, cứ làm bậy, nói bậy, khiến cho thiên hạ chê cười. Nên ca dao Việt Nam có câu :

Sân si nghiệp chướng không chừa,
Bo bo mà giữ tương dưa làm gì ?

Tu mà không chịu bỏ tham, bỏ sân, bỏ si mà cứ khoe “Tôi ăn chay một tháng mười ngày, mười lăm ngày v.v...” Ăn chay, ăn tương dưa là để chừa tham sân si. Có chừa bỏ được tham sân si thì tâm mới sáng suốt, tâm sáng suốt thì không nói bậy làm bậy, không nói bậy làm bậy thì nghiệp chướng tội lỗi theo đó mà giảm. Nếu không chừa bỏ tham sân si thì nghiệp chướng tội lỗi khó mà hết được.

Tuy nói tu thân, tu giới, tu tâm, nhưng chủ yếu là tu tâm. nếu tu tâm mà được viên mãn thì mọi nghiệp chướng không còn, mọi họa khổ sẽ hết, không phải trả nặng nề như lúc gây tạo. Nói nhân nào quả nấy là chưa chính xác, chưa tột lý nhân quả, vì chỉ đúng có một trường hợp là người không biết tu, còn đối với người biết tu thì không đúng.

Nếu người tạo nghiệp ác nhiều, vì yếu đuối không có gắng làm lành, chắc rằng nghiệp ác khó mà chuyển nổi. Ví dụ có nhiều người lỡ nghiện rượu đều được bác sĩ và các bạn tốt khuyên nên bỏ rượu, vì uống rượu hại sức khỏe, tinh thần không minh mẫn, tốn kém tiền bạc, vợ con khốn khổ, gia đình không hạnh phúc. Nghe lời khuyên, họ hiểu, thấy rõ uống rượu là tai hại. Nhưng có người không bỏ được, vì tâm hôn họ yếu đuối bạc nhược. Lại có người ý chí mạnh mẽ biết uống rượu có hại dứt khoát bỏ ngay. Vậy, nghiệp cũng có thể chuyển được, tùy theo ý chí mạnh hay yếu của mỗi người.

Có nhiều Phật tử lấy làm thắc mắc hoặc nuối tiếc về những người tu xuất gia. Vì họ cho rằng các thầy, các cô có rất nhiều duyên phước mới được xuất gia tu hành. Tại sao có nhiều người tu mười mấy hai mươi năm, học hành tương đối cũng thông, bỗng dưng cởi áo tu hoàn tục. Họ hỏi :

- Thầy tu ở trong đạo an ổn quá, tại sao hoàn tục cho phiền lụy ?

Các thầy trả lời chung chung :

Tại nghiệp của tôi nó lồi.

Quý vị nghĩ sao ? Ai tu có nghiệp cũng bị nghiệp lồi hoàn tục hết, hay có người bị lồi có người chuyển đổi nghiệp ? Nếu ai tu cũng bị nghiệp lồi hoàn tục, thì chắc chắn không có người tu tới nơi tới chốn. Chúng ta sinh ra trong đời này đều có liên hệ với quá khứ, kẻ có nghiệp này người có nghiệp khác. Song, tùy theo ý chí của mỗi người yếu hay mạnh mà chuyển được nghiệp hay không. Đừng đổ thừa nghiệp, để rồi tu gặp cảnh nghịch lòng, trái ý liền bỏ đạo về đời, lại nói do nghiệp lồi. Người như thế là người không ý chí, không gan dạ, tinh thần cầu tiến quá thấp. Tuy nhiên, chúng ta đừng khinh những người tu hoàn tục. Khi Phật còn tại thế, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc chứng quả A-la-hán, trên đường đi giáo hóa, bà gặp các cô gái trẻ, bà rủ :

Các con nên xuất gia đi tu.

Các cô thưa :

- Các con còn nhỏ dại, ham ăn ham ngủ tu không được.

Bà nói :

Không sao, cứ đi tu đi.

Các cô nói :

- Đi tu làm Tỳ-kheo-ni, lỡ tui con phạm giới đọa địa ngục thì sao ?

- Không sao, lỡ đọa địa ngục, hết quả báo trở lên tu tiếp.

Theo Tỳ-kheo ni Liên Hoa Sắc thì nếu tu phạm giới bị đọa, hết quả báo thì trở lại tu nữa, vì chủng tử tu hành vẫn còn, gặp duyên thì nhớ lại. Nếu người chưa tu lỡ tạo nghiệp ác bị đọa, hết quả báo không có chủng tử cũ thì biết bao giờ mới tu được. Bây giờ tuy người tu phạm giới bị đọa có thua kém những người tu khác, nhưng với người chưa tu vẫn có phần hơn, vì họ còn chủng tử cũ, đủ duyên họ phát tâm tu trở lại.

Tới đây, tôi đi xa hơn một chút là trình bày lý nhân quả theo tinh thần Thiên tông. Trong “Chứng đạo ca” của thiền sư Huyền Giác có hai câu:

Liễu, tức nghiệp chướng bản lai không,

Vị liễu, ưng tu hoàn túc trái.

Nếu liễu ngộ thì nghiệp chướng xưa nay là không, còn nếu chưa liễu ngộ thì phải đền nợ trước. Những nhân ác những nghiệp bất thiện đã gây tạo từ trước, nếu tu hành không liễu ngộ thì phải trả đủ. Còn nếu tu mà liễu ngộ được thì nghiệp chướng cũ theo đó mà hóa giải không còn.

Sau có một thiền khách tên Hạo Nguyệt đến thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm hỏi rằng :

- Cổ Đức nói : “Liễu, tức nghiệp chướng bản lai không; vị liễu, ưng tu hoàn túc trái”. Như Tổ Sư Tử và Tổ Huệ Khả vì sao lại đền nợ trước?

Trường Sa bảo :

- Đại đức chẳng biết bản lai không.

Hạo Nguyệt hỏi :

- Thế nào là bản lai không ?

- Nghiệp chướng.
- Thế nào là nghiệp chướng ?
- Bồn lai không.

Tại sao nói nghiệp chướng bồn lai không ?

Theo Phật giáo thì nghiệp là động lực chi phối đời sống của con người, từ đời trước cho tới đời này và mãi về sau. Nếu con người còn tạo nghiệp thì còn trôi lăn trong vòng luân hồi sanh tử. Song, dùng trí quán sát cho kỹ thì nghiệp không thật. Ví dụ ông A nói lời hung ác (khẩu nghiệp) làm cho ông B buồn giận, sau ông A hối hận ăn năn xin lỗi ông B, ông B vui vẻ tha thứ. Khẩu nghiệp của ông A trước làm ông B buồn giận, sau hối hận xin lỗi thì ông B hết buồn giận. Nếu nghiệp ác là thật thì không đổi được, vì nó không thật nên chuyển được. Nghiệp còn là khi tâm chúng ta mê, nếu biết thức tỉnh chuyển nó thì nó hết, nên nói nghiệp vốn không thật. Tuy không thật, nhưng nếu chúng ta mê thì nó kéo đi mãi trong vòng luân hồi sinh tử không dừng.

Đã nói “Nghiệp chướng bồn lai không” tại sao Tổ Sư Tử bị hành hình, Tổ Huệ Khả chết trong tù ? -Trong kinh, Phật nói có nhân là có quả, nhưng quả đến còn tùy theo sức tu cao thấp mà chuyển. Tổ Sư Tử khi tới nước Kế Tân giáo hóa, bị ngoại đạo sàm tấu Ngài truyền bá tà đạo. Nên vua tức giận đích thân cầm gươm đến chỗ Ngài hỏi :

- Thầy được không tướng chưa ?
- Đã được.
- Đã được thì còn sợ chết chăng ?
- Đã lià sống chết thì đâu có sợ.
- Chẳng sợ thì có thể cho trăm cái đầu chăng?
- Thân chẳng phải cái của ta, huống nữa là cái đầu.

Vua liền chặt đầu Ngài rơi xuống đất.

Với con mắt phàm phu thì thấy Ngài bị trả quả chặt đầu. Nhưng dưới con mắt liễu ngộ của Ngài thì thấy thân năm uẩn là không thật, năm uẩn còn mắt là trò chơi, nên Ngài không tiếc cái đầu thì có gì gọi là trả ? Sở dĩ chúng ta thấy Ngài trả nghiệp, là vì chúng ta chưa liễu ngộ còn thấy thân năm uẩn thật.

Tổ Huệ Khả cũng vậy, khi Ngài ngộ đạo ở Tổ Bồ-đề-đạt-ma, sau Ngài truyền tâm ấn cho Tổ Tăng Xán. Ngài nói : “Ta còn chút duyên để đi trong nhân gian”. Rồi Ngài đến giáo hóa ở một vùng nọ, cũng bị người sàm tấu Ngài là người truyền đạo không đúng chánh pháp, quan địa phương bắt giam Ngài. Khi bị giam trong khám. Ngài chỉ cười mà không buồn. Ngài nói duyên ta hết ở đây, rồi Ngài tịch ở trong khám. Đối với chúng ta khi bị nhốt trong khám, thấy đó là một hình phạt rất khổ đau, nhưng đối với Ngài. Ngài không thấy có những sự kiện bức bối, đón đau, nên Ngài cười. Như vậy, ở tù mà không thấy ở tù, chết trong khám mà không thấy chết trong khám, đó là do Ngài liễu đạo. Cái quả mà chúng ta Ngài trả, nhưng đối với Ngài thì không có trả.

Tôi lấy một ví dụ thực tế cho dễ hiểu : Ông Tần thuở xưa chửi bới làm cho ông Tấn tức giận. Nhưng vì ông Tấn yếu thế nên ôm hận không dám trả thù. Sau ông Tấn có cơ hội trả thù ông Tần, ông Tần đã biết tu và ngộ đạo, khi bị ông Tấn

chửi, ông Tần chỉ cười mà không giận. Hồi xưa ông Tần chửi ông Tấn giận, nay ông Tấn chửi thì ông Tần cười. Vậy, ông Tần có trả quả không? Người không tu thấy ông Tần bị chửi, cho là ông Tần trả quả, nhưng với ông Tần là người liễu đạo, nghe tiếng chửi như gió thoảng ngoài tai, qua rồi thì mất, nên cười không buồn. Vậy, dù cho nghiệp chướng xảy ra, người đời thấy kinh hoàng khủng khiếp nên thấy có trả. Nhưng đối với người liễu đạo thì không có giá trị, nên thấy không có trả.

Thế nên, chư Tổ không thấy trả nghiệp mà người phạm tục thì thấy có trả nghiệp. Để thấy, chúng ta tu từ thấp là giữ năm giới, thân không làm ác là đã chuyển được bao nhiêu thứ đau khổ rồi. Nếu tu tiến hơn nữa là bỏ tham lam, sân giận, si mê; tham sân si càng ít, tâm càng trong sáng, càng thanh thoát, do đó mà được an vui. Và, nếu tu tới chỗ viên mãn thì mọi nghiệp chướng đối với mình coi như không có. Không bị nghiệp chi phối làm cho đau khổ thì không giải thoát là gì?

Hiện nay có một số Phật tử mê tín quan niệm sai lầm, cho rằng tụng kinh Kim Cang, tụng kinh Pháp Hoa đỡ nghiệp, do tu, do tụng kinh nên xảy ra nhiều tai nạn. Vậy, nghiệp đỡ bằng cách nào? Do tụng kinh nghiệp nó tràn ra, hay do xưa kia tạo nhiều nghiệp ác bây giờ đỡ bớt đi? Đã là Phật tử, tại sao không tìm hiểu nghiệp đỡ bằng cách nào, mà chỉ nghe nói đỡ nghiệp là không dám tụng kinh nữa? Học đạo như vậy quá sai lầm, tu là để chuyển nghiệp, giảm nghiệp, chuyển và giảm không có nghĩa là thêm, là đỡ ra.

Nếu xưa kia tạo nghiệp ác, đáng lý trả bằng sự đánh đập, hoặc trả bằng tai nạn mất thân mạng. Nhưng nhờ biết tu nên chỉ bị mắng chửi hay bị trộm cắp mất tiền của. Khi bị mắng chửi hay mất tiền của nên quán xét: Có thể nghiệp chướng của mình phải trả bằng tai nạn nặng nề khổ đau hơn nhiều, nhờ biết tụng kinh nên được chuyển nghiệp chỉ bị mắng chửi mất tiền của thì quá tốt. Xét như vậy, thì sự tu học mới tiến bộ, ngược lại, nghe nói đỡ nghiệp cứ tin suông rồi hoảng sợ không tu nữa, là sai lầm.

Lại có những Phật tử quan niệm rằng: Đi chùa qui y biết tu rồi thì kể từ đây về sau, cuộc sống sẽ bình an không có gì trở ngại. Tu là phải hanh thông mọi việc, nếu có trục trặc thì thôi chí nản lòng không tu. Chúng ta nhớ, tu là bỏ ác làm lành; một khi đã nguyện bỏ ác làm lành, thì ở trong đời nếu có tai nạn xảy ra, biết đó là nghiệp quá khứ còn rơi rớt lại, không sợ hãi, không thôi chí, vững lòng tin mà tiến tu không thôi chuyển. Đừng nghĩ tu là mọi nghiệp xấu sạch hết, mọi việc xảy ra đều như ý.

Chính đức Phật là người tu hành công đức viên mãn, thế mà Ngài còn gặp những cái khó khăn nguy hiểm. Có lần Ngài đi giáo hóa ở một làng Bà la môn, gia đình nọ giỏi về tướng số, sinh được một người con gái rất đẹp. Ông Bà la môn này muốn gả con gái ông cho người có đủ ba mươi hai tướng tốt, nhưng tìm mãi chưa được. Bỗng một hôm ông tình cờ gặp Phật đang đi giáo hóa, ông mừng quá chạy về nhà kêu vợ ra xem. Bà ra thấy Phật, bà rất hài lòng, đúng là người có đủ ba mươi hai tướng tốt, bà bèn ngỏ ý gả con gái cho Ngài. Phật nói: Đối với bà thì con gái bà đẹp, song đối với Ngài thì đó là một đái da hôi thối, tất cả trong thân nạng

đều là bất tịnh. Nghe Phật nói vậy, bà buồn trở về nhà thuật lại câu chuyện cho con gái nghe. Cô ta tự ái nổi giận, ôm lòng thù oán và thề rằng sẽ trả thù Phật. sau, cô được làm hoàng hậu của một nước, bấy giờ Phật đến giáo hóa ở xứ đó, hoàng hậu bèn tập họp du đảng chặn đường Phật để mắng chửi. Tôn giả A-nan đi theo Phật, thấy du đảng vây chửi thậm tệ, Ngài không chịu nổi mới nói :

- Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn nên đi nước khác giáo hóa.

Phật hỏi :

- Đi đâu ?

A-nan thưa :

- Thế Tôn đi nước nào cũng được, vì ở nước này cứ bị người vây chửi, con không kham chịu được.

Phật hỏi :

- Giả sử đi tới chỗ khác bị người chửi nữa thì A-nan tính sao ?

A-nan thưa :

- Nếu tới đó mà bị chửi nữa thì chúng ta về nước Xá-vệ, Ma-kiệt-đà... chỗ mà Thế Tôn có nhiều đệ tử, ở đó giáo hóa.

Phật hỏi :

- Nếu là thầy thuốc giỏi, A-nan có nên để bả : Tôi chỉ trị những bệnh nhẹ, không trị những bệnh nặng chăng ?

A-nan thưa :

- Bạch Thế Tôn, không được, thầy thuốc giỏi phải trị bệnh nặng mới cứu được nhiều người.

Phật nói :

- Cũng vậy, dân ở đây họ nhiều mê muội là người bệnh nặng, nên gặp ta họ chửi. Thôi, thông thả, để ta giáo hóa họ, vì họ cần ta.

Du đảng vẫn tiếp tục chửi Phật.

A-nan nói :

- Họ chửi Thế Tôn hoài, làm sao giáo hóa được ?

- Chừng nào họ không nghe lời nói của ta thì ta đi.

Nghe Phật trả lời với A-nan như vậy, du đảng nói :

- Thôi, Cù-đàm ở đây giáo hóa, chúng tôi sẽ nghe lời Ngài dạy.

Từ đó Phật nói pháp giáo hóa họ.

Quý vị thấy, Phật mà còn bị người chửi mắng huông là chúng ta. Nhưng điều quan trọng là Tôn giả A-nan cũng như chúng ta còn tâm phàm, nên nghe chửi không kham chịu được. Còn Phật đã giác ngộ, tiếng chửi đối với Ngài như gió thoảng ngoài tai. Ngài không động tâm, thương họ là những người mê muội bệnh nặng, nên nói pháp cứu chữa.

Cũng vậy, chúng ta khi phát tâm tu, nếu gặp người làm khó không nên buồn giận, mà phải quán khởi lòng thương và cảm hóa họ. Nhứt là những Phật tử có gia đình mà biết tu, hoặc bị chồng hay vợ, hay con làm khó dễ, đó là cơ hội tốt để mình tu, chớ buồn giận và đừng cho rằng bạn mình, con mình phá rối không cho mình tu. Mà nên xét nghĩ thương bạn, thương con, vì chưa hiểu đạo, còn mờ

còn tối, cần sự cảm hóa của mình. Thế nên, tất cả mọi khó khăn, những lời xúc nã, nếu chúng ta biết tu, tâm sáng suốt hóa giải tất cả thì được an vui.

Một lần khác, Phật đi giáo hóa vùng Bà la môn, các tu sĩ Bà la môn thấy đệ tử của mình theo Phật nhiều quá, nên ra đón đường Phật chửi. Phật vẫn thông thả đi, họ đi theo sau chửi. Thấy Phật thản nhiên làm thinh, họ tức, chặn Phật lại hỏi :

- Cù-đàm, có điếc không ?
- Ta không điếc.
- Ngài Không điếc tại sao không nghe tôi chửi ?
- Đây Bà la môn, nếu nhà ông có đám tiệc, thân nhân tới dự, măn tiệc họ ra về, ông lấy quà tặng, họ không nhận thì quà ấy về ai ?
- Quà ấy về tôi chứ ai.
- Cũng vậy, ông chửi ta, ta không nhận thì thôi.

Người kêu tên Phật chửi mà ngài không nhận. Còn chúng ta, những lời nói bóng, nói gió ở đâu đâu cũng lắng tai nghe, để buồn để giận. Như vậy, mới thấy những lời cuồng dại của chúng sanh Ngài không chấp không buồn. Còn chúng ta do si mê, chỉ một lời nói nặng, nói hơn, ôm ấp mãi trong lòng, vì vậy mà khổ đau triền miên. Chúng ta tu là tập theo gương của Phật, mọi tật xấu của mình phải bỏ, những hành động lời nói không tốt của người đừng quan tâm, như thế mới được an vui.

Trong kinh Phật ví dụ người ác mắng chửi người thiện, người thiện không nhận lời mắng chửi đó. Người ác giống như người ngửa mặt lên trời phun nước bọt, nước bọt không tới trời mà rơi xuống ngay mặt người phun. thế nên, có thọ nhận mới dính mắc khổ đau, không thọ nhận thì an vui hạnh phúc. Từ đây về sau, quý vị có nghe ai nói gì về mình dù tốt hay xấu, chớ nên thọ nhận thì sẽ được an vui. Đa số chúng ta có cái tật nghe người nói không tốt về mình qua miệng người thứ hai, thứ ba, thì tìm phăng cho ra manh mối để thọ nhận rồi nổi sân si phiền não, đó là kẻ khờ không phải người trí. Tuy có chướng duyên bên ngoài mà chúng ta biết giải, không thọ nhận, đó là tu. Không phải tu là cầu an suông, mà phải có người thử thách để có dịp coi lại mình đã làm chủ được mình chưa. Nếu còn buồn giận vì một vài lý do bất như ý bên ngoài, đó là tu chưa tiến.

Tinh thần nhân quả của đạo Phật không phải gây nhân nào chịu quả nấy trọn vẹn, ngoại trừ người không biết tu thì nhân quả không sai khác. Còn với người biết tu thì nhân quả biến chuyển theo công phu tu hành cao thấp mà có sai khác. Tu là chuyển nghiệp giảm hết phiền não khổ đau để được an vui hạnh phúc; đó là tu đúng theo lời Phật dạy. Nếu tu sai thì không chuyển được nghiệp nên phiền lụy cứ dai dẳng khổ đau không dứt trừ, lại còn thối chí tu tập, không được lợi ích gì cả. Tôi mong rằng quý Phật tử sau khi nghe pháp, nên nghiệm xét ứng dụng tu hành để trên đường tu mỗi ngày mỗi tiến cho hết khổ được vui.



TU TRƯỚC KHỔ SAU VUI

Có nhiều người đi chùa thấy cảnh sinh hoạt của Tăng Ni trong chùa, nào thức khuya dậy sớm để tụng kinh ngồi thiền. Sáng ngày phải lao động chấp tác, chiều đến phải học kinh luật. Ăn thì ăn cơm hẩm với tương rau đăm bạc, mặc thì mặc vải thô nhuộm màu hoại sắc. Nhứt là thấy mấy cô trẻ, tuổi mười lăm hai mươi cũng có học hành, gia đình cũng không đói thiếu, thắc mắc tại sao lại giam mình chịu khổ như vậy ? Lại cũng có người thắc mắc : người ta đi tu là vì thất tình thất chí, mấy người này không có những chuyện đó, tại sao cũng đi tu ? Đây là những vấn đề cần phải giải thích, để cho mọi người thấy rõ lợi ích của sự tu hành.

Nếu chúng ta chỉ nhìn qua hình thức bên ngoài thì không thể hiểu giá trị của sự tu. Những cái mà tôi tạm gọi là cái khổ ban đầu của người tu là : Người đời ở tuổi thanh xuân, đầu tóc đen nhánh được xông ướp nước hoa thơm, vắt nơ cài hoa thật đẹp. Khi vào chùa đầu cạo nhẵn bóng, hũy hình chẳng còn gì là xinh đẹp. Mặc thì người đời mặc hàng lụa mịn láng màu sắc sặc sỡ, áo này quần nọ, vô chùa phải mặc vải thô nhuộm hoại sắc lem luốc. Còn ăn thì ở đời cao lương mỹ vị, muốn ăn lúc nào thì ăn, vào chùa thì sáng trưa cơm rau, chiều cháo chay lạt qua ngày. Đó là ba cái khổ ban đầu của người tu. Song, còn cái khổ nặng nề nữa là khi chưa tu, có ai nói làm sai trái thì dám la rầy hay cãi lại. Khi tu rồi dù có bị người lấn hiếp chửi mắng, cũng phải lặng lòng nhẫn chịu. Như vậy người tu chịu nhiều thiệt thòi, vừa thiệt thòi về ăn mặc, vừa thiệt thòi về trang sức, thiệt thòi cả sự nhẫn nhục nữa. Thiệt thòi như thế quả thật là khổ. Tại sao khổ mà người ta lại chấp nhận ? Có phải do mê mờ mù quáng chấp nhận, hay trong sự tu hành có cái gì an lạc cao cả mà họ đã thấy, nên mới dám đánh đổi cái khổ cực để nhận lấy cái an lạc cao siêu?

Sau đây là những cái đánh đổi rất gần mà ai cũng thấy. Các cô ni trẻ nếu không đi tu, ở nhà sẽ có gia đình, có con, mang nặng đẻ đau, làm lụng vất vả nuôi con, con lớn thì có cháu lo cho cháu. Con cháu mà có hiếu còn đỡ, nếu phải con cháu bất hiếu, mất dạy làm nhiều chuyện xằng bậy, di hại cho nó và người xung quanh thì khôn khổ vô cùng. Cả cuộc đời khổ vì con vì cháu cho tới già chết, đó là không khổ vì chồng bất lương, chỉ khổ vì con cháu bất hiếu. Nếu gặp ông chồng thiếu đạo đức rượu chè cờ bạc mèo mửa, không chịu làm ăn, cảnh nhà nghèo túng, đi thì thôi, về nhà là chửi bới đánh đập vợ con, cảnh nào khổ bằng cảnh này ? Khi mới lập gia đình, ai cũng mơ ước ngày mai mình sẽ được hạnh phúc, nhưng khi đối diện với thực tế thì nếm đủ mùi đắng cay. Khi mới lập gia đình thấy như là hạnh phúc lắm, nhưng về sau khổ này chồng chất lên khổ kia không thể kể xiết. Các thầy tăng trẻ nếu không đi tu ở nhà thì có vợ có con, tay bồng tay dắt, cả đời làm lụng vất vả để nuôi vợ nuôi con. Nếu gặp người vợ đoan chính biết phụ lo cho gia đình thì còn đỡ. Nếu gặp phải người vợ trác nết, hư hèn chồng đi làm cực nhọc, ở nhà cứ ăn chơi tiêu pha tiền của thỏa thích. Việc nhà không trông nom, con cái không chăm sóc dạy dỗ, mặc cho việc nhà ra sao thì ra, con nên hư thế nào cũng được. Các thầy không tu ở nhà gặp cảnh gia đình vợ con như thế thì khổ hay vui ? Vô cùng khổ sở. Khổ sở dai dẳng suốt cả cuộc đời.

Lại nữa người phát tâm tu theo đạo Phật, thấp nhất là cư sĩ qui y thọ năm giới. Vì có tiếng là Phật tử nên phải giữ tư cách của người tu, ai lấn hiếp chèn ép mình cũng phải rán nhịn chịu. Không nhịn chịu như người xuất gia, chớ cũng phải chịu lép để cho người ta hơn mình. Đó là một cái thua thiệt của người tu. Tuy nhiên, trước bị thua thiệt, sau lại được an vui. Trong năm giới điều mà người Phật tử đã thọ khi qui y. Giới thứ nhất là không sát sanh.

Người không biết tu, không giữ giới sát sanh, mỗi khi bị người ta hãm hại, lòng sân giận nổi lên đánh đập hoặc chém giết, hoặc bỏ thuốc độc cho người ta chết để thỏa lòng sân giận. Song, khi biết tu, tuy có nổi nóng nhưng không dám nghĩ tới hại người. Mình không hại người thì người không hại lại, và cũng không bị tù tội. Nhờ biết tu, trước chịu thua thiệt người, nên tránh được cái khổ sát hại và thân được yên ổn.

Giới thứ hai không trộm cắp. Người chưa biết tu thấy của người để hời hợt dễ lấy, liền khởi lòng tham lấy làm của mình, khi được của tiêu xài hỷ hả với vợ con không chút lo buồn. Nhưng khi công an phát giác bắt bỏ tù năm năm, mười năm... lúc đó nỗi khổ kéo dài lê thê. Đó là người không tu, sống trước vui sau khổ. Người biết tu thấy của người không tham, thấy của rơi không lượm. Vì nghĩ rằng làm ra của cải phải khó khổ, nhọc nhằn lao thần tổn sức, chớ không phải bỗng dưng mà có. Tiền của mình làm ra có khi giữ còn không được hưởng là tiền của người ! Thế nên không tham lam, sống đời hiền lương. Tự đem công sức lao động tạo cho mình một cuộc sống lương thiện, thấy như bị thiệt thòi, nhưng được bình an, không sợ công an, không ngại người đời nghi mình bất chánh. Đó là trước khổ sau vui của người giữ giới không trộm cắp.

Giới thứ ba không tà dâm. Người có gia đình rồi, tức là có vợ hay có chồng, mà đi ngoại tình với kẻ khác thì gọi là tà dâm. Nếu trong gia đình chồng hay vợ đi ngoại tình với người ngoài, thì gia đình đó có hạnh phúc không ? Ban đầu thả mình chạy theo lạc thú tưởng chừng như vui sướng lắm. Nhưng khi bị vợ hay chồng phát giác thì có sự ghen tức ngăn chặn, rồi sanh ra gây cãi đánh đập nhau, đưa đến ly thân ly dị khiến cho con cái bơ vơ khổ sở. Đó là người không tu, trước thấy như vui nhưng sau lại khổ. Còn người biết tu, sống một vợ một chồng, thấy như ràng buộc, chấp trước, không hào hoa phong nhã. Song, nhờ vợ chồng biết sống chung thủy với nhau nên bảo vệ được hạnh phúc gia đình, con cái được an vui, êm ấm. Đó là trước khổ sau vui của người giữ giới không tà dâm.

Giới thứ tư là không nói dối. thói thường người không biết tu làm ăn buôn bán, muốn lời nhiều là phải nói dối. Hàng giá 5000 đồng nói 8000 để được lời 3000 đồng. Đó là nói gạt người ta, không lương thiện. Người biết tu chịu thiệt không nói dối, lời ít; hàng 5000 đồng nói 5000 đồng bán ra 5200 lời 200 thôi. Người không tu thấy làm ăn thật thà như thế là thiệt thòi. Nhưng thực tế thì không thiệt thòi mà còn lợi ích. Người bán không thách nói chắc giá, lần đầu người mua chưa tin, họ đi dò giá nhiều nơi thấy người này bán không thách, thật thà, họ tin và có cảm tình, từ đó về sau họ sẽ đến mua hàng và giới thiệu nhiều người đến mua. Trước, người bán gạt người mua nói giá cao, người mua chỉ mua vài lần là không mua nữa. Khách hàng thưa dần, bán ê. Nay, người bán chân thật, lời ít nhưng có

uy tín, nhiều người mến, đến mua và giới thiệu nhiều người mua, khách hàng càng ngày càng đông. tuy lời ít mà bán được nhiều nên lợi nhuận nhiều và còn được lâu bền nữa. Đó là trước bị thiệt thòi sau được lợi ích của người giữ giới không nói dối.

Giới thứ năm không uống rượu. Người uống rượu khi mới ngồi vào bàn tiệc thì ai cũng vui cười hỷ hả. Nhưng khi tiệc nửa chừng thì “rượu vào lời ra”, nói bàn chuyện phiếm huyên thuyên. Khi đã ngà say nói nhiều không kiểm soát được lời nói, nên phát ngôn bừa bãi làm mích lòng bạn bè. Bình thường tính táo chỉ mích lòng một, khi ngà say nó tăng lên năm mười, sân giận tăng cường, đá bàn đập ghế tại buổi tiệc không ai nhường ai. Từ cái vui dẫn đến cái khổ của người không biết tu. Đó là giai đoạn thứ nhất. Qua giai đoạn thứ hai, là đối với những người không có khả năng kiềm chế được mình, khi ngồi vào bàn tiệc thì người này mời ép người kia, người uống một ly, mình cũng uống một ly. Cứ đua nhau mời ép uống, một lát sau thì say túy lúy, chân đi xiên bên này, chân ngã bên kia, về tới nhà nằm dật ra ụa mửa đầy đất, hôi hám cả nhà, lại còn chửi bới vợ con, khổ ơi là khổ ! Tới cái khổ thứ ba : Uống rượu là cái nhân gây ra bệnh hoạn, như chai gan, đau dạ dày là những chứng bệnh kinh niên khó trị, làm cho kinh tế gia đình suy giảm. Lúc đó thân đau bệnh mà lại nghèo túng không tiền thuốc thang thì khổ không ít. Cái khổ thứ tư nữa là uống rượu làm cho trí tuệ mê mờ, nó tác dụng mạnh trên thần kinh khiến cho thần kinh suy yếu thì người thông minh sáng suốt hóa ra đần độn. Quý vị thấy những người sáng say chiều say có mấy ai thông minh sáng suốt ? Tự bản thân đã mê mờ tăm tối, và khi sanh con cái cũng lây đần độn ngu si nữa. Người uống rượu tự mình đã chuốc khổ vào thân, lại còn gây tác hại cho gia đình xã hội không ít. Khi mới uống thì thích khẩu vui miệng, nhưng sau đó thì khổ này chồng lên khổ kia. Đó là không tu, vui trước khổ sau. Còn người đã qui y thọ giới, biết uống rượu gây tác hại cho bản thân, cho gia đình cho xã hội, nên nhịn không uống. Tuy bị bạn bè chê cười là kẻ hèn nhát, bòn xén, thờ bà thờ cô... Song người biết tu cam chịu chê cười không uống, nên thân không bệnh hoạn, không nghiện ngập, trí tuệ sáng suốt minh mẫn, có tư cách, mọi người nể trọng, biết làm ăn nuôi dưỡng vợ con, biết giáo dục gia đình, đóng góp sự lợi ích cho gia đình cho xã hội không nhỏ. Đó là trước khổ sau vui của người giữ giới không uống rượu.

Người mới biết tu chỉ giữ năm giới là đã bớt được bao nhiêu thứ khổ. Khi mới khép mình vào giới luật thấy như khó khổ, nhưng khi đã quen rồi thì nhận được lợi ích rất lớn. Đó là “Tu trước khổ sau vui” của người cư sĩ.

Sau đây người xuất gia tu trước khổ sau vui. Theo quan niệm người đời thì xuất gia coi như bỏ hết mọi hạnh phúc thế gian, hay bỏ cả cuộc đời để sống một cuộc sống nghèo thiếu cực khổ; về phần thân xác thì ăn uống kham khổ, ngủ nghỉ thiếu thốn. Nhưng tại sao họ lại sẵn sàng hy sinh chấp nhận như thế ? Như tôi đã nói cái nhẹ nhàng gần nhất của người xuất gia là không bị cột trói bởi gia đình, không bị ràng buộc bởi chồng hay vợ, không bị kéo níu bởi con cháu. Sống một cuộc sống trọn vẹn cho mình cho đạo. Nói thế quý vị sẽ nghĩ rằng người xuất gia không có con, nhưng có đệ tử cũng phải bận rộn nhọc nhằn lo cho đệ tử. Chẳng hạn như tôi đệ tử quá đông, đôi khi cũng khổ vì đệ tử vậy ? Làm thầy lo cho đệ tử có khác với cha mẹ lo cho con. Cái khác thứ nhất là thầy bảo đệ tử làm việc, thì đệ

tử làm với niệm tu hành, làm vì cầu đạo giải thoát, chớ không phải ích kỷ làm vì danh lợi. Thế nên làm trong hài hòa vui vẻ, không tranh quyền không tranh danh, không tranh lợi, thì đâu có sự cãi rầy hơn thua với nhau. Hơn nữa, người đệ tử khi vào chùa họ đã chấp nhận sống kham khổ, nên làm ít ăn ít, làm nhiều ăn nhiều không đòi hỏi. Còn con của quý vị lớn lên biết chung dọn hình dáng bên ngoài, không cho nó những món đồ tùy thuộc thì nó xin xỏ đòi hỏi; chẳng hạn như con gái độ 17, 18 tuổi không sắm bông tai, vòng xuyên... thì nó đòi hỏi xin xỏ. Con trai 17, 18 tuổi thì đòi đồng hồ, honda cub... không sắm cho nó là nó buồn có khi giận nữa. Còn các vị đệ tử Phật xuất gia rồi, chấp nhận sống đời đạm bạc nên không đòi hỏi cái gì hết. Như vậy chúng tôi có gì đâu lo nhiều? Mặc dù chúng tôi phải có chương trình giảng dạy hướng dẫn cho tu hành, lo chỗ ở, chỗ ăn... cho Tăng Ni. Tuy thấy như là bận rộn, nhưng chúng tôi không có lo nhiều. Hơn nữa, người nào chịu sống theo giới pháp của Phật, theo lời dạy của tôi thì người đó được ở trong chùa để tu, người nào không chịu tuân theo, thì ra khỏi chùa đi nơi khác hoặc hoàn tục, tôi không có trách nhiệm với vị đó nữa. Tôi không có từ, mà người đó không chịu tuân theo giới pháp Phật, người đó tự thấy không xứng đáng là đệ tử Phật, thì họ tự xin xuất chúng. Còn con của quý vị lỡ bất hiếu ngỗ nghịch thì quý vị tính sao đây? Làm thế nào xử nó? Đuổi nó, nó không đi, hoặc đi rồi về, lại phá phách lung tung thì quý vị làm sao? Lỡ có một đứa con bất hiếu ngỗ nghịch, khổ dài dài! Để thấy rằng người tu tuy có đệ tử nhiều, song không bận rộn khổ sở như người tại gia năm mười đứa con. Đó là nói về hoàn cảnh.

Sau đây là nói đến bản thân của người tu. Nếu còn là người đời, bị người ta nói nặng một câu là trả lời bằng hoặc hơn mới vừa ý. Chớ còn nhịn thua hoặc trả lời nhẹ hơn thì cảm thấy bức rứt khó chịu, ăn không ngon ngủ không yên. Bây giờ là người tu thì tất cả lời nặng nhẹ khen chê đối với mình không thành vấn đề. Người ta khen không giúp cho mình thành Phật, người ta chê không làm cho mình có tội. Cái mà mình cần phải lưu tâm đó là giữ đúng đạo lý tu hành. Có khen cũng tốt, có chê cũng không sao, không để tâm buồn giận. Chẳng hạn đi ra đường mấy đứa trẻ trêu chọc: “Đầu thầy chùa nấu canh chua, ba tháng còn chua”. Hoặc dùng đất đá ném trên thân trên đầu... Người đời chắc chửi hoặc đánh nó. Nhưng với người tu thì im lặng đi, vì thấy chúng nó là kẻ ngu khờ, không biết giá trị của sự tu hành. Mặc tình nó nói gì thì nói, làm gì thì làm, đó là kẻ ngu khờ đại dột đáng thương. Chính những lời nói xúc não đó là cơ hội để mình tỉnh giác, tu, vun bồi thêm công đức lành. Nếu bị nói xúc não liền buồn phiền đó là chưa tu. Thế nên, đối với người tu không sợ những lời nói trêu chọc, cũng không sợ những lời nói oan ức ở bên ngoài, chỉ sợ mình tu mà không khéo phản tỉnh, không hết phiền não, còn nhiều thói hư tật xấu. Đó là cái đáng sợ. Người đời thì sợ dư luận lắm; dư luận mà khen thì vui tươi hơn hờ; dư luận mà chê thì buồn rầu không an. Nhưng mà dư luận khen chê có đúng lẽ thật không? Ví dụ: Người tửu lượng ít khen người tửu lượng nhiều là giỏi, người ghiền rượu chê người không uống rượu là dở. Thậm chí họ còn dùng lời cay độc để khiêu khích như: Hèn nhất, thờ bà, sợ bà, cho nên không dám uống rượu. Họ cho rằng đàn ông mà không uống rượu là đàn bà, rồi gán cho cái tên là Nguyễn thị Đàn Bà... Thật là những lời châm biếm cay

độc. Do vậy mà nhiều chú thanh niên giàu tự ái, không làm chủ được mình rồi cũng uống. Thế là đua nhau mà nghiện ngập. Người biết tu có trí tuệ có can đảm, xét thấy uống rượu mất nào cũng có hại nên không uống. Không uống rượu là người tốt mà dư luận chê xấu, đó là dư luận xấu chớ mình đâu có xấu ! Vậy quý vị hãy sáng suốt nhận định, người không uống rượu là người tốt hay người xấu trong xã hội ? Nếu là người tốt, mà dư luận chê xấu thì mặc dư luận, có quan hệ gì tới mình mà cho là nhục nhã ? Vậy mà người đời đang tốt, khi bị chê xấu liền biến thành xấu, bằng cách tự ái tức giận làm theo cái xấu của người ta. Cho nên xấu cả số đông. Dư luận có khi đúng có khi sai, nên khi nghe chê, mình xét lại, nếu mình có lỗi, lời chê đó đúng, thì mình sửa, nếu không đúng, chỉ cười thôi không bận tâm. Như vậy mới là người tu có trí tuệ có khả năng tự chủ. Nếu để dư luận chi phối, cứ theo cái đà lôi cuốn người này hư kéo người kia hư theo, không ai có sức tự chủ cả.

Người tu là xả bỏ lòng tham lam, tính nóng giận và tâm si mê, và khi tham lam nóng giận si mê hết thì khổ không còn, hết khổ tức vui. Con người có khổ là do tham, nhìn thấy người vật, nếu vừa lòng thích ý thì muốn chiếm đoạt về mình, muốn mà không được thì buồn khổ. Chẳng hạn người ta có tiền đi xe Honda cub, mình nghèo cứ chạy xe đạp cộc cạch, muốn có chiếc xe cub mà không có tiền mua lòng ray rút buồn tủi cho số phận, như vậy là khổ. Còn người tu an phận trong nếp sống thanh bần, thấy người đi xe tốt là việc của họ, mình đi xe đạp là hạnh của mình, không khởi tâm so sánh đua đòi, thì tâm bình thản an ổn. Nên người biết tu sống ở cảnh nào cũng vui, cũng an. Còn người không biết tu sống ở cảnh nào cũng khổ, có xe cub chạy rồi, thấy người ta đi xe hơi, thì muốn mình có xe hơi. Có được chiếc xe hơi đời cũ, thấy người chạy xe hơi đời mới êm nhẹ thì muốn mình có xe hơi tân thời êm nhẹ... Cứ như thế mà tham muốn không dừng; càng tham càng khổ, tham nhiều thì khổ nhiều.

Sân cũng vậy, khi tham muốn cao độ mà không được thỏa mãn thì sân giận nổi lên, lòng bức tức, nóng nảy, mắt mặt đỏ hoe, miệng nói lời thô tục hung dữ, tay chân đấm đá, tất cả đều hiện ra tướng xấu. Một ngày 12 giờ đồng hồ, nổi sân một lần, chờ cho lắng dịu ít nhất cũng hết vài giờ, tâm thần mới tỉnh táo an vui trở lại. Như thế đã thiệt thòi quá lắm rồi. Nếu một ngày mà để nổi sân chừng vài ba lần, thì tướng xấu hiện hơn nửa ngày, làm sao an vui ? Khi nổi sân, tướng xấu hiện, lúc đó mình là người hay quý quái ? Ngày nào cũng tập thói quý quái đó, người ta thương mến thân cận hay ghét bỏ xa lánh mình ? Kẻ mà bị người đời ghét bỏ xa lánh thì rất khó sống, khổ sở vô cùng. Người biết tu thường xuyên phản tỉnh nội tâm mình, khi đối duyên xúc cảnh thấy tâm ray rức khó chịu, biết sân giận đang hiện khởi, liền biết mình đang sân giận, thì sân giận từ từ lóng lạng, miệng không nói bậy, tay chân không hoạt động phi pháp, thì mình hết phiền não sân giận, người cũng không bị ảnh hưởng xấu do sân giận của mình gây nên, đó là tu.

Si là cái gốc gây nên khổ đau cho con người. Do si mê nên không giản trạch được pháp nào là chánh, pháp nào là tà; việc nào là thiện, việc nào là ác; điều nào là phước, điều nào là tội. Vậy nên nói cần làm bậy, gây nhiều tội lỗi mà không biết không hay. khi đã tạo nghiệp ác rồi thì quả khổ ắt sẽ đến, không tránh khỏi. Người tu có tỉnh giác, có sáng suốt biết rõ pháp chánh pháp tà, việc thiện ác tội

phước, nên theo pháp chánh bỏ pháp tà, làm việc thiện mà tránh điều ác. Do làm lành nên được an vui. Chẳng những an vui trong đời này mà đời sau cũng được an vui. Trong kinh A Hàm, Phật có dạy : Người không biết tu khi chết khổ cả hai phần, người biết tu chỉ khổ một phần. Tại sao ? Vì người không biết tu khi sắp chết thân thể bại hoại, co giựt đau nhức, khổ về xác thân. Kế đó họ không biết mình chết sẽ ra sao, đi đâu ? Mờ mịt một mình bơ vơ, lại còn thương con thương cháu anh thương em... tình cảm buộc ràng, hơi thở sắp ngừng mà tình thì không dứt, hai cái dang co làm cho tâm khổ sở. như vậy thân tâm cả hai đều đau khổ. Còn người tu biết tu khi sắp chết thân này rồi rồi bại hoại thì nó phải đau đớn, nhưng biết cuộc đời giả tạm, ai tới rồi cũng phải đi, có ai sống mãi đâu ? Lẽ thật của cuộc đời là sanh già bệnh chết không ai cưỡng được. Biết được lẽ thật như vậy thì cái chết đến sẵn sàng đón nhận không sợ. Thứ nữa, người biết tu hằng ngày làm lành, không gây tội lỗi, biết chắc sau khi mình chết sẽ đi tới chỗ lành, nên tâm không lo sợ, được an ổn. Giống như người có chiếc xe cũ hư, trong tủ họ đã có để giành sẵn một số tiền, để mua xe mới thay cho xe cũ. Khi xe cũ không còn xài được, họ liền sắm xe mới đẹp có giá trị hơn, thay cho xe cũ một cách dễ dàng thoải mái, còn người nghèo có chiếc xe cũ hư mà không có tiền để thay xe tốt; bỏ xe cũ thì không thể bỏ, muốn có xe tốt, không biết làm sao mà được, nên lòng lo buồn khổ sở. Như vậy người biết tu hằng ngày làm lành, tự khắc phục thói hư tật xấu của mình, và giúp đỡ mọi người chung quanh, như thế là phước lành đã được tích lũy, biết chắc chỗ mình sẽ đến là tốt thì không có gì lo sợ. Giống như người có sẵn tư lương, đi tới đâu cũng no ấm không đói khổ, thường được an vui. Người biết tu hiện đời ít khổ khi chết cũng không khổ nhiều, qua đời sau lại được an ổn hơn. Nhờ tu mà các vị Thiên sư khi sắp chết, từ giả mọi người, rồi cười ra đi một cách nhẹ nhàng. Còn người đời khi sắp chết thì lo sợ hoảng hốt khóc la kinh hoàng khổ sở vô cùng.

Người biết tu là người tìm an vui hạnh phúc chân thật, đó là người biết lo xa. Thói thường người đời không biết lo xa, hằng ngày không chịu tu nhân lành tích phước đức, mặc tình nghĩ nói làm tội lỗi. Khi gần chết rước Tăng Ni tới tụng kinh đưa về Cực lạc. Có đưa được không ? Chắc đưa không nổi. Tại sao? Vì việc mình thường làm trở thành thói quen đó là nghiệp. Mà đã là nghiệp thì tự mình chuyển chớ không ai chuyển thế được. Chẳng hạn người tập hút á phiện lâu ngày họ ghiền. Bao nhiêu tiền của trong nhà đều hết sạch, cảnh nhà nghèo khó, tới con ghiền không tiền hút, chảy nước dãi ngáp dài ngáp vắn... Người láng giềng thấy thế thương xót muốn giúp cho họ hết ghiền, đến chùa rước Tăng Ni tới tụng kinh cầu nguyện cho người ấy hết ghiền. Tăng Ni có ai dám hứa tụng kinh cho người ấy hết ghiền không ? Chắc chắn là không. Muốn hết ghiền tự người ấy phải cai hút, gan dạ từ bỏ không hút nữa, thì mới hết, chớ người ngoài không làm cho họ hết ghiền được. Cũng vậy, thói quen do làm lành hay làm ác đã thành nghiệp, thì nghiệp lành dẫn người tạo đến cõi lành, nghiệp ác dẫn người tạo đến cõi ác. Lúc đó Tăng Ni không thể thế hay cầu nguyện cho mình thay đổi được. Tăng Ni tụng kinh cầu nguyện chẳng qua là trợ niệm thêm sức cho đi nhanh vậy thôi. Giống như thuyền xuôi dòng nước, lại có gió xuôi thì thuyền đi mau hơn một chút. Đừng ý lại bình thường tôi hay đi chùa, quen biết các thầy các cô nhiều, khi chết

mời các thầy các cô đồng, tụng kinh cầu nguyện cho tôi sanh về cõi lành. Điều này không bảo đảm, mà phải tự mình tu, làm cho tham sân si càng ngày càng mỏng càng mòn, nghiệp ác không tạo nữa, nghiệp lành siêng năng phát triển. Như thế mới thật là tu, và mới hết khổ trong hiện đời, hết khổ trong mai sau. Nếu không như vậy thì chưa phải tu theo đạo Phật, chỉ là người đi chùa ăn chay mà chưa biết tu.

Quý vị nhớ tu là phải tu cho đúng, chớ đừng qua hình tướng bên ngoài. Có nhiều vị lần chuỗi cốt lắn cho nhanh để được nhiều chuỗi đem trình với thầy, thầy khen mình tu giỏi. Khi buông xâu chuỗi xuống thì la rầy chửi rửa con cháu, phải quấy hơn thua với xóm giềng... Tu như thế là tu sai, lần chuỗi niệm Phật là phải thông thả từ từ, miệng niệm tai nghe rõ danh hiệu Phật, một danh hiệu Phật là một hạt chuỗi, nhiếp tâm không cho nghĩ bậy, niệm Phật như thế tâm mới an định. Niệm Phật để tính công trả nợ, thói hư tật xấu không sửa không chừa thì không được lợi ích. Ở chùa thỉnh thoảng cũng có mấy ông đạo tu để trả nợ, tối khuya hai thời công phu, nhất là tụng chú Lăng Nghiêm, gõ mõ thật nhanh tụng cho mau rồi, thay vì tụng một giờ, tụng rút chừng 45 phút xong, đặng xuống ngủ lại. tu như thế là tu cho ai chớ đâu phải tu cho mình, nếu thật tu cho mình là phải tụng đàn tràng chậm rãi, đọc đúng lời đúng chữ nương câu kinh để tâm được an định mới được lợi ích. Nếu tụng kinh để trả nợ thì tâm cứ xao xuyến loạn động hoài. Mà bây giờ người ta hay có cái tật tu để trả nợ. Đó là những điều mà tôi nêu để quý vị biết ý nghĩa chân chánh của sự tu hành.

Quý vị nghiệm lại xem có phải tu là trước khổ sau vui không ? Nếu phải, thì hãy cố gắng tu hành, trước tuy có thiệt thòi khó khăn một chút, nhưng sau được an vui, chẳng những an vui trong đời hiện tại, mà đời sau cũng được an vui nữa. Muốn được lợi ích lớn trước phải hy sinh chấp nhận mọi khó khổ, sau đó mới thành tựu quả tốt, không phải ngẫu nhiên mà được vui. Chẳng hạn muốn mọi người thương mến mình, thì ít ra mình cũng phải vui vẻ lưu tâm giúp đỡ người, chớ gặp người khổ mình làm lơ họ đâu có cảm tình với mình. Thế nên tất cả cái tốt đến với mình là do ban đầu mình chịu hy sinh, chịu thiệt thòi mà có, đừng đòi hỏi tu là phải sung sướng từ trước tới sau. Đa số người tu bây giờ đòi hỏi quá đáng, đi chùa cúng Phật một thẻ nhang, hoặc bó hoa hoặc đĩa trái cây, cầu xin cho gia đình người già được mạnh khỏe, người trẻ thì làm ăn phát đạt, trẻ nhỏ thì thi đậu đậu đó. Quý vị nghĩ đưa ra có một thẻ nhang, một bó hoa, đĩa trái cây mà đòi mấy việc như vậy có tham không ? Đi chùa như thế là để tăng trưởng lòng tham chớ đâu có tu. Phật dạy tu là bớt tham, vậy mà Phật tử đi chùa tham quá chừng, cho nên không hết khổ. Đi chùa với tâm niệm tham muốn như vậy, nếu không được toại nguyện, cha mẹ đau yếu hoài, làm ăn thất bại, con cái thi rớt thì buồn, nghĩ Phật không thương không giúp, giận không đi chùa nữa. Người tu như thế thật đáng thương, không hiểu Phật pháp như thế nào cả, cứ mù mù mịt mịt làm theo lòng tham muốn của mình, chẳng được lợi ích gì cả. Tu là tự sửa mình, làm cho cạn mỏng tham sân si ở nơi mình thì mới hết khổ. Đó mới là người tu chân chánh thực hành đúng lời Phật dạy.



CHÁNH BÁO VÀ Y BÁO

Chúng ta là những người học Phật, tu theo Phật, chủ yếu là phải hiểu Phật dạy như thế nào, để đi đúng đường không lầm lạc được lợi ích, đường hướng ấy được dạy ở bài chánh báo và y báo. Chánh báo là quả báo gốc hay quả báo chủ yếu của nghiệp nhân đã tạo, còn y báo là quả báo nương nơi chánh báo mà có như nhà cửa cảnh vật xung quanh... Chánh báo và y báo là chỉ cho con người và cảnh vật thuộc về con người. Vậy chánh báo và y báo cái nào là gốc cái nào là ngọn? Nếu chúng ta không hiểu sẽ bị lầm lẫn và không biết cái nào là gốc để tu, cứ mãi chạy theo cái ngọn, rồi cả đời tu không được lợi ích. Vậy, quý Phật tử học xong, tự kiểm lại xem từ lâu mình tu là tu theo ngọn hay tu theo gốc?

Tại sao nói chánh báo tốt thì y báo tốt?

- Vì có con người tốt mới có cảnh vật tốt. Chữ tốt ở đây là chỉ cho người có tài, có trí, có đức hạnh. Người tài trí đức hạnh ở đâu thì hoàn cảnh sẽ chuyển theo họ trở thành tốt đẹp. Có khi nào một người bất tài vô trí thiếu đạo đức tạo được một sự nghiệp vẻ vang không? Nếu có là nhờ phước dư ở quá khứ, chỉ có trong giai đoạn ngắn rồi cũng hoại, không bền. Người tài trí đức hạnh dù hoàn cảnh không tốt, nhưng họ có thể chuyển lần lần thành tốt. Ví dụ những nhà kiến trúc, những kỹ sư có tài đức, vì một lý do nào đó họ đến ở nơi núi rừng xa vắng. Với cảnh rừng núi này, họ hợp tác kiến thiết xây dựng cuộc sống mới. Một thời gian sau cảnh hoang vắng rừng núi đó trở thành vùng trù phú xanh tươi. Còn nếu người bất tài vô trí, thiếu đạo đức, dù ở trong hoàn cảnh tốt rồi cũng trở thành hư xấu, vì họ thiếu khả năng xây dựng kiến tạo, mà cảnh vật thì mau hư hoại, không được sửa chữa.

Một sự kiện trước mắt chúng ta là khu Thường Chiếu, trước năm 1974 là một vùng đất hoang vắng, chỉ có tre gai, tranh, mắc cỡ... không có nhà cửa cây trái. Sau này nhờ những người biết tu có chánh báo tốt, biến nơi này thành một cảnh già lam nghiêm tịnh, thanh lịch. Và Viên Chiếu cũng vậy. Mọi người đều ghi nhận cảnh Thường Chiếu, Viên Chiếu thanh tịnh đẹp đẽ. Vậy cảnh tịnh và đẹp đó, là do tự cảnh đẹp hay do người mà có?

Mọi cảnh đều tùy thuộc vào con người nên con người là chủ là chánh báo, còn cảnh vật là bạn tùy thuộc vào con người, nên gọi là y báo. Đó là chánh báo y báo của người xuất gia. Bây giờ đến chánh báo y báo của người tại gia. Mỗi Phật tử ai cũng có gia đình nhà cửa, nếu là một Phật tử biết tu đúng như lời Phật dạy và là người tài đức thì, cảnh gia đình nhà cửa của Phật tử ấy sẽ êm ấm trang nhã sạch sẽ. Ngược lại, nếu là người không biết tu, là kẻ bất tài vô trí thì cảnh gia đình họ không hạnh phúc, nhà cửa họ lụp xụp, tồi tàn, túng thiếu. Vì vậy nên nói “nhìn qua cảnh biết được người”; tức là nhìn “y báo biết được chánh báo” chánh báo tốt thì y báo cũng tốt, chánh báo xấu thì y báo xấu theo.

Người đời thường nói: “thời thế tạo anh hùng” tức là hoàn cảnh đưa đẩy con người trở thành anh hùng. Cũng có người nói ngược lại “anh hùng tạo thời thế”, tức là người hùng, người tài đức tạo nên sự nghiệp vẻ vang trong đời. Hai câu này câu nào đúng? Người đời hay bàn tán: Có những người trước kia họ là

những kẻ tầm thường không có tài đức, nhờ gặp cơ hội tốt họ nghiêm nhiên trở thành con người xuất chúng. Như vậy là “thời thế tạo anh hùng”. Lại có một số người khác bàn rằng: Vua Quang Trung tuy là người áo vải ở chốn quê mùa, nhưng lại là người tài trí phi thường, nên từ một con người áo vải quê mùa trở thành một vị tướng giỏi, một ông vua tài trí. Như vậy không phải “anh hùng tạo thời thế” là gì ? Kết luận, tất cả mọi người thành công trên đời đều là “anh hùng tạo thời thế. Tại sao vậy ? Vì nếu thời thế đổi thay mà chúng ta là kẻ thiếu phước, bất tài, vô trí, chúng ta không cải cách gì được hoàn cảnh, chỉ ý ra đó thì vẫn là kẻ tầm thường như bao nhiêu kẻ khác. Ngược lại, dù cho thời thế có biến chuyển, đổi thay trăm ngàn lần đi nữa, đối với người có tài trí đức hạnh dù trước cảnh thuận hay nghịch, họ vẫn là người dũng mãnh đứng lên cải cách xã hội, làm nên việc lớn. Vì họ là người có sẵn tài trí, phước đức. Người đời vì không hiểu rõ chánh báo, y báo nên cho rằng nhờ thời thế tốt, nên đưa đẩy con người trở thành người tài giỏi, nên nói “thời thế tạo anh hùng”. Họ đâu biết bản chất của người đó đã có cái hay cái giỏi đang tiềm ẩn sẵn, khi gặp thời thế có cơ hội phát triển bèn trở thành người tài giỏi. Để thấy rõ con người là gốc, hoàn cảnh tùy thuộc vào con người là ngọn. Người đời kẻ nhìn khía cạnh này, người nhìn khía cạnh nọ nên nói như thế, không đúng lẽ thật. Thế nên ở đây chúng tôi khẳng định “người tốt thì cảnh tốt”. Đó là trường hợp thứ nhất.

Đền trường hợp thứ hai “chánh báo xấu thì y báo xấu”. Nếu là người bất tài vô đức, dù họ có dời nhà hay thay đổi hoàn cảnh hàng trăm ngàn lần đi nữa, họ cũng vẫn là kẻ tầm thường khốn khó, hết thất bại này đến thất bại khác, ở đâu rồi cảnh vật cũng điêu tàn lụn bại, vì họ không có khả năng xây dựng kiến tạo, làm sao có được cảnh vật tốt đẹp? Như vậy, cảnh không thể làm cho con người hay, tốt, mà chính con người mới làm nên cảnh tốt, cảnh đẹp. Để thấy rằng người có chánh báo xấu mà muốn y báo tốt, việc đó không thể được, nên nói “người xấu thì cảnh xấu”, hoặc chánh báo xấu thì y báo cũng tồi tệ.

Ở Việt Nam có một số người có cái tật cất nhà lựa chỗ hàm rồng, để sau này làm ăn phát đạt, hoặc chôn ông bà cha mẹ lựa chỗ hàm rồng, để sau con cháu phát quan, mà không lo tu nhân tích đức. Lựa chỗ tốt để cho con người được tốt, vậy người có tốt không ? Nếu người không tu nhân lành dù có chọn chỗ tốt, sự nghiệp người ấy vẫn không tốt, vì không tài, không đức, thiếu phước làm sao có được quả báo tốt? Và lại, những thầy địa lý chính thống, nhìn người, thấy cảnh, biết người và cảnh hợp tốt. Tuy họ có hướng dẫn cho quý vị đến để an cư, họ luôn luôn nhấn mạnh là phải tu nhân tích đức, nếu không tu nhân tích đức thì không làm nên sự nghiệp. Như vậy, lựa cảnh tốt mà người không tốt, vẫn bất tài thiếu đức thì có giàu sang phát quan không ? Đó là một sự lầm lẫn rất lớn. Do chúng ta không thấy được cái gốc, cứ chạy theo cái ngọn, để rồi loanh quanh lẫn quẩn, không được lợi ích thiết thực. Tất cả chúng ta nếu thực là người có tài đức thì dù ở trong cảnh ngộ nào, cũng biến cảnh đó dần dần trở thành tốt.

Khi nhận cuộc đất Thường Chiêu này, đứng ngoài cổng nhìn vào, chúng tôi thấy phía trước đường đi thoai thoải thấp, phía trong là gò đất cao. Chúng tôi nghĩ: Nếu cất chùa trên gò đất cao, nhìn ra đường thì đẹp lắm. Bấy giờ chưa có

tiền cất chùa, chúng tôi trồng hai hàng dương trước, đến khi đủ duyên cất chùa thì dương đã có sẵn, tạo thành cảnh chùa nghiêm tịnh, thanh lịch, đa số người đến chùa đều ưa thích. Để thấy đó là phước duyên của con người, nên sắp đặt công việc được thành công, nếu không có phước duyên thì tính trật thất bại. Nên nói “người là chủ, cảnh là bạn tùy thuộc theo người”, hay nói “chánh báo tốt thì y báo tốt”. Hiểu như vậy, Phật tử chúng ta phải làm sao xây dựng chánh báo cho tốt đẹp, vì chánh báo chính là tài trí đức hạnh con người. Y báo là sự nghiệp của cải tài sản thuộc về con người.

Nói chánh báo là con người, đó là lối nói đơn giản, chứ chánh báo là phần sâu kín tế nhị hơn, đó là tâm. Vì tâm chủ động tất cả. Nếu tâm nghĩ tốt thì miệng mới nói tốt và thân mới hành động tốt, tất cả cảnh sở thuộc về người mới tốt đẹp. Bởi vậy nói đến chánh báo là nói đến tâm. Kinh Duy ma Cát, phẩm Tịnh Quốc Độ có câu: “Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh” nghĩa là tâm thanh tịnh thì cõi nước theo đó mà thanh tịnh. Do đó nói tâm người là gốc. Tôi dẫn một câu chuyện để quý vị thấy tâm người là gốc và cảnh do tâm mà chuyển. Tôn giả Mục-kiền-liên là đệ tử lớn của Phật, nổi tiếng là có thần thông bậc nhất. Sau khi chứng A-la-hán. Ngài nghĩ đến mẹ là bà Thanh Đề, bình sanh bà sống không lương thiện, tánh tình keo kiệt tham lam, tôn giả sợ bà thác sanh vào đường ác, nên dùng thiên nhãn thông tìm xem coi bà sanh ở cõi nào. Tôn giả nhìn đến cõi ngạ quỷ, thấy bà đang làm quỷ đói thân hình tiều tụy vô cùng đói khổ. Động lòng thương, tôn giả đi khát thực được một bát cơm, liền vận thần thông đem dâng cho mẹ. Bà vốn là kẻ đầy lòng tham lam bòn xén, khi vừa được bát cơm một tay bà bốc cơm một tay che lại, sợ kẻ khác thấy giựt cơm của bà. Do lòng tham lam bòn xén còn đầy dẫy trong lòng bà, nên cơm vừa đưa tới miệng thì hóa thành lửa bà không ăn được, vẫn đói khổ. Nếu lúc đó bà phát tâm từ bi hỷ xả, thì chắc cơm không hóa thành lửa. Tôn giả Mục-kiền-liên trông thấy cảnh khổ của mẹ, Ngài không biết làm sao cứu mẹ thoát kiếp ngạ quỷ, bèn trở về bạch Phật tự sự. Thế Tôn dạy: “Một mình không đủ oai lực chuyển tâm niệm của mẹ ông. Vậy nhân ngày chúng Tăng hội về tự tứ, ông hãy sắm sửa trai nghi để cúng dường các vị Thánh tăng và nhờ cầu nguyện khiến cho mẹ ông chuyển tâm tham lam bòn xén thì sẽ thoát kiếp ngạ quỷ”.

Nghe qua, ắt quý vị có nghi ngờ. Theo lý nhân quả người khi đã tạo nhân thì phải thọ quả. Bà Thanh Đề tạo nhân tham lam bòn xén nên phải chịu quả báo làm quỷ đói, tại sao chúng tăng cầu nguyện mà bà khỏi kiếp ngạ quỷ được? Nếu chúng Tăng cầu nguyện mà bà thoát kiếp ngạ quỷ thì trái với lý nhân quả? Như trước đã nói tâm là gốc, tâm là chánh báo. Nếu tâm chuyển thì chánh báo và y báo theo đó mà chuyển. Tâm bà Thanh Đề tham lam bòn xén đó là chánh báo xấu, nên y báo cũng xấu là sống trong cõi ngạ quỷ đói khổ. Bấy giờ bà được chúng Tăng thành tâm cầu nguyện, chuyển tâm tham lam bòn xén của bà thành tâm từ bi hỷ xả. Vì tâm của chư Thánh Tăng thanh tịnh đồng hướng về bà, nên có oai lực có sức mạnh, khiến bà cảm được niệm lành, bà liền thức tỉnh chuyển tâm tham lam bòn xén thành tâm từ bi hỷ xả, ngay đó bà thoát được kiếp ngạ quỷ, sanh lên cõi thiện lành. Chúng ta đừng nghĩ lầm rằng: chư Tăng cầu nguyện là thân nhân mình được giải thoát. Điều đó không đúng. Nếu chúng Tăng cầu nguyện mà thân nhân

mình thức tỉnh, chuyển tâm ác thành tâm thiện thì mới chuyển đổi được kiếp đọa lạc mà sanh vào cõi thiện. Ngược lại, nếu không chuyển được tâm thì hoàn cảnh cũng không đổi thay. Vì y báo tùy thuộc vào chánh báo là tâm.

Chủ yếu của người tu là phải chuyển tâm, khi tâm chuyển thì thân và cảnh mới chuyển theo. Nếu tâm không chuyển thì thân và cảnh không thể chuyển được. Tại sao một mình tôn giả Mục-kiền-liên không khiến cho tâm bà Thanh Đề chuyển được, mà phải nhờ nhiều vị Thánh Tăng khác ? Điều này mới nghe qua có vẻ huyền bí, nhưng kỳ thật không có chi là huyền bí cả. Thực tế mỗi người chúng ta đều có nhân điện, mà nhân điện đó nó có một sức mạnh, nếu chúng ta biết luyện tập và biết ứng dụng vào cuộc sống, thì nó có tác dụng rất cụ thể, chẳng hạn như trị bệnh bằng cách xoa sát hay xoay bấm huyết, đó là chuyển nhân điện làm cho người hết bệnh nơi thân. Cũng vậy, chư Thánh Tăng là những bậc tu hành viên mãn, tâm các Ngài thanh tịnh trong sáng, cùng hướng về một người cầu nguyện thì có một sức mạnh, có sự cảm ứng nơi người nhận. Vấn đề này trong thực tế chúng ta thấy có những sự kiện xảy ra rất cụ thể, như trong gia đình hoặc cha hay mẹ hấp hối, khi đó có người con đang ở xa, cả gia đình từ cha mẹ đến anh chị em đều trông người con ấy về để gặp mặt. Khi đó người con ở xa cảm thấy lòng xao xuyến bức rút. Tại sao ? Vì tâm lực (nhân điện) của những người thân trong gia đình đang hướng về người con ấy, nên có sức giao cảm khiến cho lòng xao xuyến bức rút. Nhưng vì tâm lực (nhân điện) của những người thân đó yếu, nên người con ở xa chỉ cảm thấy lòng xao xuyến thôi. Nếu tâm mọi người thanh tịnh thì sẽ có sức giao cảm mạnh, khiến cho người nhận biết rõ điều mà người trong gia đình muốn cho biết. Sự kiện này rất cụ thể, tuy quá tầm mắt của chúng ta nên khó tin, nhưng không phải là không có. Thế nên những nhà thôi miên họ dùng nhân điện điều khiển được những người mà họ muốn điều khiển một cách dễ dàng. Để thấy mỗi người chúng ta ai cũng có nhân điện, nếu nhân điện mạnh của nhiều người đồng hướng về một người nào, để cầu nguyện cho người đó chuyển tâm niệm thì sẽ được thành tựu. Do đó cầu nguyện có kết quả là vậy, chớ không phải chư Tăng nguyện, rồi Phật hay thiên thần tới rước đi về cõi khác. Đó là do lòng thành, do sức nguyện cầu, khiến cho tâm xấu ác của người trở thành tâm thánh thiện. Khi tâm thánh thiện thì nghiệp đã chuyển nên sanh về cõi thiện, đâu có trái lý nhân quả. Hiểu như thế chúng ta mới không nghi ngờ chánh báo và y báo trái với lý nhân quả. Nhưng nhớ, chánh báo mà chuyển được là phải có cơ hội, có sức mạnh đánh thức mới chuyển được, chớ bình thường khó mà chuyển nổi. Cũng như quý Phật tử khi chưa biết đạo không thích đi chùa, không thích làm phước. Nhưng nhờ một cơ duyên nào đó, chẳng hạn như trong gia đình có xảy ra tai biến khổ đau, bạn bè rủ đi nghe pháp, nên được thức tỉnh và chuyển tâm niệm liền thay đổi cuộc sống.

Quý vị đã thấy tầm mức quan trọng nhân điện của chư Tăng, đánh thức tâm niệm của người nghiệp chướng nặng nề. Và, quý vị phải nhớ, Phật dạy hàng Thánh Tăng đã chứng lục thông La-hán tâm thanh tịnh mới có đủ oai lực, chớ không phải hàng Tăng sĩ lời thôi. Chúng ta bây giờ vì không hiểu ý nghĩa, chỉ chú trọng hình thức, miễn thỉnh được các thầy đầu tròn áo vuông tụng ê a, chuông mõ rền vang là

được rồi. Chớ không cần biết các vị Tăng ấy có giữ trai giới phạm hạnh thanh tịnh không, phần sức mạnh tinh thần thì không cần lưu ý. Nếu chư Tăng không giữ trai giới phạm hạnh thanh tịnh mà cầu nguyện, thì có khác gì quý Phật tử cầu nguyện. Vậy tốt hơn là cả gia đình, cả gia quyền hợp lại tụng kinh, thành kính cầu nguyện cho cha mẹ còn có ý nghĩa hơn. Tập trung tinh thần hướng về một người để cầu nguyện, nếu tinh thần những người cầu nguyện trong sáng thì có ảnh hưởng tốt, nếu tinh thần của những người cầu nguyện đen tối thì làm sao chuyển nổi nghiệp chướng cho người, e còn làm nặng nề thêm là khác. Vì “tâm tịnh là cõi nước tịnh”, nên pháp môn Tịnh độ dạy Phật tử niệm Phật là phải niệm cho nhất tâm, mới được sanh về cõi Cực lạc (cõi tịnh). Khi niệm Phật nhất tâm rồi thì không còn một niệm dấy khởi, mà niệm không dấy khởi thì đâu có nghĩ xấu nghĩ bậy, tâm không tịnh là gì ? Tâm tịnh nhất định sanh về cõi tịnh. Ngược lại, nếu tay lần chuỗi miêng niệm Phật lâm râm, mà tâm còn toan tính chuyện hơn chuyện thua chuyện được mất, dù cho có niệm vô số câu A Di Đà Phật tâm vẫn còn nhiễm ô, Phật cũng không thể rước về cõi tịnh.

Có một số Phật tử hỏi rằng: Người niệm Phật cầu sanh về Tịnh độ, sau khi chết được Phật A Di Đà rước về cõi Cực lạc. Còn người tu Thiền không cầu sanh về cõi nào, vậy sau khi chết đi về đâu, chẳng lẽ đi lang thang?

Người tu Thiền có hai trường hợp: Một là đạt được thiền định; đối với những người sạch hết vọng tưởng tâm thanh tịnh nhất như, quyết định là sẽ được giải thoát - Niết bàn. Hai là đối với người loạn tưởng đã giảm, tâm chưa trong sạch hoàn toàn nhưng có phần thanh tịnh, khi chết chưa vào Niết bàn được. Tuy nhiên, tùy tâm tịnh ở mức độ nào thì đến cõi tịnh ở mức độ nấy. Nếu tâm tịnh được 50% thì đến cõi tịnh 50%. Nếu tâm tịnh được 80% thì về cõi tịnh 80%... Rất là vô lý, khi tâm tịnh mà không biết chỗ đến lại đi lang thang làm kiếp ngựa quỉ, do nhân tham lam bòn xén mới chịu quả báo đói khát lang thang. Người tu tâm thanh tịnh, lại từ bi hỷ xả thì làm gì phải lang thang ? Ví dụ có một người đi Huế, người ấy có thân nhân ở Huế, cho nên yên lòng ra đó sẽ ở nhà thân nhân. Một người khác cũng đi Huế, người này thì không có thân nhân ở Huế, nhưng người ấy có mang theo tiền để chi dùng trong chuyến đi, khi đến Huế họ mượn khách sạn ở. Cùng đến Huế, người ở nhà thân nhân, người ở khách sạn, vậy ai hơn ai ? Chúng ta có thể bảo người không có thân nhân ở Huế, đến Huế họ đi lang thang được không?

- Không. Vì họ có hành trang để đi đường. Cũng vậy, chỉ sợ người tu tâm không thanh tịnh, đừng lo không có cõi tịnh để mình đến. Phải hiểu cho thật rõ chỗ này kéo tu bị lầm lạc. đừng đứng bên này chỉ trích bên kia, phê phán bên nọ, làm một việc gây hoang mang nghi ngờ cho người mới tu học, là lỗi lầm không lợi ích. Chúng ta hiểu rõ tâm ai thường thanh tịnh, người đó sẽ được sanh cõi tịnh. Chẳng những Phật tử tu Thiền tu Tịnh độ, mà người không quy y làm Phật tử nếu tâm họ tịnh cũng được sanh vào cõi tịnh. Vì chánh báo tốt ắt hỷ báo phải tốt.

Bây giờ ứng dụng lý chánh báo và y báo vào việc tu hành.

Trước là bản thân của người xuất gia. Thông thường nhiều người xuất gia có quan niệm tu là phải cất chùa to, đúc tượng Phật lớn, trang trí cảnh chùa cho đẹp, quên đi phần tu học cho bản thân. Nếu người xuất gia mà không tu học làm

sao có tài có đức, để cho người kính tin kết duyên mà làm Phật sự ? Vì vậy mà phải xoay lại bản thân mình để lo tu học, một khi có đủ tài đức thì chùa to cảnh đẹp ắt sẽ có. Xưa có nhiều vị thiền sư ẩn tu trong những hang đá, am tranh trên núi rừng, là những người tu hành chân chánh tài đức vẹn toàn. Khi có người biết đến liền thỉnh về kinh đô trụ trì những ngôi chùa lớn, để hoàng dương chánh pháp. Chúng ta ham ở chùa to cảnh đẹp mà bắt tài, thiếu đức lại tu hành lười thôi, sớm muộn gì cũng bị người mời ra khỏi chùa, để thỉnh người xứng đáng về trụ trì. Như vậy mới thấy chánh báo không tốt mà đời y báo tốt thì không thể được. Chúng ta tu phải làm sao cho có tài trí đức hạnh, chớ lo không có chùa ở.

Kế là việc giáo hóa đệ tử. Người tu cần phải lo cho đệ tử như thế nào ? Nếu người thông lý chánh báo y báo, trước phải dạy đệ tử tu học có đức có tài. Đức do tu mà có, tài do học mà được. Tài đức vẹn toàn rồi thì lo gì mai sau không xiển dương được Phật pháp. Vì đã có chánh báo tốt, chẵn chẵn y báo sẽ theo đó mà tốt. Còn lo cất chùa cho đẹp cho kiên cố, để lại hàng trăm năm cho đệ tử ở, nếu là đệ tử bất tài vô đức tu hành lười thôi thì, chẳng làm gì lợi ích cho Phật pháp. Lại có thể, nó cởi áo tu hoàn tục bỏ chùa hoang, không người hương khói. Lo cho đệ tử như vậy không bảo đảm. Vậy lo cất chùa để lại cho đệ tử có đức có tài, tu hành chơn chánh hợp với chánh pháp.

Chúng tôi thường nói rằng: Sau này chúng tôi tịch rồi, chỉ để lại một số người biết tu, biết đạo chớ không để lại chùa tốt, chùa sang. Ngôi chánh điện Thường Chiếu tôi cất chỉ có hai mươi ngày là xong. Các nơi nghe tôi cất chùa chỉ có hai mươi ngày, họ cười nói “chùa đã chiến”. Mà thật “chùa đã chiến”. Vì nó không ra gì hết. Trên Chân Không có bao nhiêu vật liệu, đem xuống Thường Chiếu ráp lại vừa đủ, không thêm cái gì hơn. Chúng tôi chỉ cần có chỗ cho Tăng Ni tu, Phật tử đến học đạo là được rồi. Sau khi tôi tịch, nếu ai có tài trí phước đức hơn tôi họ cất chùa to là tùy họ. Chúng tôi chỉ nghĩ làm sao đào tạo một số Tăng Ni có học, có tu, có tài, có đức, để lại cho đạo là đủ rồi, còn chùa cảnh thì chúng tôi không đặt nặng. Đó là phương hướng giáo hóa đệ tử.

Kế đến là làm Phật sự. Phật sự thì có liên hệ đến Phật tử tại gia nhiều. Phật tử khi làm Phật sự thì nhắm vào y báo hay chánh báo ? Đa số Phật tử nghe nói xây chùa đúc tượng thì thích lắm, còn nghe nói nuôi Tăng Ni tu học thì không thích. Tại sao vậy ? Vì mình làm cực khổ mới có tiền của, đem đến nuôi người nhân rồi hơn mình là một điều không được vui, nên không thích. Hơn thế nữa, đem bao nhiêu của đến Tăng Ni ăn cũng hết, không còn để lại cái gì thấy là của mình đã cúng. Còn cất chùa tạc tượng đúc chuông để lại đời đời, cái mà mình đã cúng vẫn còn đó thì thích hơn. Vì nó có hình thức dễ thấy, hình thức đó thuộc về y báo. Nếu chùa tốt Phật to chuông thanh, mà không có một vị Tăng tu hành chân chánh gìn giữ, xiển dương chánh pháp thì cất chùa có lợi ích gì ? Vậy, Phật tử hiểu đạo rồi nên ứng dụng lý chánh báo và y báo để làm Phật sự mới hợp đạo. Chúng ta phải làm sao cho ngày mai có những Tăng Ni tài đức, để duy trì pháp Phật được lưu truyền, sau đó mới gìn giữ chùa chiền là nơi thờ kính Phật. Việc chính của chúng ta là phải phát triển chánh báo cho tốt, rồi y báo theo đó sẽ tốt. Nếu chỉ một bề lo y báo mà không lo chánh báo thì sẽ bị suy thoái về sau. Đâu quý vị kiểm lại

xem Phật sự quý vị đã làm là nhắm vào gốc hay ngọn ? Đa số là nhắm vào hình thức. Ví dụ như các thầy dự định xây cổng chùa, có một Phật tử đến xin cúng một mình, để cổng chùa ấy mang tên của mình cúng. Tên người cúng cổng chùa vẫn còn lưu lại đến năm ba mươi năm còn nếu cúng một hai triệu để nuôi một trăm vị Tăng tu ăn chỉ vài tháng là hết, tên người cúng cũng không còn, nên không vui không thích. Cúng cổng chùa mỗi lần đi ngang qua nghĩ cổng chùa mình cúng còn đây. Quý vị quên rằng chư Tăng ăn của tín thí tuy hết, nhưng họ lo tu học tâm trí được sáng suốt, đức hạnh được tăng trưởng, thanh tịnh. Mai sau họ là người hoằng dương chánh pháp, làm cho Phật pháp trường tồn lợi ích chúng sanh. Nếu không có những người đó thì lấy ai duy trì Phật pháp giáo hóa chúng sanh?

Bây giờ đến phần ứng dụng lý chánh báo, y báo trong cuộc sống hằng ngày của Phật tử. Trước hết là ngay bản thân mình, việc trước mắt là phải trao dồi tài đức, chớ đừng nghĩ mai kia mình sẽ có có địa vị làm ông này bà nọ, sẽ giàu sang phú quý. Nếu mình có đủ tài đức thì mọi việc tốt sẽ đến với mình. Giả sử có một học sinh đi học, ngày ngày cứ mơ ước mai sau sẽ làm bác sĩ hoặc bác học, mà hiện tại vào lớp nó không chịu học hành, cứ tha hồ mơ ước viễn vông. Cuối năm thì thi rớt, vậy mai kia có làm bác học, bác sĩ được không ? Chắc chắn là không. Ngược lại, có một học sinh khác không mơ ước mai sau làm gì cả, mỗi ngày vô lớp chăm chỉ, siêng năng học hành, nên học giỏi nhất nhì trong lớp. Và cứ như thế, hết niên khóa này tới niên khóa khác, và cuối cùng là được tuyển vào khoa học hay y học để rồi ra làm bác sĩ, bác học. Mơ ước những điều cho ngày mai là việc làm không thực tế. Mà thực tế là hiện tại phải làm sao trau dồi cho có tài đức thì, mọi sự tốt đẹp dù không muốn nó cũng đến. Vì chánh báo đã tốt thì y báo tốt sẽ đến.

Sau là việc dạy dỗ con cháu. Có nhiều Phật tử quan niệm là phải làm sao cho có nhiều tiền của để lại cho con cháu. Nếu có nhiều tiền của mà con cháu bất tài vô đức, lêu lổng ăn chơi thì càng thêm hư hỏng. Của cải khó bề bảo quản, sớm muộn gì rồi cũng tiêu tán. Thế nên thương và lo cho con cháu là phải cho nó học để có tài, phải giáo dục cho nó có đức. Nếu có tài có đức thì mai kia nó sẽ nên người, làm được việc mà chúng ta mong muốn. Chớ dành dụm của cải cho nhiều để lại cho con cháu, mà nó bất tài thiếu đức thì không gìn giữ được. Vì của cải thì có thể bị con cháu phá, trộm cắp cướp đoạt mất đi. Chớ tài đức thì không ai cướp giật được. Lại có nhiều người nhìn phiến diện, chỉ lo cho con học giỏi thôi, không nghĩ đến đức hạnh của nó. Đó là một khuyết điểm lớn của người làm cha mẹ. Trên đời nhiều người làm những tội ác tày trời đâu phải là những người dốt, bất tài. Chẳng hạn như những thủ lĩnh của những đảng cướp lừng danh thế giới đâu phải là kẻ ngu, kẻ bất tài. Người càng tài giỏi mà không đạo đức là càng họa to cho xã hội, cho nên có tài thì cần phải có đức. Tài thì nhà trường đào tạo, đức không phải tự nó có mà do cha mẹ kết hợp nhà trường hướng dẫn giáo dục. Được như thế nó mới có thể giữ gìn được sự nghiệp của mình và làm lợi ích cho nhân quần xã hội.

Như chúng ta đã biết gốc của chánh báo là tâm. Gần đây, quý Phật tử nghe nói pháp tu Tịnh độ quá đơn giản, là gần lâm chung niệm Phật từ bảy câu đến mười câu, cũng được Phật rước về cõi Cực lạc. Điều này cần phải nghiệm lại cho kỹ. Kinh A Di Đà Phật dạy: niệm Phật cho đến nhất tâm bất loạn ít nhất là một

ngày, hoặc hai ngày... cho đến bảy ngày. Nhất tâm bất loạn tức là định, mà định là tâm thanh tịnh, mà tâm thanh tịnh thì sanh về cõi Phật tịnh. Phật dạy thật rõ ràng. Vậy mà tay chúng ta lần chuỗi, miệng niệm Phật, tâm thì nghĩ nhớ vô số chuyện. Như vậy tâm quá loạn thì sao về cõi tịnh được ? Nếu Phật vì lòng từ bi có rước về cõi Phật, chúng ta cũng không ở được, vì tâm chúng ta quá ô nhiễm, tham sân si còn đầy đầy làm sao tương ứng được với cõi tịnh mà ở, rốt cuộc rồi cũng phải trở lại cõi Ta bà uế trược này. Vì chánh báo nào y báo nấy. Chuyện thế gian gần nhất là nhiều người đi nước ngoài, trong số đó cũng có một số người chịu sống ở nước ngoài, nhưng cũng có một số người muốn trở về Việt Nam. Trong khi đi họ nghĩ rằng ra nước ngoài sẽ sung sướng hơn. Nhưng khi đến nước ngoài vì văn hóa kém, ngôn ngữ của người không nói được, phong tục tập quán của người mình không khế hợp được... nên cảm thấy lạc loài, muốn trở về Việt nam. Người niệm Phật mà tâm không thanh tịnh, còn loạn động bởi tham sân si mà muốn về cõi Cực lạc cũng na ná như vậy.

Người tu Thiên cũng vậy, chúng ta đừng mong mau chứng Niết bàn, mà phải tu làm sao cho hết vọng tưởng phiền não. vọng tưởng phiền não hết thì Niết bàn hiện tiền. trái lại, tu mà mong mau chứng đắc Niết bàn, sẽ bị ma quấy nhiễu rồi dẫn vào đường tà. Niết bàn là gì ? Niết bàn là tâm thanh tịnh; nếu vọng tưởng phiền não hết thì tâm thanh tịnh là Niết bàn, không cần mong cầu tìm kiếm. Đó là một lẽ thực, đừng mong ước Niết bàn trong khi tâm mình còn đầy đầy vọng tưởng phiền não, thì không bao giờ được Niết bàn như ý muốn.

Vậy, chủ yếu của sự tu hành là ở tâm. Tâm được thanh tịnh là do tu thiên định, gạn lọc tham sân si phiền não hết sạch, rồi trải lòng thương giúp đỡ người, làm cho mọi người được an vui lợi ích. Mình vui, người vui thì đâu có chán nản móng tâm đi đây đi kia ! Vì tâm mình ích kỷ đố kỵ ganh ghét, thấy ai cũng xấu xa tội tệ nên chán, tự cô lập mình thành một cái ốc đảo cô đơn lạc loài. Nếu ở chỗ này với tâm ích kỷ phiền não thấy mình lạc loài, tới chỗ khác cũng sẽ bị lạc loài. Tu là hiện tại phải chuyển tâm, tâm chuyển thì cảnh chuyển. Chớ trách cảnh, trách người xấu, mà hãy tự trách mình còn nhiều thói hư tật xấu, nên y báo xấu nó theo mình. Vì vậy, tự mình phải lo tu sửa cho tâm được tốt, cho tâm được thanh tịnh.

Chúng ta hiểu rõ lý chánh báo, y báo rồi, thì phải ứng dụng trong đời tu, trong khi làm Phật sự, trong cuộc sống gia đình, giáo dục con cái cho đúng, thì sẽ được lợi ích rất lớn, không riêng cho bản thân mình mà còn lợi ích cho tất cả mọi người chung quanh.



HẠNH NHẬN NHỤC

Nói đến nhẫn nhục thì đa số người đều có quan niệm rằng: nhẫn là phải nhục. Nhưng, kỳ thật nhẫn có phải là nhục không? Nhẫn nhục là chữ Hán, dịch theo tiếng Việt là nhịn chịu, chứ không phải nhẫn là nhục. Nếu nhẫn là nhục thì Phật bị nhục nhiều lắm, vì Ngài nhẫn hoài. Song, Ngài là bậc trí tuệ và từ bi, có đủ mọi công đức cao cả, người đời tán dương công hạnh ấy, nên gọi Ngài là Đấng Đại Hùng Đại Lực, vậy thì nhục ở chỗ nào?

Tại sao chúng ta phải tu hạnh nhẫn nhục? Phật nói cõi Ta bà là cõi khổ, chúng sanh sanh trong cõi Ta bà phải có sức chịu đựng. Ta bà còn có nghĩa là kham nhẫn; kham là có thể chịu được, nhẫn là nhận chịu. Nổi khổ ở cõi Ta bà chúng sanh có thể chịu nổi, chứ không phải không chịu được. Chúng ta kiểm điểm lại, từ khi khôn lớn cho tới ngày nay, những điều xảy ra trong cuộc đời này có bao nhiêu điều như ý và bao nhiêu điều bất như ý đối với chúng ta? Có đến 70% điều bất như ý, còn lại chừng 30% điều như ý. Điều mình không bằng lòng mà nó cứ đến hoài, làm sao vui được? Điều mình muốn mà nó ít đến nên cuộc đời khổ nhiều vui ít. Khổ nhiều mà chịu nổi là nhờ có sức kham nhẫn. Có kham nhẫn mới sống được trong cõi Ta bà này. Song, nhẫn ở đây không phải chỉ nhận chịu sự mắng chửi, đối xử tệ bạc của người đời, mà nhẫn ở đây là nhịn chịu mọi trường hợp.

Trường hợp thứ nhất là nhịn chịu sự đòi hỏi quá đáng ở nội tâm mình, đó là tham dục. Tham dục có nhiều thứ là tham tiền của, tham sắc đẹp, tham danh vọng, tham ăn ngon, tham ngủ kỹ. Nếu thỏa mãn những thứ tham đó thì con người nên hay hư. Chắc chắn là hư, thế nên phải nhịn bớt. Muốn mười chỉ thỏa mãn năm ba thôi, nếu đòi thỏa mãn trọn vẹn thì không thể nào ổn được. Chẳng hạn như tham ngủ, đối với một thanh niên trung bình ngủ bảy tiếng đồng hồ là đủ, vừa có thì giờ làm việc hoạt động cho cơ thể khỏe mạnh, vừa có thì giờ học hành cho tinh thần sáng suốt minh mẫn, nếu ngủ một ngày mười hoặc mười hai tiếng đồng hồ thì thân thể béo phệ nặng nề, tinh thần uể oải mê mệt sống một đời bê tha gàn dở. Vì vậy mà phải hạn chế sự ngủ nghỉ cho có chừng mực. Khi hạn chế không cho ngủ như ý thích là đã bắt mình phải nhịn chịu để giảm bớt lòng tham ngủ. Rồi đến tham tài, tham sắc, tham danh, tham lợi, đều phải hạn chế, không cho thỏa mãn đúng mức. Như vậy, đối với ngũ dục trong thế gian này, chúng ta luôn luôn phải có sức kham nhẫn để hạn chế nhịn chịu lòng tham của mình. Tiết chế đó là tu nhẫn nhục.

Thứ nữa, bản thân chúng ta khi gặp cảnh bức ngặt như muỗi mòng, nóng lạnh, đói rét... xảy ra bất thường, chúng ta cũng phải nhận chịu tất cả. Ví dụ đang tụng kinh muỗi cứ bay vo ve cắn trên đầu trên mặt đau nhói, nếu đưa tay lên đập muỗi thì loạn động mất trang nghiêm, nên phải đứng yên. Bị muỗi cắn đau nhức mà phải đứng yên nhận chịu đó là nhẫn nhịn muỗi mòng. Hoặc khi đang ngồi thiền bỗng có cảm giác con gì bò nhột trên mặt, rồi bò lên cổ rồi chui vô lỗ tai... nhột nhột khó chịu. Nếu xả thiền ra xoa chà thì xao động, bất an và rồi cứ xoa chà hoài, vì hết chỗ này lan qua chỗ khác. Nên phải nhịn chịu không xoa chà, ngồi yên. Đó

là nhẫn nhịn sự phiền toái bức bách trên thân. Hoặc đang khi nắng nóng mà phải làm việc ngoài trời, mồ hôi ra nhễ nhại, vẫn vui với việc làm không bức bối, không than rên, không bỏ dỡ công việc, đó là nhẫn chịu sự nóng bức. Để thấy, nhẫn không phải chỉ nhẫn nhịn khi bị người chửi mắng lán hiếp, mà chúng ta còn phải nhẫn nhịn với bản thân mình: lòng tham quá trớn cũng phải hạn chế, nóng giận quá đáng cũng phải điều phục, thân nhọc nhằn nóng bức, đói rét cũng phải kham chịu. Đó là nhẫn ở tâm mình và nhẫn ở thân mình.

Thế thường, người đời quan niệm nhẫn là khi người ta nói làm trái tai gai mắt, mình phải trôn mình, mím môi để nhịn. Nhẫn theo cách này thì có giới hạn, nhẫn lần thứ nhất, rồi lần thứ hai, đến lần thứ ba thì không chịu nổi. Nên có nhiều người hay nói: “Tôi nhịn đó nghe, tôi nhịn một lần, hai lần rồi, lần thứ ba tôi không nhịn được nữa đó !” Do vì trôn mình mím môi để nhịn nên có giới hạn. Phật dạy chúng ta nhẫn không phải gồng mình chịu, mà nhẫn với cái nhìn bằng trí tuệ biết như thật, nên rất nhẹ nhàng êm ái. Tại sao nhẫn nhục mà êm nhẹ như vậy ? Phật dụ người dữ mắng chửi hăm hại người hiền, giống như kẻ ngậm nước bọt ngựa mặt phun trời xanh. Nước bọt không tới trời mà rơi lại trên mặt người phun. Ở trên, trời vẫn xanh không có chút bọt như nước bọt, cũng như người hiền không thọ pháp ác nên vẫn an vui không khổ. Phật lại còn nói: “Người dữ muốn hại người hiền giống như người đứng ngược gió ném bụi”. Người đứng dưới gió hốt bụi ném, gió đưa bụi lại phủ trên đầu trên mặt người ném. Người bị ném thì bụi không bay tới, nên không sợ không dính bụi. Như vậy người hiền bị người dữ hại vẫn bình thản không buồn, vì thấy việc làm ác của họ không có tác động đến mình, chỉ gây hậu quả không tốt cho họ mà thôi, nên không buồn. Song, người đời thì không như vậy, nghe ai ở xa xa nói đến tên mình, là đã nổi tức lên giành cái khổ về mình rồi.

Đó là không biết tu nhẫn nhục. Nếu nghĩ kẻ kia mắng chửi muốn hại mình, cũng giống như họ đang ngựa mặt trên trời xanh mà phun nước bọt thì lúc đó giận hay là thương họ ? thấy họ ngu khờ tội nghiệp, làm sao giận được ? Nhẫn như vậy đâu có bậm môi trôn mình gồng gượng chịu, mà quá nhẹ nhàng ! Nhẫn được như vậy là nhờ trí tuệ thấy được lẽ thật.

Tôi nói thế, quý vị sẽ nghĩ Phật dạy những trường hợp bị phỉ báng, bị mạ nhục, bị ép bức... thì chúng sanh phải nhẫn. Còn Phật là bậc mà ai cũng tôn kính đâu dám xúc chạm đến Ngài, nên Ngài đâu có nhẫn. Phật dạy phàm phu chúng ta nhẫn, Ngài có nhẫn không ? Phật nhẫn nhiều hơn chúng ta. Phật thành đạo đi giáo hóa, có rất nhiều người tin và theo Ngài, nhất là đệ tử của ngoại đạo. Một hôm Phật đi khát thực trong làng Bà-la-môn, thầy Bà-la-môn tại địa phương đi theo sau kêu tên Phật chửi, vì đệ tử ông đã theo Phật, Phật chậm rãi đi trước, ông cứ đi theo sau chửi hoài. Phật cứ vẫn làm thinh đi không nói gì hết. Ông tức quá, chạy tới trước đón đường Phật hỏi:

Cù-đàm, ông có điếc không, tại sao tôi chửi mà ông không trả lời ?

Phật đáp bằng câu hỏi:

- Giả sử nhà ông có giỗ, ông mời khách đến dự. Tiệc xong khách ra về, ông đem quà bánh tặng khách, khách không nhận, thì quà bánh đó về ai ?

- Tôi tặng mà họ không nhận thì về tôi chớ về ai !

- Cũng vậy, ông chửi ta, ta không nhận thì có dính gì với ta đâu !

Chúng ta thấy, mắng thì mắng, chửi thì chửi, Phật nghe mà không nhận thì có dính gì với Ngài, nên Ngài bình thản như không có gì. Còn chúng ta thì dễ dính, người ở đằng xa xì xầm có tên mình là theo dõi lắng nghe, để rồi sanh chuyện với họ; động tới là dính, nhạy lắm ! Phật không gồng mình mím môi nhẫn như chúng ta, Ngài dùng trí tuệ biết người đó đang si mê nên nóng nảy nói bậy, đáng thương, họ nói một lúc rồi sẽ nghĩ. Đâu phải Phật không gặp người đời làm phiền nhiễu, mắng chửi Ngài, nhưng Ngài không động vẫn an nhiên bình thản. Chúng ta ngày nay tu, giả sử có ai nói: “Ông đó tu hú chớ tu cái gì !”. Thì đã nổi giận rồi. Nếu thật tu thì chúng ta không nổi giận, mà đã nổi giận, đó là tu hú chớ còn gì nữa. Chính vì muốn cải chánh, mình là người tu đàng hoàng nó đã tố cáo mình không khéo tu rồi. Người khéo tu sẽ nghĩ rằng: Ông muốn nói gì thì nói, việc ông làm ông biết, việc tôi làm tôi biết, khỏi phải cải chánh làm gì. Song, cái bệnh chung của con người là ưa thọ nhận, nên động tới mình là nhận liền để rồi dính mắc, sanh bao nhiêu thứ phiền não trần lao.

Người tu Phật, không phải chỉ có người mới tu bị khảo đảo, người này theo phá, người kia theo chọc, mà các vị tu càng cao khảo đảo càng lắm; mới tu thì khảo đảo ít, tu lâu khảo đảo nhiều. Tại sao vậy ? Người tu giống như đứa học trò đi học vậy; học lớp 5 thì bài học bài thi dễ, học lớp 10 thì bài học và bài thi phải khó. Tới lớp 12 thì bài học và bài thi càng khó hơn nữa; học càng cao chừng nào thì bài học và bài thi càng khó chừng nấy. Đừng tưởng rằng tu cao rồi mọi việc xảy ra đều như ý hết. Tu mà muốn mọi việc đều như ý thì đâu có tu. Nói như vậy, nghe hơi lạ ! Tu là chuyển cái dở thành cái hay, chuyển tật xấu thành tánh tốt, nếu mọi việc đều như ý hết thì đâu có gì chuyển đổi, không chuyển đổi tức là không tu. Thế nên chúng tu, lâu lâu có người đến chửi, coi có còn giận không. Nếu còn giận thì tự thấy mình còn dở, phải nỗ lực tu hơn nữa để điều phục bệnh sân giận của mình. còn nếu ai gặp mình cũng xá cũng trọng hết thì đâu có gì để sửa, không sửa tức là không tu. Như vậy chúng ta tu mà có cơ hội thử thách thì sức tu của mình mới mạnh. Cho nên nói đến tu là nói đến nhẫn nhục. Người tu mà không nhẫn nhục thì không có tu. Thí dụ tu mà ai động tới là chửi, người ta chửi mình một câu, mình chửi lại mười câu, không để thua một lời thì đâu có tu. Tu là phải có sức chịu đựng, kham nhẫn để chuyển hóa mình và chuyển hóa người.

Một lần khác, Phật cũng đi giáo hóa ở một làng Bà-la-môn nọ, số người Bà-la-môn theo Phật rất đông. Thấy bà-la-môn làng này tức giận lắm. Nhân lúc Phật đi khất thực, ông đi theo sau Phật chửi, Phật thong thả đi, ông cứ đi theo sau chửi hoài. Đến ngã tư đường Phật lấy tọa cụ trải trên đất ngồi kiết già, thầy Bà-la-môn chạy lại trước Phật hỏi:

Cù-đàm, ông thua tôi chưa ?

Phật bèn nói kệ:

Người hơn thì thêm oán

Kẻ thua ngủ chẳng yên

Hơn thua hai đều xả

Ấy được an ổn ngủ.

Phật dạy người tranh giành để phần mình được hơn, thì bị kẻ thua oán hận âm mưu ám hại, sẽ khổ. Còn người cảm thấy mình bị lấn hiếp, bị thua phải rảng nhịn nhục, cho qua hồi nhiều nhường thì lòng tức tối, bất an không ăn ngủ được, cũng khổ. Cho nên cả hai ý niệm hơn thua đều phải buông xả hết thì tâm thần mới được an ổn thoải mái mà ngủ nghỉ. Chúng ta thấy người giành hơn và kẻ thấy mình thua, cả hai đều chuốc khổ. Thế nên phải sáng suốt nhìn cho thấu cái lý thật của mọi sự việc đến hay đi, mà buông xả bỏ qua không buồn không giận. Thế thường người không làm ác làm quấy, mà bị kẻ xấu miêng cho là ác là quấy thì buồn giận. Và rồi kẻ làm ác làm quấy bị chê là ác là quấy cũng giận, đó là những người không biết tu. Đối với người biết tu, lỡ bất giác làm điều ác quấy bị chê là ác quấy, liền tự tỉnh, nhận lỗi và cảm ơn thì mọi chuyện êm xuôi tốt đẹp. Còn nếu không làm ác quấy mà bị chê là ác quấy thì người nói ác quấy đó là kẻ không sáng suốt, đầu óc loạn động bất thường, thấy không đúng lẽ thật. Đối với người không tỉnh, bất thường (điên đảo), có nên đi cự lộn với họ không? Nếu chúng ta cự lộn với họ thì chúng ta cũng là kẻ si mê bất thường như họ. Cả hai trường hợp nếu nhận đúng lẽ thật thì không buồn giận. Trường hợp nếu mình là người tốt mà bị chê là ác quấy, mình biết mình rõ hơn người biết mình, nên bình thản cười thôi. Như vậy mình mới còn là người tốt, nếu lúc đó nổi nóng nói bậy thì thái độ của mình chứng minh mình là kẻ xấu ác rồi. Lâu nay chúng ta xử kỷ tiếp vật đúng hay sai? Đa số là sai. Nghĩa là mình thấy mình tốt, ai nói mình xấu, nổi giận liền. Mà đã nổi giận thì xấu chớ tốt sao được? Chỉ có người bị chê mà vẫn tươi tỉnh vui vẻ, ai nói sao cũng cười thì người đó mới trọn vẹn tốt. Đó là nhẫn nhục không có nghĩa gồng mình chịu đựng, mà dùng trí thấy đúng lẽ thật. Khi thấy đúng lẽ thật rồi, chúng ta mới có khả năng kham nhẫn được mọi trường hợp bất như ý xảy ra. vậy tất cả người tu muốn cho tiến bộ, có kết quả tốt là phải có đức nhẫn nhục.

Sau đây tôi nói về hạnh Quán Âm qua ý nghĩa biểu trưng của tượng Quán Thế Âm Bồ Tát. Tượng Bồ Tát Quán Thế Âm chúng ta thấy có lăm tượng, ở đây tôi chỉ nói ý nghĩa pho tượng phổ thông là Quán Âm Thanh Tịnh Bình Thù Dương Liễu. Tượng hình người nữ đứng trên hoa sen, tay mặt cầm cành dương liễu, tay trái cầm bình thanh tịnh, trong bình đựng nước cam lồ. Quý Phật tử đi chùa tụng kinh Phổ Môn hằng lạy theo mười hai câu nguyện, trong đó có câu: “Nam mô thanh tịnh bình thù dương liễu, Quán Âm Như Lai cam lồ sái tâm nguyện”. Câu nguyện này diễn tả đúng hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm.

Tại sao tượng Bồ Tát Quán Thế Âm lại là người nữ? Theo kinh Di Đà nói: Người sanh về cõi Cực lạc tuy chưa chứng quả Thánh, vẫn không có tướng nam tướng nữ. Kinh A-hàm nói: Người nữ có năm chướng không thể thành Phật. Thế sao Bồ Tát Quán Thế Âm lại hiện thân người nữ?

Bồ Tát quán Thế Âm hiện thân của đức từ bi. Muốn nói lên tình thương chân thành tha thiết nhất trong con người, không tình thương nào qua tình thương mẹ thương con, vừa thâm thúy vừa bao la khó có thể hình dung đo lường được. Cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm hiện thân là một người mẹ hiền của nhân loại, hay của tất cả chúng sanh. Người mẹ đầu bần công ăn việc làm gì, một khi nghe tiếng

con kêu khóc, mẹ buông bỏ tất cả vôi vàng chạy lại vỗ về con. Ngài Quán Thế Âm cũng thế, dù bận việc giáo hóa ở đâu, một khi nghe tiếng kêu than của chúng sanh Ngài liền hiện thân đến an ủi. Vì thế gọi Ngài là Bồ Tát Quán Thế Âm, mẹ hiền của tất cả chúng sanh. Lúc nào cũng lắng nghe tiếng nấc nở từ cõi lòng của đàn con đại đang đắm chìm trong bể khổ mênh mông, để đến xoa dịu cứu thoát, khiến mọi khổ não đều được tiêu tan.

Tay mặt Ngài cầm cành dương liễu là tượng trưng cho đức nhẫn nhục. Tay trái cầm bình thanh tịnh đựng nước cam lồ là tượng trưng cho tâm từ bi. Chỉ có cành dương liễu mới có khả năng mang nước cam lồ rưới mát chúng sanh.

Dương liễu là loại cây vừa dẻo vừa mềm, gặp gió mạnh thì uốn mình theo chiều gió, gió dừng là trở về vị trí cũ. Nếu cứng như cành cây lim, cây gỗ thì gió không thể lay, một khi bị gió lay là phải gãy. Nếu yếu như cành liễu thì chỉ buông rủ theo chiều gió. Cứng quá, mềm quá đều không có sức chịu đựng lâu dài. Cành dương liễu nhờ sức mềm dẻo nên khéo tùy duyên mà không mất vị trí. Tức là tuy chiều theo cảnh mà không bị cảnh chi phối. Vì thế, cành dương liễu được tượng trưng cho đức nhẫn nhục. Nhẫn nhục không có nghĩa ai làm sao cũng được, ai bảo gì cũng nghe. Chính bản chất của nó là khéo tùy thuận người, để hướng dẫn họ theo đường lối hay lập trường của mình. Tùy thuận mà không bị người chi phối, ngược lại chi phối được người. Người nhẫn nhục mới trông qua thấy rất yếu hèn, kỳ thật họ có sức mạnh phi thường, đã tự chiến thắng được tình cảm và phản ứng của bản năng. Họ đã vượt ra ngoài phạm trù con người phàm tục, nếu lấy con mắt phàm tục nhìn họ thì không thể nào hiểu nổi. Người chửi ta giận, người đánh ta đỡ, đó là bản năng tự vệ của tất cả mọi người. Bị chửi mà không giận, bị đánh mà không đỡ, ấy mới là việc khó làm, phi bậc Thánh giả đâu thể làm được. hằng ngày chúng ta sống theo tình cảm, theo bản năng, thấy những phản ứng như vậy cho là phải lẽ, hợp lý. nếu thấy người bị chửi mà không giận, chúng ta đâm ra bực tức, khi dễ họ, cho là kẻ hèn yếu nhác nhúa. Đâu ngờ, những kẻ ấy đã đứng trên đỉnh chúng ta, mà chúng ta ở dưới vẫn tự cao tự đại.

Nước cam lồ là thứ nước rất trong, mát và thơm ngọt, do hứng ngoài sương mà được. Chữ cam là ngọt, chữ lồ đọc trại chữ lộ, tức là sương hay móc. Khi người ta bị nóng bức khô khan, nếu được một giọt nước cam lồ vào cổ sẽ thấy ngọt ngào mát rượi. Nước cam lồ tượng trưng cho lòng từ bi của Bồ-tát. Khi chúng sanh bị lửa phiền não thiêu đốt, thiết tha cầu cứu nơi Bồ-tát. Ngài sẽ mang nước từ bi đến dập tắt và đem lại cho người sự mát mẻ an lành. Chúng ta đang sống trong nhà lửa tam giới, ngọn lửa phiền não của chúng ta đang cháy rần rần, nếu không có giọt nước từ bi của Bồ-tát, chắc hẳn tất cả chúng ta đều phải chết thiêu trong lò phiền não.

Từ bi là lòng thương không vụ lợi, không phân biệt thân sơ, không thấy có quý tiện, lòng thương chân thật bình đẳng. Sự quý báu cao cả của nó, chỉ có nước cam lồ mới đủ tính cách tượng trưng. Nước cam lồ chẳng những cứu người qua cơn khát cháy cổ, mà còn đem lại cho người mùi thơm ngon ngọt dịu. Từ bi chẳng những cứu người trong cơn nguy khốn mà còn đem lại cho người nguồn an lạc vô

biên. Bởi tính chất quý báu vô thượng của nước cam lồ như vậy, nên phải đựng nó trong cái bình thanh tịnh. Vì của quý bao giờ cũng được đựng trong món đồ quý.

Bình thanh tịnh là tượng trưng cho ba nghiệp trong sạch. Chúng ta ôm ấp lòng từ bi muốn ra cứu độ chúng sanh, nếu thân khẩu ý chưa trong sạch thì khó mong thực hiện lòng từ bi. Nếu cố gắng thực hiện, một thời gian cũng lạc về danh hay lợi. Ví như người có khoa y được sẵn sàng chữa trị bệnh khổ cho người, khi những con bệnh được lành, đương nhiên có sự đền đáp hay khen ngợi trên báo chí, nếu người ấy ý chưa trong sạch dễ móng lòng danh lợi. Do đó, dần dần làm hoen ố lòng từ bi. Cho nên, muốn thực hiện lòng từ bi, điều kiện tiên quyết là ba nghiệp phải thanh tịnh.

Muốn mang nước cam lồ ra rưới mát chúng sanh phải dùng cành dương liễu làm phương tiện. Bởi vì chúng sanh trong đời này nghiệp chướng quá sâu dày ít khi thấy lẽ phải. Họ chỉ sống theo bản ngã, sống vì dục vọng của họ, khó ai làm cho họ hải lòng. Dù người ấy sẵn sàng tiếp giúp họ trong khi khốn đốn, mà họ vẫn không biết ơn, đôi khi còn phản bội. Người sẵn lòng từ bi ra tế độ chúng sanh, nếu thiếu nhẫn nhục thì sự tế độ khó được viên mãn. Không phải ai ai cũng sẵn sàng đưa tay cho ta diu ra khỏi đường nguy hiểm hết đâu, dù họ là những kẻ mù. Có kẻ tin đưa tay cho ta diu đi, song giữa đường vấp phải những hòn đá nhỏ, hay chạm phải những gốc cây, là họ sừng sộ với ta. Có kẻ diu đi được một đoạn, họ cho là nhọc nhằn khổ sở, không muốn đi nữa, rồi kiếm chuyện làm khó dễ ta. Có kẻ không ưng đưa tay cho ta diu, lại còn mắng nhiếc ta thậm tệ. Ở những trường hợp đó, dù ta có thiện chí muốn cứu giúp họ thế mấy, nếu thiếu đức nhẫn nhục, thử hỏi ta có thể làm được việc gì ? Bởi thế người học đạo từ bi, trước phải tập đức nhẫn nhục, khi nhẫn nhục được thuần rồi mới ra thực hiện từ bi. Chưa tập được đức nhẫn nhục đã vội ra thực hành hạnh từ bi, chẳng những không làm được hạnh từ bi, mà lại phát sanh sân hận là khác. Cho nên phải có cành dương liễu rồi, sau mới nhúng nước cam lồ rưới mát chúng sanh.

Sau đây tôi nhắc câu chuyện cổ tích có liên quan đến đức Quán Thế Âm để sáng tỏ thêm ý nghĩa nhẫn nhục. Câu chuyện rất được nhiều người biết đến là Quán Âm Thị Kính. Thị Kính là người đàn bà có chồng, một hôm chồng đang ngủ, nàng thấy có sợi râu mọc ngược nên lấy kéo cắt bỏ. Chẳng may bị chồng và gia đình chồng hiểu lầm cho nàng có ý ám sát chồng, nên nàng bị trả về cha mẹ đẻ. Lễ giáo ngày xưa rất nghiêm khắc, người con gái ở trong gia đình đàng hoàng khi có chồng, mà bị đuổi về là một sự nhục nhã lớn cho gia đình. Thị Kính đang kham chịu cái nhục này. nếu là hạng nữ thường tình không chịu nhục nổi thì hủy mình tự tử. Thị Kính không làm việc đó, giả trai vô chùa tu, đó là bước nhẫn nhục thứ nhất.

Vốn dĩ người có nhiều vẻ đẹp nên khi xuất gia ở chùa. Thị Kính bị các cô đề ý. Thị Mầu là một trong những cô ấy, nàng lại là đứa con gái không đoan chính thiếu đạo đức. Nàng thương Thị Kính, không được Thị Kính đáp lại nên sanh lòng oán hận, bèn lang chạ với kẻ thất phu có thai, rồi cáo gian cho Thị Kính là tác giả của bào thai. Thị Kính bị trị tội đánh đập. Khi bị hành hình nhục nhã tại sao Thị Kính không minh oan rằng: Tôi là người nữ giả trai đi tu, mà cứ làm thình

chịu ? Bây giờ không có chùa Ni mà chỉ có chùa Tăng, nên Thị Kính phải giả trai để được ở chùa. Nếu khai mình là người nữ thì được tha tội, nhưng về chùa thì không được chấp nhận cho ở tu chung với tăng. Trường hợp thứ hai Thị Kính nhận nhục để được tu, dù với giá nào cũng phải chịu. Trước Thị Kính cam chịu nhục nhã ở đời để đi tu. Bây giờ cam chịu mọi hình phạt đau đớn nhục nhã, chờ thả ra để được về chùa, vì sự tu mà nhận như vậy. Hai cái nhẫn này dễ làm hay khó ? Nếu là chúng ta chắc không chịu nổi.

Nhưng tới lần thứ ba thì tuyệt đỉnh. sau khi bị đánh đập, tai tiếng không tốt, Thị Kính đã bị nhà chùa nghi không cho ở trong chùa mà cho ở ngoài hiên. Bây giờ Thị Mầu sanh con đem bỏ trước hiên chùa. Nếu không quan hệ máu mủ tình cảm, thì đứa bé khóc mặc nó, nó có ra sao cũng mặc nó, nào có liên hệ gì với mình ! Thế mà khi thấy đứa bé vô tội bị bỏ hoang khóc oe oe Thị Kính liền ôm vào nuôi dưỡng. Bây giờ muốn trắng án chỉ cần không nhận không nhìn đứa bé là được giải oan rồi. Song, thấy đứa bé bị bỏ hoang, nóng ruột ôm nuôi, như vậy ai tin Thị Kính trong sạch ? Chính Hòa Thượng cũng đâm ra nghi ngờ. Tại sao Thị Kính làm như thế ? Vì lòng từ bi ! Thà cứu một mạng sống mà mình bị khổ, hơn là ngồi yên để mặc cho người đau khổ. Nuôi đứa bé không dễ dàng. Đã bị dư luận không tốt, lại còn không phương tiện nuôi dưỡng - không tiền, không sữa, không thức ăn... phải vào xóm làng đi xin. Đi tới đâu cũng bị khinh thường phỉ báng. Thế mà Thị Kính mặc nhiên ai chửi thì chửi, ai khinh thì khinh, việc nên làm vẫn cứ làm, ngày ngày vẫn đi xin sữa để nuôi trẻ, mấy năm trời đứa bé mới lớn. Nhận như thế là tốt độ rồi. Chúng ta bị mắng một câu đã ngủ không được, còn thị Kính ngày nào cũng bị miệt khinh, cũng bị chửi mắng mà vẫn cứ an nhiên làm. Công đức ấy cỡ nào, lòng từ bi bao lớn, đức nhẫn nhục có thiếu không ? Do đức nhẫn nhục cao tuyệt nên lòng từ bi mới viên mãn. Nhẫn nhục và từ bi viên mãn thì quả Phật hiện kê. Thực hiện lòng từ bi là phải cam chịu cái khổ, cái xấu cái nhục... mà không sồn lòng nản chí, biết điều đó là thiện cứu giúp cho chúng sanh hết khổ thì cứ làm, mặc người đời không biết cứ khen chê mắng chửi. Được như vậy thì công hạnh mới viên mãn, đạo quả mới thành tựu. Chúng ta thấy Thị Kính từ cái nhẫn nhục ban sơ, là thay vì khổ nhục quyên sinh thì trốn đi tu. Lần thứ hai, thay vì mình oan để được trắng án thì chịu nhục, chịu đòn để được tu. Lần thứ ba không vì danh dự, không vì sống cho mình mà sống vì người khác, cứu mạng chúng sanh. Khi hạnh nhẫn nhục và lòng từ bi viên mãn thì đạo quả thành tựu. Bây giờ Thị Kính được tôn xưng là Bồ Tát Quán Thế Âm.

Qua câu chuyện Quán Âm Thị Kính, chúng ta thấy việc tu hành rất cụ thể, muốn thể hiện lòng từ bi là phải thực hiện trọn vẹn hạnh nhẫn nhục. Nếu thiếu nhẫn nhục thì lòng từ bi khó viên mãn và đạo quả cũng khó thành tựu. Chúng ta tu muốn thành Phật, muốn thể hiện lòng từ bi mà không chịu nhẫn nhục, như thế là ăn gian, không thật tu. Người thật tu thì phải tu nhân như thế mới được quả như thế, chớ tu nhân này mà đòi quả khác là không được. Chúng ta thấy rất rõ ràng và cụ thể, ai tu hành đến độ cao, muốn viên mãn đạo quả đều phải kham nhẫn mọi sự khó khổ, đắng cay không sồn lòng nản chí, thì lòng từ bi mới thể hiện tròn đủ, đạo quả mới viên thành.

Vậy, tất cả người phát tâm tu đều phải học hạnh nhẫn nhục. Có nhẫn nhục chúng ta mới thành người Phật tử chân chính. Nếu không nhẫn nhục, người ta nói một câu nặng một, đáp lại một câu nặng gấp hai, như vậy không phải là người tu. Đáp lại bằng đã không có tu rồi, huống nữa là hơn. Vì vậy tu là phải nhẫn. Nhẫn không có nghĩa gồng mình chịu, mà dùng trí tuệ thấy đúng lẽ thật, buông xả mọi hơn thua phải quấy với người, không cố chấp phiền hận. Người chửi mình, mình không nhận, đó là xả bỏ. Nếu bị chửi một câu mà nhớ hoài không quên, rồi sanh sân si phiền não thù hận tự mình chuốc khổ và làm người khác khổ lây, đó là không nhẫn, không tu. Vậy tất cả ai tu cũng đều phải thực hành hạnh nhẫn nhục.



THẦN THÔNG VÀ NGHIỆP LỰC

Đa số Phật tử theo đạo Phật không nhiều thì ít đều có liên tưởng tới những hiện tượng huyền bí đó là thần thông. Vậy thần thông có phải là cái chúng ta nương tựa, để cho chúng ta nương cậy, để cho chúng ta học hỏi luyện tập không?

Khi Phật còn tại thế, tôn giả Mục-kiền-liên sau khi chứng quả A-la-hán, Ngài có đủ lục thông. Song đối với những vị chứng A-la-hán như Ngài, Ngài là người ưu việt hơn cả. Nên Phật nói tôn giả mục-kiền-liên thần thông đệ nhất trong hàng đệ tử lớn của Phật. Vì thần thông siêu việt nên tôn giả có thể dùng thần thông đi từ thế giới này đến thế giới nọ trong chớp mắt, hoặc dùng thần thông hóa hiện tùy ý. Khi ấy, Phật ngự trên một tầng lầu, dưới tầng trệt các Tỳ-kheo nói chuyện ồn ào. Phật bảo tôn giả Mục-kiền-liên làm cho các Tỳ-kheo đó đừng làm ồn nữa. Tôn giả liền duỗi chân ra thì cái nhà xoay tròn, chư Tỳ-kheo hoảng hốt không dám nói chuyện nữa. Với sức thần thông siêu việt như thế, vì lòng hiếu thảo Ngài dùng thiên nhãn thông tìm trong lục đạo coi mẹ sanh ở đâu, Ngài thấy bà đang mang thân nga qui khổ vô cùng. Ngài thương xót mẹ, nên đi khát thực được một bát cơm, liền vận thần thông đem đến dâng cho mẹ. Khi được cơm, tay trái bà bung bát cơm, tay mặt bốc cơm để vào miệng, cơm vừa tới miệng liền hóa thành lửa. Tôn giả Mục-kiền-liên thấy mẹ ăn cơm không được khổ sở vô cùng, tôn giả rơi nước mắt.

Chúng ta đặt lại vấn đề, nếu thần thông của tôn giả Mục-kiền-liên siêu việt thì khi mẹ Ngài ăn cơm, cơm hóa thành lửa. tại sao Ngài không dùng thần thông thổi cho tắt lửa, để mẹ Ngài dùng cơm cho no lòng mà lại đứng khóc? Vậy, quý vị nghĩ sao về thần thông của Ngài và nghiệp ác mà mẹ Ngài gây ra? Để thấy, thần thông không cứu được nghiệp ác của người thân. Nếu tu để có thần thông, mà thần thông không cứu được ai hết thì có thần thông để làm gì? Toàn chúng đệ tử Phật đều tôn xưng Ngài là người thần thông bậc nhất. Vậy mà trước cảnh khổ đau bi đát của mẹ, Ngài không có một phương tiện gì để giải cứu, mà chỉ đứng khóc. Như vậy để thấy thần thông không chỉ phối được nghiệp lực. hai cái khác biệt nhau rõ ràng. Thần thông không đưa người đến sự an lạc vĩnh viễn, mà cũng không giải cứu được ác nghiệp làm cho người đau khổ. Vậy, tu thiết tha mong cầu chúng đắc thần thông, hay tu cốt để đoạn các nghiệp ác, để tránh khỏi khổ đau đang chi phối cả kiếp người? Sau đó tôn giả Mục-kiền-liên trở về thuật lại cảnh khổ của mẹ Ngài và cầu Phật dùng phương tiện để giải cứu. Phật dạy:

- Mẹ ngươi nghiệp ác quá nặng, sức ngươi không thể cứu được. ngươi phải làm lễ Vu lan thiết đãi chư Tăng:

Sơn Lâm thiên định

Thọ hạ kinh hành

Lục thông La-hán.

Nhờ oai lực của các vị này cầu nguyện, thì mẹ ngươi mới thoát được kiếp nga qui.

Khi đó, tôn giả Mục-kiền-liên vâng theo lời Phật dạy sắm sửa trai viên, thỉnh chư Tăng đang thiền định ở núi rừng, đang kinh hành dưới cội cây, là những

bậc đã chứng lục thông A-la-hán cùng trợ lực cầu nguyện thì mẹ Ngài thoát kiếp naga quý. vì lý do tôn giả Mục-kiền-liên không đủ sức cứu mẹ, nên phải nhờ số đông chư Tăng đã chứng A-la-hán trợ lực mới cứu được mẹ Ngài.

Chính sự kiện này mà về sau hàng Phật tử noi theo gương hiếu thảo của tôn giả mục-kiền-liên, là một bậc xuất gia tu hành chứng A-la-hán, không quên ơn cha mẹ, vẫn nhớ và muốn đền đáp. Nên hàng Phật tử mỗi năm sau mùa an cư tứ quý của chúng Tăng, đều làm lễ Vu lan thỉnh chư Tăng cúng dường và cầu siêu cho cha mẹ. Đó là việc làm đạo đức căn bản. Tuy nhiên, chư Tăng Ni hiện thời không phải là những bậc chuyên thiền định, chứng lục thông A-la-hán như Phật đã dạy tôn giả Mục-kiền-liên cung thỉnh cúng dường, cầu nguyện cho mẹ Ngài. Nên sự cầu nguyện của chư Tăng Ni hiện thời không bảo đảm được như ý nguyện của Phật tử. Nhưng tại sao mỗi năm vào rằm tháng bảy, Phật tử tụ hội về chùa làm lễ Vu lan để làm gì ? Điều này Phật tử nên hiểu cho tường tận.

Với tấm lòng hiếu thảo của người Phật tử, mỗi khi nhớ lại gương sáng của đức Mục-kiền-liên, là người đã cắt ái từ thân, xuất gia hành đạo, quên hết chuyện đời mà vẫn không quên ơn sanh dưỡng của cha mẹ, biết mẹ bị quả báo làm naga quý, tìm mọi phương tiện cứu mẹ thoát khổ của kiếp naga quý. Theo gương hiếu thảo của tôn giả Mục-kiền-liên, nên ngày nay Phật tử làm lễ Vu lan để tỏ lòng hiếu thảo nhớ ơn cha mẹ, và mong cứu cha mẹ thoát khỏi cảnh khổ. Đến chùa vì hiếu nghĩa, vì nhớ ơn để cầu nguyện cho cha mẹ, đó là tinh thần từ thiện tốt đẹp. Nhưng nếu tin chắc cha mẹ thoát khổ thì không bảo đảm.

Trong kinh A-hàm, Phật có nói: “Người biết ơn và đền ơn, dù ở xa ta ngàn dặm, cũng như hầu cận bên ta, ngược lại người không biết ơn và không đền ơn dù ở hầu cận bên ta cũng cách xa ta ngàn dặm”. Phật dạy, đạo đức bắt nguồn từ chỗ biết ơn và đền ơn. Người lương thiện là người thọ ơn ai, không bao giờ quên. Những lúc mình nguy khốn được người giúp đỡ, khi người hoạn nạn thì mình sẵn sàng giúp đỡ lại không ngại khó khổ gian lao.

Trong kinh Ưu-bà-tắc giới, Phật có dạy: Trời nắng người đi đường vào bóng cây núp mát, khi ra đi không được bẻ cành cây. Và trên đường đi được bóng cây hai bên đường che mát. Phật cấm không được bẻ lá cây, vì cây có cái ơn che mát cho chúng ta trên đường dài nóng bức. Đối với cái ơn rất nhỏ của loài cây cỏ vô tri, mà Phật còn không cho phép chúng ta quên ơn, huống là cái ơn sanh dưỡng lớn lao của cha mẹ. Nếu ơn sanh dưỡng sâu nặng mà chúng ta quên đi thì những cái ơn khác không dễ gì nhớ được. Ở đời cũng có lắm kẻ được người giúp đỡ qua cơn nguy khốn, sau đó đối với người ơn của họ, họ ngoảnh mặt làm kẻ xa lạ. Cũng như những đứa con ngỗ nghịch không tiếc lời nặng nề, khảo tra tiền của cha mẹ, cha mẹ đến tuổi già yếu, đói no, sướng khổ, họ không buồn nghĩ đến. Người như thế là người không biết ơn và đền ơn, không phải là người lương thiện. Thế nên, người đạo đức chân thật là người biết ơn và nhớ ơn sanh dưỡng của cha mẹ. Dù cho cha mẹ còn hay mất, mỗi mùa Vu lan đến, người con hiếu thảo vì cha mẹ mà làm việc phước thiện, để hướng tâm tưởng thiện đến với cha mẹ, mong cha mẹ được nhẹ nhàng hết khổ. Đó là kẻ biết ơn và đền ơn mà thế gian thường nói:

“Uống nước nhớ nguồn, ăn trái nhớ kẻ trồng cây”. Nhớ ơn cha mẹ là đạo đức căn bản vậy.

Có một lần Phật đi khất thực ở vùng mất mùa, dân trong làng ai cũng nghèo đói. Phật đi từ sáng đến trưa không có người cúng dường, trong bát Phật không có thức ăn. Khi đó có một thầy Tỳ-kheo đem lá y mới của mình đổi được một bát cơm, vội vàng đem dâng lên Phật. Phật hỏi:

Ông còn cha mẹ không ?

Tỳ-kheo trả lời:

Bạch Thế-tôn con còn một bà mẹ.

Phật hỏi:

Mẹ ông sáng nay có cơm ăn chưa ?

Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế-tôn, con đổi một lá y chỉ được một bát cơm, con dâng lên Thế-tôn, mẹ con vẫn chưa có cơm ăn.

Phật dạy:

- Người đáng thọ nhận bát cơm này là mẹ của ông.

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy Phật rất chú trọng đến đức hiếu thảo của con người. Nếu người tu hành không nhớ công ơn cha mẹ thì việc tu hành chỉ là việc làm ích kỷ, không có căn bản đạo đức. Chúng ta tu là vì thương cha mẹ, thương thân bằng quyến thuộc, thương dân tộc, thương nhân loại, nên nỗ lực tu hành để rồi khuyên những người thân, người sơ cố gắng tiến trên đường đạo đức, làm đẹp cho người, làm đẹp cho quê hương xứ sở. Đâu phải vong ơn cha mẹ, quên thân bằng quyến thuộc, phản bội quốc dân mà đi tu. Dù là người xuất gia hay cư sĩ tại gia đều phải lấy công ơn cha mẹ làm gốc để tu hành. Vì vậy, mỗi năm tới mùa báo hiếu. Phật tử quy tựu về chùa, trước là đem lòng thành kính nguyện Tam-bảo gia hộ cho cha mẹ sớm được về cõi Phật. Kế đó, vì cha mẹ mà làm lành, tu thiện, cứu giúp người nghèo khổ và nhắc nhở, khuyến khích hướng dẫn con cháu tiến trên con đường đạo. Đó là nền tảng đạo đức đời đời không quên.

Tăng Ni hiện tại tuy không đủ tư cách như Phật dạy trong kinh Vu lan. Nhưng dù sao đi nữa, một người tu ăn chay, bỏ ác làm thiện, cũng có chút công đức lành góp phần với quý Phật tử, cùng hồi hướng, cùng cầu nguyện cho cha mẹ. Đó là cội nguồn của ngày lễ Vu lan. vì vậy, nếu đã là đệ tử Phật, phải nhớ rằng tu với Phật không bằng tu với cha mẹ. Vì Phật đã giải thoát mọi khổ đau, dù cho chúng ta có đánh lễ, tán thán đến đâu, Ngài vẫn bình thản mặc nhiên. Còn cha mẹ chưa hết phiền não nên mỗi khi con cháu tỏ lòng hiếu thảo, biết nghĩ tưởng đến thì cha mẹ hoan hỷ sung sướng. Thế nên chúng ta thường làm cho cha mẹ vui, chẳng phải chỉ lo lạy Phật, cúng Phật mà quên không lo phụng dưỡng hiếu kính cha mẹ. Người tu như thế thì chưa đúng với tinh thần của đạo Phật. Người Phật tử muốn đền đáp công ơn của cha mẹ, trường hợp thứ nhất khi cha mẹ còn sanh tiền, muốn cho cha mẹ an vui trong hiện đời và an vui trong mai hậu, ngoài việc cung phụng nuôi dưỡng cha mẹ về mặt vật chất, nếu cha mẹ chưa biết đạo, phải tạo duyên tốt khiến cho cha mẹ phát tâm tu hành bỏ ác làm lành. Vì người phát tâm lành làm việc lành, mới khỏi đọa ba đường ác và sanh vào cõi thiện được an vui. Cho cha

mẹ ăn ngon, mặc đẹp, ở sang, tuy là hiếu thảo nhưng hiếu thảo đó chỉ tạm bợ không lâu dài, vì cha mẹ sẽ chết không còn hưởng dụng những thứ đó nữa. tạo duyên lành cho cha mẹ hưởng về đường thiện, thì chẳng những bảo đảm trong đời này ít khổ đau mà đời sau cũng hết đau khổ. Chính việc làm đó mới là cái hiếu chân thật. Vì vậy, quý Phật tử ai được vinh hạnh cha mẹ còn tại tiền, hãy ráng tạo điều kiện giúp cho cha mẹ tu hành, đó là hiếu lớn nhất. Trường hợp thứ hai là khi cha mẹ quá cố rồi, chúng ta không làm gì khác được, nên mới cúng dường, cầu nguyện, hồi hướng phước lành cho cha mẹ được siêu thoát. Đó là việc làm cầu may chớ không bảo đảm kết quả được như ý. Nhiều khi quý Phật tử nghĩ đến người chết mà quên hẳn người sống. Đến rằm tháng bảy cúng kiến cầu nguyện cho ông bà tổ tiên được siêu sanh tịnh độ, mà ông bà cha mẹ tại tiền thì không để ý chăm sóc giúp đỡ để tiến tu. Như thế là không xứng đáng, không đúng với chữ hiếu trong đạo Phật.

Trở lại, thần thông không cứu được khổ không giải được nghiệp. Như chúng ta biết tôn giả Mục-kiền-liên đã từng dùng thần thông qua lại trong không gian từ cõi này đến cõi khác, một cách tự do. Nhưng đối trước quả báo nghiệp ác của mẹ Ngài, Ngài đành bó tay đứng khóc chớ không cứu được, đó là trường hợp thứ nhất. Đến trường hợp thứ hai là chính bản thân Ngài khi trở về già, một hôm đi khát thực qua chân núi, ngoại đạo lăn đá rớt xuống đè Ngài chết. Bình thường có chuyện bất ổn xảy ra là Ngài dùng thần thông bay bổng không ai hại được Ngài. Bấy giờ nghiệp đến, thấy đá lăn từ trên xuống Ngài dùng thần thông bay đi mà bay không được, nên bị đá đè chết. Để thấy, thần thông vẫn bất lực trước quả báo, nghiệp ác của mẹ Ngài, thần thông cũng không giải được nghiệp của chính Ngài khi quả báo đến. Như vậy, luyện tập thần thông để làm gì ? Song, tâm lý chung của Phật tử thì ưa thích thần thông với những tướng lạ thường. Giả sử bây giờ quý vị đang ngồi nghe tôi nói pháp, ngoài kia có người đang vận thần thông bay lên dạo chơi trong hư không, quý vị sẽ cùng đua nhau ra xem họ trình diễn thần thông, chớ không thể ngồi yên mà nghe pháp. Vì bản chất của con người là hiếu kỳ, ưa thích những điều khác lạ, còn những gì bình thường đơn giản thì không ưa chuộng. Tu nếu bảo dùng nghiệp ác của thân, của miệng, của ý, chuyển thành ba nghiệp thiện thì thấy thường và khó làm. Còn nếu nói tôi có thần thông, ai muốn được hết tội, tôi hóa ra nước cam lồ rưới sẽ hết phiền não, thì mọi người ham thích đua nhau xin nước cam lồ để tắm gội hay để uống cho hết tội. Vì người ta vừa hiếu kỳ vừa lười biếng, hễ thấy dễ khỏe là làm. Vì vậy, nên dễ bị gạt và dễ rơi vào mê tín tà giáo.

Thời đức Phật còn tại thế, có bốn người ngoại đạo tu chứng được ngũ thông ! Thiên nhãn thông là thấy tất cả người vật gần hay xa. Thiên nhĩ thông là nghe khắp tất cả âm thanh lớn nhỏ gần xa. Tha tâm thông là biết được ý người khi mới khởi nghĩ chưa nói ra lời. Thần túc thông là biến hóa hình lớn nhỏ tùy ý, thăng thiên độn thổ không ngại. Túc mạng thông là biết được vô số kiếp về trước. Bốn vị này biết mình sắp bị quỷ vô thường đến bắt đi, nên mỗi người tìm cách để trốn thần chết. Vị thứ nhất dùng thần thông bay lên hư không núp trong đám mây xanh. Vị thứ hai vận thần thông lặn xuống đáy biển. Vị thứ ba dùng thần thông

chui vô lòng núi. Vị thứ tư chui trốn ở trong lòng đất. Tất cả bốn vị đều nghĩ rằng chỗ mình trốn, quỷ vô thường không thể tìm được. Nhưng đến giờ thần chết đến thì vị thứ nhất ở trên mây hết thần thông rơi xuống nát thây. Vị thứ hai ở dưới biển hết thần thông ngộp chết nổi lên. Vị thứ ba ở trong lòng núi hết thần thông đá nứt đè chết. Vị thứ tư ở trong lòng đất hết thần thông bị đất sụp chôn thây luôn.

Để thấy, tu chứng được thần thông muốn thoát chết vẫn không thoát được. Tu mà chứng được ngũ thông là đã trải qua quá trình tu tập không phải ngắn và dễ dàng, thế mà muốn thoát chết cũng không thoát được.

Lại một trường hợp nữa: Có một vị tu sĩ đạt đạo, chứng được ngũ thông, thuyết giảng giáo lý rất hay cho đến trời Đế Thích cũng đến nghe giảng xong ra ngoài ngồi bên gốc cây khóc. Vị tu sĩ lấy làm lạ hỏi:

- Tại sao nghe giảng xong ông lại khóc? Tôi giảng có chỗ nào ông không đồng ý?

Đế Thích đáp:

- Không. Ngài giảng rất hay, vì tôi thấy Ngài sắp chết nên tôi thương tôi khóc.

Tu sĩ hỏi:

- Vậy phải làm sao cho khỏi chết?

Đế Thích đáp:

- Nếu Ngài muốn khỏi chết, hãy đến cầu cứu với đức Phật Thích ca.

Tu sĩ hỏi:

- Đức Phật Thích-ca là ai và đang ở đâu?

Đế Thích đáp:

- Ngài là một vị giác ngộ hoàn toàn sạch hết vô minh lậu hoặc, đang ở Tinh xá Trúc Lâm gần thành Vương Xá.

Vị tu sĩ bèn vận thần thông bay đi tìm Phật, đi dọc đường ông nghĩ rằng: Đi cầu Phật dạy nên có lễ vật để cúng dường Ngài. Ông thấy bên đường có những cây ngô đồng đang nở hoa thật đẹp, bèn nhổ và cầm đến cúng Phật. Khi đến Tinh xá Trúc lâm. Thấy Phật đang thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe, ông vào quỳ xuống dâng hai cây ngô đồng lên Phật và thưa:

- Thưa Thế-tôn, con xin cúng dường Ngài hai cây ngô đồng và cầu xin Ngài dạy cho con phương pháp tu để khỏi chết.

Lúc đó Phật không dạy gì hết, chỉ bảo:

Buông!

Tu sĩ buông tay thứ nhất, ngã cây ngô đồng thứ nhất, Phật lại bảo:

Buông!

Tu sĩ buông tay thứ hai, ngã cây ngô đồng thứ hai, Phật nói tiếp:

Buông!

Tu sĩ sửng sốt thưa:

- Hai tay con cầm hai cây ngô đồng, lần thứ nhất Phật bảo buông, con buông cây thứ nhất, lần thứ hai Phật bảo buông, con buông cây thứ hai là hết. Phật bảo buông nữa con không biết buông cái gì?

Phật nói:

- Ta đâu có bảo ông buông hai cây ngô đồng. Lần thứ nhất ta bảo ông buông là đừng chạy theo ngoại cảnh. Lần thứ hai ta bảo ông buông là đừng chấp sáu căn là ngã. Lần thứ ba ta bảo ông buông là không chấp sáu thức là ngã. Nếu ông buông hết ba cái đó thì ông hết chết.

Nghe Phật nói, tu sĩ nhận ra yếu chỉ, tu một thời gian chúng A-la-hán. Hết chết là không còn nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử, chớ không phải thân tứ đại hiện đời không hoại, không chết, phải hiểu rõ chỗ này. Để thấy, dù có tu có luyện thần thông đến đâu, mà chưa buông xả được cảnh, thân và tâm thức thì cũng chưa thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Lại, một đạo sĩ và một thiền sư, hai vị cùng đi chung một con đường. Đạo sĩ hỏi thiền sư:

- Thầy tu lâu chưa ?

- Lâu rồi !

- Thầy chứng thần thông chưa ?

- Tôi tu không có thần thông. Vậy đạo sĩ có thần thông không ?

Có.

Hai vị cùng đi tới một bến đò, đạo sĩ muốn thi thử thần thông cho thiền sư thấy bèn rủ:

Thôi chúng ta đi qua.

Đạo sĩ qua sông mà không đi đò. Thiền sư nói:

- Thôi, đạo sĩ cứ qua đi.

Đạo sĩ liền vén áo đi trên mặt nước qua bên kia bờ. Còn thiền sư thì đến bến đò mua vé, lên đò, qua sông. khi qua bờ bên kia, đạo sĩ gặp lại thiền sư, ra về tự hào, nói:

- Thầy thấy tôi không ?

- Đạo sĩ tập luyện thuật đi trên nước mất bao nhiêu năm ?

- Hết hai mươi năm.

Thiền sư cười, nói:

- Công phu luyện tập hai mươi năm của đạo sĩ đáng giá bằng hai xu tôi qua đò !

Tồn hai xu cũng đi qua sông được mà phải luyện tập hai mươi năm được thần thông cũng để qua sông, thì có giá trị gì ? Thiền tông không trọng thần thông, coi đó chỉ là trò biểu diễn vui chơi, không giải cứu được khổ đau của con người. Thế mà người đời không biết, rất hâm mộ nể phục thần thông.

Trở về nguồn, khi Thái tử Sĩ-đạt-ta tu sắp thành đạo dưới cội cây Bồ-đề, Ma Ba Tuần biết Ngài sắp chứng đạo nên cùng nhau đến phá Ngài. Quân ma có tới mười tám ức, bao vây Ngài dưới cội Bồ-đề. ma bảo:

- Sa-môn mau đứng dậy.

Thái tử lặng thinh không đáp, như thế đến ba lần, Ma hỏi:

- Sa-môn sợ ta chăng ?

Thái tử đáp:

- Ta không kinh sợ.

Ma hỏi:

- Sa-môn thấy bốn chúng binh của ta chẳng ? Ông chỉ một mình, không binh khí, đầu cạo, mặc y bầy thân, lại nói không sợ ?

Thái tử đáp bằng bài kệ:

Giáp nhọn cung tam muội
Tay cầm tên trí tuệ
Phước nghiệp làm binh khí
Nay sẽ phá quân người.

Ma bảo:

- Nếu không nghe theo lời ta, ta sẽ làm cho thân hình ông tan thành tro bụi.

Thái tử nói:

- Ta tự xem xét trên đời, cõi người, ma và thiên ma, nhọn và phi nhọn cùng bốn bộ chúng của người không thể động được một mảy lông của ta.

Ma nói:

- Sa-môn, nay muốn cùng ta chiến chẳng ?

Thái tử đáp:

- Muốn được giao chiến.

Bây giờ Thái tử mặc áo giáp nhọn từ, Ngài dùng cung tam muội, tên trí tuệ và binh khí phước nghiệp để giao chiến với ma quân.

Ngày nay, chúng ta tu một mình ở nơi vắng vẻ có nhiều ma, thì quý thầy dạy nên học thuộc các câu chú, vẽ những lá bùa để trừ tà ma, hoặc để con dao hay cái rựa bên cạnh, phòng khi đối trị ma quái. Xưa Phật chiến đấu với ma quân Ngài mặc áo giáp từ bi, cầm cung thiên định, bắn tên trí tuệ và dùng phước đức làm binh khí để chiến đấu với ma quân. Chúng ta thấy đức Phật đơn độc một mình và chỉ sử dụng có bốn loại khí giới là từ bi, thiên định, trí tuệ và phước đức mà chiến thắng được ma quân một cách vẻ vang. Sở dĩ Phật chiến thắng được ma quân là vì Ngài có tâm từ bi vô lượng vô biên, không oán không thù ai, nên ma không hại được. Còn chúng ta thì lòng từ bi chưa bữa khắp, sử kỹ tiếp vật còn thân còn sợ, nên ma tham, ma sân có chỗ vào. Vì vậy mà cứ thua ma dài dài, đó là yếu tố thứ nhất. Yếu tố thứ hai là tâm Phật luôn luôn an định, dù ma có hiện hình tướng kỳ quái thô bạo dữ dằn đến đâu, Ngài vẫn mặc nhiên không run, không sợ nên ma không hại được. Bây giờ chúng ta tu nếu gặp ma hiện mặt vằn, mặt đỏ trong đêm tối, thì hoảng hốt chạy la, không giữ được bình tĩnh đó là do tâm không an định, vì tâm không an định nên sợ và thua ma. Yếu tố thứ ba là với trí tuệ sáng suốt, Phật thấy rõ thân này không thật thì các tướng mạo của ma qui nào có thật; nên không bị chi phối bởi ma. Chúng ta vì trí tuệ chưa sáng, thấy thân này thật, ma cũng thật, sanh tâm kính sợ nên bị ma hại. Yếu tố thứ tư là phước nghiệp do công phu tu tập, làm lợi ích chúng sanh, phước đức kết nhóm nhiều đời nhiều kiếp nên ma không hại được. Chúng ta tu, sở dĩ thường gặp chướng nạn ma nạn là vì phước đức mỏng, sức tu tập yếu nên bị ma nhiếp phục dễ dàng.

Tôi thường nói chúng ta tu đừng ý mình thông minh, đừng ý mình tài giỏi, cũng đừng ý mình khôn lanh là có thể hanh thông trên đường tu tiên, mà phải xét nét công hạnh tu tập của mình. Nếu thấy phước đức mình cạn mỏng thì lo vun bồi cho được sâu dày, hầu giúp mình vượt qua mọi chướng nạn và tiến đến chỗ cứu

cánh viên mãn. Vì có rất nhiều người khôn lanh, thông minh, tài giỏi mà không tránh được chướng nạn khổ đau. Ngược lại, người có nhiều phước đức thì vượt qua tất cả mọi chướng ngại, sự tu tập dễ dàng tiến mau nên được kết quả tốt.

Chúng ta thấy, đức Phật khi chiến đấu với ma quân, chỉ dùng có bốn loại binh khí: Nhân từ là do tự tâm phát khởi lòng thương yêu tất cả mọi loài. Chánh định là do lóng lạng tâm tư mà được thanh tịnh, nhờ tâm thanh tịnh nên trí tuệ phát sáng. Còn phước nghiệp là do công hạnh làm lợi ích cho mọi loài. Chính bốn đức ấy hóa giải sự nhiễu hại của ma quân ở chính mình. Như vậy, chúng ta vào đạo là phải giữ tâm không oán không thù, lần lần để tâm lóng lạng cho trí tuệ phát sáng, và hằng ngày làm việc thiện lợi ích cho mọi người. Đó là những điều căn bản không một người tu nào có thể thiếu được.

Tóm lại, tu theo đạo Phật, chủ yếu là tránh ba nghiệp ác của thân miệng ý và tạo ba nghiệp lành. Vì nghiệp có sức mạnh đưa người tới chỗ khổ hay vui.

Nếu tu mà nghiệp thức còn thì dù có chứng thần thông siêu việt đến đâu, cũng không giải cứu được khi nghiệp báo đến. Vì thế, đạo Phật không trọng thần thông, mà sợ gây nghiệp ác, khuyên tạo nghiệp lành. Thế nên mọi hiện tượng huyền bí lạ lùng không phải là cái đích cho người tu Phật hướng đến. Người tu Phật chân chính là tự trau sửa mình, để trở thành người tốt, nhân từ đức hạnh, tâm bình an, trí tuệ sáng suốt, hằng ngày làm lợi ích cho mọi người, đó là điều cơ bản. Không hiếu kỳ, không lười biếng, không ý vào thần quyền ma lực, tu như thế mới đúng với tinh thần của đạo Phật.



BẢN NGÃ LÀ GỐC CỦA KHỔ ĐAU VÀ BẤT CÔNG

Trên cõi đời này, tất cả chúng ta dù lớn hay nhỏ, ai cũng như ai đều thấy mình (bản ngã) là quan trọng; cho mình là trung tâm của vũ trụ, nên xem thường mọi người và muốn mọi người quý trọng mình, hướng về mình. Đó là cái bệnh rất lớn làm cho con người đau khổ. Thế nên Phật thuyết giáo chỉ dạy cho chúng ta là phải buông xả kiến chấp về bản ngã, để thoát khỏi mọi khổ đau. Người chấp ngã chẳng những không thấu đạt chân lý mà còn đặt để ra nhiều điều bất công sai lầm khiến cho người vật phải khổ đau vì mình.

Người chấp ngã ở trường hợp nào cũng muốn hoàn cảnh theo mình, qui hướng về mình. Đối với thiên nhiên thì muốn thiên nhiên vì mình, lệ thuộc mình. Lúc tôi còn ở Chân Không, một hôm trời mưa tôi hỏi thị giả:

Đó chú, mưa để làm gì ?

Thị giả đáp :

- Thưa Thầy, mưa để cho nhà nông làm ruộng.

Tôi cười, hỏi:

- Ngoài biển có ai làm ruộng đâu mà sao trời vẫn mưa ?

Thị giả không trả lời được.

Đa số chúng ta đều nghĩ trời mưa là để làm ruộng, trời nắng là để phơi lúa v.v... Tất cả cái gì cũng để cho chúng ta hết. Nên khi làm ruộng gặp trời nắng thì than trời, trách trời không thương mình. Ngược lại khi phơi lúa mà mưa thì cũng trách trời, có khi nổi giận với Trời nữa. Do chấp ngã mà nhiều người nói bậy nói càn, bởi thiên nhiên không chiều theo ý mình, không chiều theo công việc làm ăn của mình ! Đó là trời mưa để làm ruộng, trời nắng để phơi lúa. Rồi đến nước biển mặn để lấy muối, đất màu mỡ để trồng cây lấy trái, gió thổi để cho người mát... Do nghĩ tất cả mọi thứ đều để cho chúng ta, nên cái gì như ý thì chúng ta vui, trái lại thì chúng ta buồn giận. Quý vị hãy lại xem có phải con người bắt trời đất chiều theo ý mình không ? Như vậy thì bản ngã chúng ta bao lớn ?

- To vô kể ! Trời đất thiên nhiên mà cũng bắt qui hướng về mình, mình muốn cái gì thì trời đất phải chiều theo cái nấy. Bởi bản ngã to, nên không thấy được lẽ thật!

Đó là thiên nhiên đối với bản ngã, bây giờ sự vật đối với bản ngã. Bởi chấp ngã nên những con vật mà chúng ta nuôi, chúng ta bắt nó phải làm bổn phận với chúng ta. Ví dụ như nuôi chó là để giữ nhà, nuôi gà trống là để gáy sáng báo thức, nuôi trâu để cày ruộng, nuôi ngựa để kéo xe v.v... Chúng ta nghĩ nuôi chó là để giữ nhà, kỳ thực khi nuôi nó, chúng ta đâu có giao ước với nó là lớn lên phải giữ nhà cho chúng ta và nó đã hứa khả. Nó hoàn toàn không biết gì về chuyện giữ nhà giữ cửa, đặc tính của chó thấy người lạ là sủa. Thấy chó sủa người lạ, chúng ta cho rằng chó giữ nhà cho mình. Nhà mình mình giữ là bổn phận của mình. Chó nó đâu có biết đồ mình cất chỗ nào để giữ ? Thế mà khi ăn trộm vô nhà lấy đồ, chó nó ngủ quên không sủa, thì sáng ra mắng chửi đánh đập con chó. Tại sao của mình mình không giữ, nhà mình mình không canh, khi mất đồ thì đánh chó mà không đánh mình ? Con gà cũng vậy, ở nhà quê có nhiều nhà không có đồng hồ, nhờ

tiếng gà gáy đánh thức để lo công việc làm ăn. Hôm nào gà ngủ quên không gáy sáng, chủ nhà cũng ngủ quên, không dậy đúng giờ để gánh hàng ra chợ bán, rồi nổi giận chửi bới mấy con gà, mà không tự trách mình. Như vậy, có phải chúng ta đặt mọi sự vật lệ thuộc vào chúng ta một cách quá đáng không ?

Khi thấy bản ngã là trên hết, thì chúng ta không nhận định được lẽ thật, không biết cái nào là hợp lý. Nghĩ nói làm rất bất công, xằng bậy, cho rằng gà vịt tôm cá v.v... sanh ra là để cho con người ăn, nuôi sống con người, nên nói: “Vật dưỡng nhơn”.

Thật sự thì các con thú có đồng ý đem mạng sống nuôi mạng người không ? Khi quý vị bắt gà làm thịt nó có giãy giụa kêu la không ? Rõ ràng con gà sợ hãi, giãy giụa tỏ thái độ phản đối, vì không muốn mất mạng sống. Nhưng vì không thể chạy thoát nên đành chịu chết, chớ nó đâu có vui lòng đem mạng sống đãi cho người ăn ! Rồi đến những con thú lớn như con heo, con bò... Khi đem nó ra giết, nó giãy giụa kêu rống, nào có vui vẻ sẵn sàng hiến thân cho người ăn đâu ! Tóm lại tất cả những sinh vật không phải tự nó muốn đem thân dâng cho người ăn. Nhưng vì nhu cầu thèm muốn của con người, nên con người bắt nó làm thức ăn, chớ không ai đặt để loài vật nuôi loài người mà nói “vật dưỡng nhơn”.

Nếu đặt ngược lại câu nói đó lại là “nhơn dưỡng vật” thì quý vị nghĩ sao ? Chắc chắn là không đồng ý. Bằng chứng là con muỗi con rệp chích người lây chút máu để sống, thì người không cho, hoặc đuổi đi hoặc đập chết. Để thấy người không chấp nhận quan niệm “nhơn dưỡng vật”, thì loài vật nào chịu “vật dưỡng nhơn” ? Loài vật dù mạng sống nhỏ nhoi, nhưng nó vẫn ham sống sợ chết, song vì sức yếu không chống cự nổi nên đành chịu chết để loài người ăn thịt vậy. Đó là những vật yếu, nhỏ, bây giờ đến những vật có thân lớn mạnh hơn loài người, như con cọp, con sư tử, cá mập... Khi cọp, sư tử thấy người nó cho là mồi của nó nên nó vồ để ăn thịt. Người chống cự không lại trốn không thoát, thì bị nó ăn thịt để nuôi mạng sống nó. Như vậy quý vị có thừa nhận lý thuyết “nhơn dưỡng vật” thì vật cũng không chấp nhận thuyết “vật dưỡng nhơn”. Nếu thú biết nói tiếng người, chắc chắn là nói cãi lại, hoặc kiện thưa đến tòa, chớ không chịu thua đâu ! Loài người bất công quá ! Loài vật đâu có thừa nhận cho loài người ăn thịt nó, vậy mà loài người tự đặt để loài vật phải nuôi loài người, để rồi ăn thịt nó cho ngon miệng, không chút lòng hối hận thương tiếc !

Trong cuộc sống này chẳng ai nuôi ai hết, chẳng qua loài mạnh dùng sức bắt ép các vật nhỏ yếu để mà ăn. Đó là một lẽ thật không chối cãi. Hiểu như vậy, thì khi bắt một con vật làm thức ăn, chúng ta phải biết rằng chúng ta đã dùng sức mạnh cướp đoạt mạng sống của nó, để lợi dưỡng cho mình, chớ không phải chính nó tự nguyện hy sinh nuôi mình. Có nghĩ như vậy, chúng ta mới giảm thiểu sự lạm dụng máu thịt của chúng sanh. Và, khi ăn cũng có chút lòng xót thương cho thân phận yếu hèn của nó. Để thấy quan niệm “vật dưỡng nhơn” không phải là chân lý mà do người đặt để ra. Đó là bản ngã con người đối với thiên nhiên và đối với sinh vật.

Sau đây là bản ngã của con người đối với con người. Thế thường, con người hay coi trọng bản ngã của mình, nên khi có thể lực liền đặt ra nhiều điều

luật vô lý, tạo sự bất công giữa con người với con người. Xưa ở Ấn Độ, trước thời Phật ra đời, người Ấn Độ đặt ra luật Ma nu, luật này chia loài người ra làm bốn hạng: Giòng Bà-la-môn tức là giới tu sĩ có nhiều quyền lợi hơn hết. Kế đó là giòng Sát-đế-lợi tức là giới võ sĩ gồm vua quan. Kế nữa là giòng Vệ-xá tức giới thương mại thợ thuyền. Thấp nhất là giòng Thủ-đà-la, gồm những người nghèo khó hạ tiện làm tôi mọi cho ba hạng người trên. Người đặt ra luật lệ đó là ai ? Có phải những người có học khôn lanh, lợi dụng thế lực sẵn có của mình mà đặt để như thế, nhằm bảo vệ cho giai cấp của mình sống yên ổn, để thọ hưởng những quyền lợi sung mãn, bắt những giai cấp bất hạnh khác phải phụng sự tôn kính mình ? Do đâu mà họ bày ra như vậy ? Có phải là do cái bản ngã của họ không ? Như vậy, tất cả mọi bất công trong xã hội đều nhằm mục tiêu thỏa mãn bản ngã của con người chớ không có lý do gì khác.

Xưa thời quân chủ phong kiến, các ông vua tự xưng là Thiên tử - con trời - Họ quan niệm trời sanh ra muôn vật, nên trời là trên hết, mà con trời thì quyền thế không ai bằng. Bởi vậy làm vua muốn giết ai thì giết, muốn phong ai làm quan thì phong, muốn cất chức ai thì cất. Không ai có thể ngăn cản, không ai có quyền làm trái lại ý muốn của vua, nếu có ai làm trái ý là phạm tội khi quân, bị án tử hình hoặc tru di tam tộc. Đó là những bất công do người có thế lực đặt ra, để khống chế những người không thế lực, chỉ vì nhằm thỏa mãn bản ngã của họ, để làm các việc mà không ai dám kêu ca, phản đối. Đó là quan niệm hết sức sai lầm do si mê chấp ngã mà ra.

Muốn phá bỏ cái mê chấp ấy, chúng ta phải làm sao ? Phật dạy con người muốn được an vui hạnh phúc phải ứng dụng lý nhân duyên vào cuộc sống. Lý nhân duyên là một lẽ thật. Từ thiên nhiên cho đến sinh vật trên cõi đời này, đều tùy thuộc vào lý nhân duyên. Người đời vì không thấy không hiểu nên sanh ra quan niệm chấp ngã sai lầm tự làm khổ mình và làm khổ người vật xung quanh. Nếu hiểu thấu lý nhân duyên thì chúng ta không còn chấp ngã nữa. Chẳng hạn như hiện tượng trời mưa là do nước bốc thành hơi, hơi nước gặp lạnh tụ lại thành mưa rơi nước xuống. Bất cứ chỗ nào đủ nhân đủ duyên như vậy thì có mưa, không lựa là biển hay ruộng hay núi rừng. Rồi như cái nhà do nhiều duyên tập hợp mà thành, như gạch, cát, ciment, tole, gỗ, công thợ v.v... tập hợp lại đúng hệ thống thì thành cái nhà. Phân tán những thành phần này ra thì cái nhà không có. Rõ ràng cái nhà không thật, nhưng vì thói quen của con người thấy vật gì cũng cho là thật, rồi chấp nó là của mình của người, sanh ra mọi phiền não. Chính ngay bản thân con người cũng do nhân duyên mà thành. Dờ dĩ thân này có ra là do tinh cha huyết mẹ hợp lại rồi thần thức gá vào thành thai mẹ, được nuôi dưỡng bằng tứ đại qua thức ăn nước uống hơi thở và hơi ấm của người mẹ. Khi thai nhi ra đời, cũng tiếp tục dưỡng nuôi bằng tứ đại là sữa, cơm, nước... cho đến khi trưởng thành. Người thành nhân rồi dần dần đi đến già chết, sắc thân tan hoại, tứ đại trở về với tứ đại. Vậy thân này có thật là ta không ? - Do duyên hợp mà có, duyên tan thì rã rời, không tìm thấy cái ta ở đồng thịt hay ở vũng máu hay ở khúc xương... Nhưng vì chúng ta mê không thấy được lẽ thật; cho thân này là thật nên mới chấp ngã. Vì thân này không thật nên khi duyên tụ thì thành, có ta; khi duyên tan thì hoại, ta

mất. Vậy mới biết : cái ta này là cái ta thuộc về duyên. Nếu thuộc về duyên thì không thật. Đó là chúng ta dùng trí tuệ quan sát thấy tất cả pháp đều do duyên. Thân người có là do duyên, vạn vật có cũng do duyên.

Kinh A-hàm Phật dạy: “Thấy được lý nhân duyên là thấy chánh pháp hay thấy đạo”, đó là người có trí tuệ. Vạn vật trên cõi đời này có ra là do nhân duyên sanh. Vì chúng ta không thấy không biết nên nhận định sai lầm, đặt nó thế này, thấy nó thế kia, rồi sống một cách mù quáng tà vạy, sanh ra bao nhiêu thứ phiền não khổ đau.

Nói thân người, thân thú, mọi cảnh vật... đều do nhân duyên sanh, tất cả đều không thật; có người hoang mang thắc mắc: Thân người không thật thì sống để làm gì ? Cảnh không thật thì làm ăn chi cho cực nhọc ? Thôi thì ngồi treo cẳng, nhịp đùi, thổi sáo, chơi, chờ chết... Người nghĩ như thế là chưa hiểu lý nhân duyên. Lý nhân duyên chỉ cho chúng ta thấy rõ lẽ thật. Khi đã thấy rõ lẽ thật thì chúng ta có nhiều lợi ích lớn. Chúng ta sẽ làm chủ được mình, chuyển đổi con người của chúng ta từ tầm thường thấp kém trở nên cao thượng tốt đẹp, chuyển đổi hoàn cảnh từ xấu thành tốt, chuyển đổi sự vật từ dở thành hay. Ví dụ như thau nước, chúng ta muốn cho nó đọng lại thành khối thì tạo duyên lạnh, muốn bốc thành hơi thì tạo duyên nóng, muốn nước ở thể lỏng thì tạo duyên ấm, nước nó không cố định, tùy theo duyên mà nó thay đổi. Con người cũng vậy, đang là người tầm thường muốn trở nên người cao thượng, thì phải tạo duyên tốt là gần thầy sáng, bạn lành, thường đọc kinh sách, chăm chỉ tu hành. Ngược lại nếu muốn bê tha sa đọa, thì cứ la cà trà đình, tửu điểm, giao du với bạn ác thì sẽ thành người xấu, người hèn.

Như vậy, thấu suốt được lý nhân duyên thì con người không còn chấp ngã, không làm những chuyện cuồng dại nữa. Chúng ta sẽ nỗ lực vươn lên và tự tin nơi mình có khả năng tạo dựng một cuộc sống cho chính mình, và thực hiện sở nguyện của mình một cách công bằng hợp lý, đúng theo lý nhân duyên. Nếu không hiểu lý nhân duyên, thì con người sẽ cho rằng cuộc đời của ta là do trời đất sắp bày, sanh ra bởi trời đất, chết đi cũng do đất trời định đoạt. Mọi sự thăng trầm thịnh suy trong đời người đều nằm trong tay của đấng tạo hóa, con người không có quyền lực gì cả.

Lý nhân duyên rất thực tế và công bằng, nên người Phật tử phải hiểu cho rành rẽ, rồi đem ứng dụng vào cuộc sống của mình sẽ được lợi ích lớn. Không riêng người học Phật mới ứng dụng lý nhân duyên, mà chính các nhà khoa học sáng chế được những máy móc tinh vi, phát minh ra những điều mới lạ, đều ứng dụng lý nhân duyên mà thành.

Bản thân con người, Phật nói có bốn thứ là đất nước gió lửa hợp lại thành, bốn thứ này là phần căn bản. Khoa học thì phân chia thân thể con người rất nhiều bộ phận, phân tích chi ly thì thân con người có trăm ngàn muôn ức tế bào. Mỗi bộ phận mỗi loại tế bào có một chức năng riêng của nó mà hình thành nên thân người. Như vậy thân thể con người là một cố thể tập hợp các duyên, hội đủ duyên thì thành, không đủ duyên thì tan hoại, nên nó không có thực thể cũng không phải cố

định. Bởi nó không có thực thể, không cố định, nên Phật nói là vô ngã, không có cái ta chủ thể, mà chỉ có cái ta duyên hợp. Do duyên hợp nên hằng chuyển biến.

Chính vì sanh mạng con người do duyên hợp và hằng chuyển biến, nên chúng ta có thể đổi thay từ xấu thành tốt được. Chẳng hạn thân thể đang suy dinh dưỡng bệnh hoạn, thì nên nghỉ ngơi, ăn uống, thuốc men bồi bổ cho nó mạnh khỏe. Con người thành tốt hay xấu, khổ hay vui, đều do mình, không ai bắt mình phải xuống địa ngục cũng không ai kéo mình lên thiên đường. Con người đóng vai trò chủ động trong việc này. Vậy, muốn lên thiên đường phải làm sao ? Phật dạy, người muốn lên thiên đường là phải tu thập thiện. Nơi thân không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Nơi miệng không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói thêu dệt. Nơi ý không tham lam, không sân giận, không si mê tà kiến. Và ngược lại thì xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Những đường này chắc không ai muốn, nhưng dù không muốn, mà đã gây ra mười điều ác, thì nó vẫn là cái nhân kéo lôi con người đến những đường ác đó. Quý vị phải hiểu rõ điều này, để đừng gieo nhân lầm lẫn. Trong kinh A-hàm có đoạn ghi: Một hôm có vị Bà-la-môn hỏi Phật :

- Thưa ngài Cù-đàm, đệ tử của Ngài chết, Ngài có thể cầu nguyện cho họ lên thiên đường được không ?

Phật không đáp mà hỏi lại:

- Nếu đệ tử của các ông chết, các ông có thể cầu cho họ lên thiên đường được không ?

Bà-la-môn trả lời:

- Được.

Phật liền đưa ra một ví dụ:

- Giả sử có người đem một tảng đá lớn để trên miệng giếng, rồi thỉnh hai ba chục vị Bà-la-môn đứng xung quanh cầu nguyện cho vị ấy xô tảng đá xuống giếng, tảng đá nổi không chìm. Quý vị Bà-la-môn có cầu nguyện được không ?

Người Bà-la-môn đáp:

Câu không được.

Phật hỏi:

Tại sao ?

Người Bà-la-môn đáp:

- Vì đá nặng, rớt xuống nước là chìm, dầu cho hàng triệu người cầu nguyện nó cũng không nổi được.

Phật lại hỏi tiếp:

- Giả sử có người đem dầu đổ xuống giếng, rồi mời các vị Bà-la-môn cầu nguyện cho dầu đừng nổi mà chìm dưới đáy giếng, các vị có cầu được không ?

Người Bà-la-môn trả lời:

- Không được.

- Tại sao ?

- Vì dầu nhẹ nên nổi ở trên mặt nước, không thể chìm dưới đáy giếng được.

Phật nói:

- Cũng vậy, nếu người tạo thập ác là cái nhân đọa vào đường ác, làm sao cầu nguyện cho họ lên thiên đường được. Người tu thập thiện đã tạo cái nhân lên thiên đường, dù cho người ác ý muốn cầu cho họ xuống địa ngục, họ vẫn lên thiên đường.

Vậy mà đa số Phật tử bây giờ tu thì không tu, cứ mãi lo làm ăn, đua đòi theo tài sắc danh lợi. Đến khi gần chết, sợ quá, thỉnh các thầy các cô cho đông, để cầu nguyện lên thiên đường hoặc về Cực lạc. Cầu nguyện có được thành tựu không? Chắc là không thành tựu. Điều này Phật đã nói quá rõ là tạo nhân thì sẽ thọ quả. Thế nên muốn không đọa địa ngục, thì không gì hơn là trong trong hiện đời, mười điều ác phải chừa bỏ; chừa mười điều ác thì bảo đảm không xuống địa ngục, mà còn sanh về cõi lành nữa.

Đừng ý lại vào người khác hoặc hy vọng ở sự cầu nguyện, điều này không bảo đảm. Tôi lấy ví dụ để quý vị dễ thấy. Giả sử như quý vị muốn cho mọi người thương mến mình, thì quý vị phải ăn ở tử tế với mọi người, sẵn sàng giúp đỡ khi họ cần, niềm nở vui vẻ khi tiếp họ, như vậy mới được người thương mến. Muốn cho mọi người thương mình mà ăn nói cộc cằn, xử sự với người thô bỉ chẳng có lòng nhân giúp đỡ ai cả... Chắc chắn là không ai cảm tình. Điều này rất là cụ thể. Như vậy muốn cho mọi người thương mến, chúng ta phải tạo duyên vui vẻ, tử tế, giúp đỡ người. Thiếu những duyên ấy thì điều mình muốn không thể thành tựu. Ngược lại, nếu tạo duyên cộc cằn, vô lễ, xấu xa với mọi người, dù không muốn người ghét người vẫn ghét. Vậy mọi người thương mến mình cũng do mình tạo duyên, hoặc bị người giận ghét cũng do mình tạo duyên, chớ không do ai khác, không có Phật Trời nào can dự vào các việc này. Người hiểu lý nhân duyên trong cuộc sống hằng ngày, trong sự tương giao với đồng loại, biết cách cư xử hợp đạo lý thì mình được an người cũng được vui.

Nếu biết ứng dụng lý nhân duyên là tiến một bước mạnh trên sự vươn lên của tâm linh con người. Nhưng tiếc thay, con người chỉ ứng dụng lý nhân duyên trong lãnh vực vật chất, mà không chú trọng đến lãnh vực tinh thần. Các nhà khoa học ngày nay làm chủ được những điều mà xưa kia con người không làm được; đó là phát minh sáng chế ra phi cơ bay trên không trung, tàu ngầm lặn dưới đáy biển, xe chạy nhanh trên đường dài... Những phát minh hiện đại đều do biết được nhân, tạo thêm duyên sẽ cho ra cái quả như ý muốn. Đó là lý nhân duyên được ứng dụng trong lãnh vực vật chất. Chính vì con người chú trọng vật chất để tạo ra vật chất sung mãn rồi sanh lòng tham đắm, giành giựt cầu xé lẫn nhau, tạo cho nhau những nỗi đau khổ không thể lường. Chúng ta là người hiểu đạo, nên hướng về tinh thần, ứng dụng lý nhân duyên vào cuộc sống. Tạo cho mình một đời sống đạo đức với hướng đi lên, chuyển hóa từ con người phàm phu thấp hèn tiến dần lên hàng hiền thánh, tự mình giải thoát và giúp người ra khỏi vòng trầm luân khổ hải.

Vậy muốn giải thoát phải làm sao? Sáu căn không đuổi theo sáu trần là giải thoát. Sở dĩ người không giải thoát được là vì mắt còn thích nhìn sắc đẹp, tai còn ưa nghe tiếng hay, lưỡi còn thích nếm vị ngon, mũi còn ưa ngửi mùi thơm... Chính các căn tự trời buộc với trần cảnh, đó là các duyên mà con người tự tạo ra, rồi lại

vướng mắc vào. Nay muốn giải thoát thì chúng ta phải tự gỡ trói, chớ không ai gỡ thể chúng ta được. Vậy nên, muốn vào thì tự cột, muốn ra thì tự cởi, giải thoát hay ràng buộc đều do mình, quyền của mình.

Người hiểu được lý nhân duyên, nhìn lại bản thân mình thấy rõ nó là một hợp thể do duyên mà có, đã do duyên hợp thành, thì cái gì là ngã ? Ngã là chủ thể, là cố định, thân này là hợp thể của đất nước gió lửa không phải là một, và nó luôn luôn biến chuyển. Bởi nó biến chuyển không ngừng nên nó không có chủ thể, tức là vô ngã.

Vô ngã là không có chủ thể cố định, tuy không có chủ thể cố định, nhưng có phần tinh thần diễn tiến liên tục không dừng. Nói như vậy sẽ có một số người hoang mang: Nếu không có chủ thể, tức là không có tôi, vậy ai tạo tác, ai làm thiện và mai kia duyên tan thân thể rã rời, thì ai chịu quả báo, mà Phật nói tạo nhân phải thọ phải ? Chỗ này Phật giải thích bằng một ví dụ: Ngọn đèn thắp từ đầu hôm đến khuya, mắt thường chúng ta thấy như có một khối dầu cung cấp cho ngọn đèn cháy. Kỳ thực, mỗi lúc tim đèn chỉ rút một hạt dầu, rồi từng hạt từng hạt nối tiếp nhau, cứ như vậy mà cháy mãi, cháy mãi không dừng. Tâm thức con người cũng vậy tuy không có chủ thể cố định, nhưng có thức liên tục trôi chảy không dừng, không mất, nên nghiệp vừa tạo dẫn đến giai đoạn kế tiếp nhận chịu. Nhận chịu trong cái liên tục, chớ không phải vô ngã là không ngưng. Lý vô ngã của đạo Phật chỉ cho chúng ta thấy tâm thức và thân xác con người là một dòng biến chuyển, biến chuyển quá nhanh nên chúng ta không nhận kịp, tưởng là một. Và cũng nhờ sự biến chuyển này mà chúng ta mới tu được. Nếu cái ngã là một, thường hằng bất biến, thì dù có tu tạo duyên tốt để chuyển đổi, cũng không thay đổi được. Hiểu như vậy là biết được ý nghĩa tu của đạo Phật. Biết người vật luôn luôn biến đổi, nên chúng ta sống tùy duyên theo duyên. Tạo duyên tốt thì thăng tiến, tạo duyên xấu thì trầm luân; đủ duyên thì thân này có, duyên thiếu thì thân này rã tan... Như vậy là quả theo nhân theo duyên mà có, chớ không phải bỗng dưng mà thành. Chỗ này quý Phật tử nên lưu ý kéo hiểu lầm, cho rằng sau khi chết linh hồn được sanh về cõi trời hoặc bị đọa xuống địa ngục... Để rồi khi thân nhân gần chết, nhờ quý thầy quý cô tụng kinh cầu nguyện cho linh hồn người thân mình được đi lên. Đức Phật có thừa nhận linh hồn không ? Đây là vấn đề rất tế nhị chúng ta cần phải lưu ý. Nếu cho rằng con người có linh hồn, thì khi người chết linh hồn người trở lại làm người, thú chết linh hồn thú trở lại làm thú. Như vậy tu vô ích, vì dù có tu cũng không thăng tiến, bởi linh hồn không thay đổi. Hiểu như vậy là sai lầm.

Đạo Phật không thừa nhận linh hồn, mà cho rằng con người có thức chuyển biến, thức ấy là cái biết phân biệt. Cái biết phân biệt này là một dòng chuyển biến không dừng. Khi nhỏ thì hiểu biết phân biệt theo trẻ con. Khi lớn thì hiểu biết phân biệt theo người lớn. Nếu có duyên được học hành nhiều thì hiểu biết sâu rộng... Tâm thức con người luôn luôn biến đổi không dừng. Còn linh hồn thì cố định. Vì linh hồn cố định, nên có học cũng không giỏi, không học cũng chẳng ngu, tu cũng không tiến.

Mục đích của đạo Phật là chỉ cho con người thấy đúng lẽ thật qua lý duyên sinh, để phá trừ mê lầm chấp ngã, chấp ngã là gốc của đau khổ bất công mà tôi đã

nói ở trước. Phá được chấp ngã rồi thì mọi bất công không còn, mọi đau khổ cũng hết. Và khi chúng ta biết ứng dụng lý nhân duyên vào cuộc sống, nó sẽ giúp cho chúng ta một sức sống tích cực, để chuyển hướng cuộc đời mình từ phàm phu mê chấp trở thành thánh thiện sáng suốt, và chuyển hướng mọi sự vật chung quanh từ dở thành hay. Đó là công phu tu hành, là sức mạnh của người học Phật. Nếu chúng ta không biết được lẽ này, cứ y lại vào Phật, y lại vào Tăng Ni, tự mình không chịu lo tu hành, để khi hữu sự đi cầu nguyện van xin Phật Trời ban cho phước lành, việc làm đó vô ích không đi tới đâu cả. Rốt cuộc chẳng những uổng công mà còn bị chìm trong mê tối. vậy nên mong rằng quý vị cố gắng thực hiện theo lý nhân duyên mà tôi vừa nêu, để phá trừ mê lầm chấp ngã và tạo cho mình và cho người một cuộc sống an vui hạnh phúc.

